

PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

GẮN VỚI BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

(Giáo trình sau đại học)

ISBN: 978-604-324-865-4



SÁCH KHÔNG BÁN

PGS.TS. VŨ CÔNG GIAO
TS. BÙI TIẾN ĐẠT
(Đồng chủ biên)

PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

GẮN VỚI BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT
ĐỘNG VẬT HOANG DÃ



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ QUẢN TRỊ NHÀ NƯỚC
VÀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

PGS.TS. VŨ CÔNG GIAO - TS. BÙI TIẾN ĐẠT
(Đồng chủ biên)

PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

GẮN VỚI BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

(Giáo trình sau đại học)



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
GẮN VỚI BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ
(Giáo trình sau đại học)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ QUẢN TRỊ NHÀ NƯỚC
VÀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

VŨ CÔNG GIAO – BÙI TIẾN ĐẠT
(Đồng chủ biên)

**PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
GẮN VỚI BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ**
(Giáo trình sau đại học)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

NHÓM TÁC GIẢ

Chương I: Nguyễn Quảng Trường, Vũ Công Giao

Chương II: Vũ Công Giao, Nguyễn Quang Đức

Chương III: Vũ Công Giao, Bùi Tiến Đạt

Chương IV: Bùi Tiến Đạt, Vũ Công Giao, Nguyễn Hoàng Anh, Nguyễn Văn Quân, Nguyễn Anh Đức, Nguyễn Quang Đức, Nguyễn Thị Minh Hà, Nguyễn Thùy Dương, Vũ Thị Thu Quyên



Do Chính phủ Hoa Kỳ tài trợ

Giáo trình là một phần kết quả của dự án “Phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã tại Việt Nam” do Cục Phòng chống Ma túy và Thực thi Pháp luật Quốc tế (INL), Bộ ngoại giao Hoa Kỳ tài trợ thông qua Tổ chức Wildlife Conservation Society (WCS) - Chương trình Việt Nam. Nội dung tài liệu do Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội và Tổ chức WCS xây dựng, và không nhất thiết phản ánh quan điểm của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ.

WCS hoạt động tại Việt Nam từ năm 2006, tập trung tăng cường năng lực thực thi pháp luật cho các cơ quan chức năng tại Việt Nam và hỗ trợ hoàn thiện khung pháp lý để đấu tranh với tội phạm về động vật hoang dã. WCS ưu tiên một số lĩnh vực hoạt động chủ chốt nhằm tác động đến các mạng lưới buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã tại Việt Nam ở mọi cấp độ, với mục tiêu cuối cùng là hỗ trợ các cơ quan thực thi pháp luật Việt Nam phòng, chống và đấu tranh hiệu quả đối với loại tội phạm này.

Website: <https://vietnam.wcs.org/>

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	11
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	14

Chương I

KHÁI QUÁT VỀ PHÒNG, CHỐNG

BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

1.1. KHÁI NIỆM “ĐỘNG VẬT HOANG DÃ, BẢO TỒN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ”	15
1.1.1. Khái niệm “động vật hoang dã”	15
1.1.2. Khái niệm và ý nghĩa của bảo tồn động vật hoang dã	17
1.2. KHÁI NIỆM VÀ TÌNH HÌNH BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ... ..	21
1.2.1. Khái niệm “buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã”	21
1.2.2. Tình hình buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã	23
1.3. KHÁI NIỆM VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC PHÒNG, CHỐNG BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ	25
1.4. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ	31
1.4.1. Xây dựng chính sách, pháp luật.....	32
1.4.2. Quản lý và thực thi pháp luật.....	32
1.4.3. Ý thức trách nhiệm	34
CÂU HỎI ÔN TẬP	35

Chương II**KHÁI QUÁT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
GẮN VỚI BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ**

2.1. NHẬN THỨC VỀ THAM NHŨNG VÀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG.....	36
2.1.1. Khái niệm, nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng.....	36
2.1.2. Khái niệm phòng, chống tham nhũng	42
2.2. MỐI LIÊN HỆ VÀ NHỮNG BIỂU HIỆN THAM NHŨNG GẮN VỚI BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ	44
2.3. NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN THAM NHŨNG GẮN VỚI BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ.....	51
2.4. SỰ CẦN THIẾT CỦA PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG GẮN VỚI BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ	53
2.5. GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG GẮN VỚI BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ	55
CÂU HỎI ÔN TẬP	70

Chương III**KHUNG PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM
LIÊN QUAN ĐẾN PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
GẮN VỚI BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ**

3.1. KHUNG PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ VIỆT NAM LIÊN QUAN ĐẾN PHÒNG, CHỐNG BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ.....	71
3.1.1. Khung pháp luật quốc tế liên quan đến phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã.....	71
3.1.2. Khung pháp luật Việt Nam liên quan đến phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã.....	82

3.2. KHUNG PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ VIỆT NAM VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG VÀ KHẢ NĂNG ÁP DỤNG VÀO VIỆC PHÒNG, CHỐNG BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ.....	114
3.2.1. Khung pháp luật quốc tế về phòng, chống tham nhũng và khả năng áp dụng vào việc phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã	114
3.2.2. Khung pháp luật Việt Nam về phòng, chống tham nhũng và khả năng áp dụng vào việc phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã	126
CÂU HỎI ÔN TẬP	140

Chương IV

THỰC HIỆN PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG GẮN VỚI BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở VIỆT NAM

4.1. RỦI RO THAM NHƯNG TRONG THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ BẢO TỒN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở VIỆT NAM	142
4.2. THỰC TIỄN PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG TRONG THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ BẢO TỒN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở VIỆT NAM	145
4.2.1. Thực tiễn phòng, chống tham nhũng trong thực thi pháp luật về nuôi, nhốt động vật hoang dã.....	145
4.2.2. Thực tiễn phòng, chống tham nhũng trong thực thi pháp luật về săn bắt, tàng trữ và vận chuyển động vật hoang dã	148
4.2.3. Thực tiễn phòng, chống tham nhũng trong thực thi pháp luật về kinh doanh và tiêu thụ động vật hoang dã	155
4.2.4. Huy động sự tham gia của xã hội vào phòng, chống tham nhũng trong thực thi pháp luật về bảo tồn động vật hoang dã ở Việt Nam	163
4.3. TĂNG CƯỜNG PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG GẮN VỚI BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở VIỆT NAM.....	167
4.3.1. Nâng cao năng lực quản trị của Nhà nước và thúc đẩy thực hành các nguyên tắc pháp quyền trong xã hội	167

4.3.2. Cải cách chính sách, pháp luật nhằm ngăn ngừa rủi ro tham nhũng liên quan tới buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã	168
4.3.3. Nâng cao vai trò của các tổ chức xã hội và sử dụng truyền thông xã hội trong bảo tồn động vật hoang dã và phòng, chống tham nhũng	170
4.3.4. Tăng cường hợp tác quốc tế trong xử lý tội phạm buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã xuyên quốc gia và thu hồi tài sản tham nhũng	172
CÂU HỎI ÔN TẬP	179
TÀI LIỆU THAM KHẢO	180

LỜI GIỚI THIỆU

Buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã là một vấn nạn lớn xảy ra trên thế giới trong những thập kỷ gần đây. Vấn nạn này là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến sự tuyệt chủng của nhiều loài động vật hoang dã, và đang đẩy nhiều loài khác đến bờ tuyệt chủng.

Sự tồn tại của các loài động vật hoang dã là một phần không thể thiếu của *Thiên nhiên* – bà mẹ của toàn thể nhân loại và các loài khác. Việc làm tuyệt chủng hàng loạt loài động vật hoang dã khiến cho bà mẹ Thiên nhiên kiệt quệ, không thể chở che, bao bọc loài người. Không chỉ vậy, nạn buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã còn dẫn đến một loạt hệ lụy nguy hiểm khác, trong đó có vấn đề lây lan dịch bệnh – điều mà nhân loại đang phải gánh chịu ngày càng thường xuyên, với hậu quả ngày càng khủng khiếp hơn, kể từ đầu thế kỷ XXI.

Chính vì vậy, việc bảo tồn động vật hoang dã, trong đó bao gồm việc phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã, đã trở thành một yêu cầu cần thiết, và đã được quy định trong cả pháp luật quốc tế và pháp luật của hầu hết quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Thực tế cho thấy, việc phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã đòi hỏi phải phòng, chống cả những

hành vi tham nhũng đi kèm, bởi chính tham nhũng đã góp phần làm cho tình trạng buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã phát triển nhanh chóng, cả về mức độ và phạm vi.

Trong bối cảnh kể trên, Khoa Luật, Đại học Quốc gia (ĐHQG) Hà Nội, cụ thể là Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị Nhà nước và Phòng, chống tham nhũng của Khoa, đã phối hợp với Tổ chức Wildlife Conservation Society (WCS) và Viện Chính sách công và Pháp luật (IPL) thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, thực hiện một số nghiên cứu và hội thảo, tọa đàm về chủ đề phòng, chống tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã trong năm 2019 - 2020. Dựa trên kết quả của những hoạt động đó, chúng tôi quyết định biên soạn cuốn giáo trình này để làm học liệu cho môn học lựa chọn về phòng, chống tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã trong Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị Nhà nước và Phòng, chống tham nhũng của Khoa Luật, ĐHQG Hà Nội, cũng như để làm tài liệu giảng dạy cho các khoá tập huấn về phòng, chống tham nhũng và bảo tồn động vật hoang dã mà Khoa có thể tổ chức trong những năm tới. Đây cũng là tài liệu tham khảo cho Môn học Lý luận và Pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong chương trình đào tạo cử nhân của Khoa.

Nhân dịp này, một lần nữa chúng tôi bày tỏ lòng cảm ơn chân thành đến Tổ chức WCS đã hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật trong các hoạt động nêu trên, và trong việc biên soạn, xuất bản cuốn giáo trình này. Chúng tôi cũng chân thành cảm ơn Viện IPL đã cho phép sử dụng kết quả các nghiên cứu được

thực hiện cùng WCS trong năm 2019 - 2020 để làm tư liệu biên soạn cuốn sách này. Chúng tôi đặc biệt cảm ơn các cán bộ của Tổ chức WCS – Chương trình Việt Nam đã hỗ trợ rà soát và góp ý hoàn thiện bản thảo giáo trình trước khi xuất bản.

Chúng tôi hy vọng giáo trình này sẽ là một nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho các giảng viên, học viên, sinh viên của Khoa Luật ĐHQG Hà Nội, cũng như cho các giảng viên, học viên và sinh viên các cơ sở đào tạo khác, trong việc nghiên cứu, giảng dạy về các vấn đề liên quan đến phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã và nạn tham nhũng đi kèm, qua đó góp phần vào việc bảo tồn động vật hoang dã, bảo tồn thiên nhiên ở Việt Nam.

Mặc dù các tác giả đã rất nỗ lực, song do đây là chủ đề mới và thời gian, nguồn lực hạn chế, giáo trình chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Các tác giả và chủ biên mong nhận được ý kiến góp ý chân tình từ độc giả để có thể hoàn thiện ấn phẩm trong những lần xuất bản sau.

Hà Nội, tháng 6/2021

Khoa Luật ĐHQG Hà Nội

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị Nhà nước
và Phòng, chống tham nhũng

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ADB	Ngân hàng Phát triển châu Á
BLHS	Bộ luật Hình sự
BLTTDS	Bộ luật Tố tụng Dân sự
BLTTHS	Bộ luật Tố tụng Hình sự
CITES	Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp
CSĐT	Cảnh sát điều tra
ĐVHD	Động vật hoang dã
EIA	Tổ chức Điều tra Môi trường
ENV	Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên
HSI	Tổ chức Quốc tế đối xử nhân đạo với động vật
INTERPOL	Tổ chức Cảnh sát Quốc tế
IUCN	Hiệp hội Quốc tế Bảo tồn thiên nhiên
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
PCTN	Phòng, chống tham nhũng
TAND	Tòa án nhân dân
TANDTC	Tòa án nhân dân tối cao
TTTP	Tương trợ tư pháp
UNCAC	Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng
UNDP	Chương trình Phát triển Liên hợp quốc
VKSNDTC	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
WWF	Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên
WB	Ngân hàng Thế giới
WCS	Tổ chức Bảo tồn động vật hoang dã

Chương I

KHÁI QUÁT VỀ PHÒNG, CHỐNG BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

1.1. KHÁI NIỆM “ĐỘNG VẬT HOANG DÃ, BẢO TỒN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ”

1.1.1. Khái niệm “động vật hoang dã”

Theo *Từ điển Cambridge*, động vật và thực vật hoang dã (gọi chung là *wildlife*) là “Động vật, thực vật phát triển độc lập không phụ thuộc vào con người, thường là trong môi trường tự nhiên”¹. Định nghĩa này thường được xem xét từ hai góc độ:

Về góc độ sinh học thì loài hoang dã sẽ tự sinh sống và phát triển trong môi trường tự nhiên, không phụ thuộc vào con người như điều kiện chăm sóc, nguồn thức ăn.

Về góc độ quản lý, hiện nay có nhiều loài hoang dã được con người nuôi trong môi trường có kiểm soát, tức là đã thay đổi môi trường sống của chúng, làm cho chúng phụ thuộc vào con người (môi trường nuôi, trồng nhân tạo; giới hạn phạm vi hoạt động, phân bố; cung cấp thức ăn; làm thay đổi tập tính;...). Như vậy, việc nuôi trồng các loài động vật, thực vật hoang dã trong môi trường có kiểm soát đã làm thay đổi bản

¹ [Wildlife]: <https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/wildlife>.

chất “hoang dã” của chúng, vì phải “phụ thuộc vào con người”. Tuy nhiên, nếu các loài động vật, thực vật chưa có văn bản công nhận là vật nuôi, cây trồng thì cũng chưa thể xác định đó là vật nuôi, cây trồng một cách chính thức. Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) coi các loài động vật hoang dã được nuôi, trồng sinh trưởng, sinh sản trong điều kiện nhân tạo là nhóm động vật được nuôi, trồng trong môi trường có kiểm soát (đối với động vật gồm hai nhóm được gán các mã sau R (mẫu vật có nguồn gốc từ các cơ sở chăn nuôi) và C (các loài động vật được gây nuôi sinh sản) (theo quy định của Nghị quyết 10.16 CITES).

Theo Luật Đa dạng sinh học năm 2018 của Việt Nam thì “Loài hoang dã là loài động vật, thực vật, vi sinh vật và nấm sinh sống và phát triển theo quy luật” (khoản 13 Điều 3). Tuy nhiên, định nghĩa này chưa thể hiện được tính “hoang dã” của thực thể sinh vật vì bản thân các loài động vật nuôi cũng sinh sống và phát triển theo quy luật.

Trên thực tế, công tác quản lý các loài động vật hoang dã không chỉ quan tâm đến cá thể động vật mà còn phải quản lý các bộ phận, sản phẩm và dẫn xuất của chúng, như các bộ phận, sản phẩm chế tác, nguồn gen,... Nếu theo trình tự thời gian thì các loài động vật hoang dã bao gồm cả các loài đã tuyệt chủng (loài đã từng tồn tại trong quá khứ nhưng hiện nay không còn cá thể nào sinh sống, chẳng hạn như Voi Ma mút) và loài đang tồn tại.

Để thuận tiện cho công tác quản lý, đồng thời đảm bảo tính khoa học, cần phân định rõ ba loại hình động vật hoang

dã và có chế độ quản lý phù hợp với từng loại hình, cụ thể như sau:

Động vật hoang dã tự nhiên: gồm các loài sinh sống và phát triển hoàn toàn trong tự nhiên, cần quản lý chặt chẽ để không làm ảnh hưởng đến quần thể của chúng;

Động vật hoang dã được nuôi trồng trong môi trường có kiểm soát: gồm các loài được nuôi trong các cơ sở nuôi, cần được quản lý để đảm bảo không ảnh hưởng đến quần thể của chúng và của các loài khác trong tự nhiên;

Động vật hoang dã đã bị tuyệt chủng: là loài hiện không còn cá thể nào còn tồn tại trong tự nhiên và trong điều kiện nuôi, trồng (Có thể tham khảo danh mục của IUCN đối với các loài xếp ở bậc EX¹), cần có chế độ quản lý đối với các di tích, nguồn gen,...

1.1.2. Khái niệm và ý nghĩa của bảo tồn động vật hoang dã

Theo nghĩa phổ quát, bảo tồn động vật hoang dã là việc thực thi các biện pháp để bảo đảm an toàn cho các loài động vật hoang dã và môi trường sống của chúng. Bảo tồn động vật hoang dã là một yêu cầu cấp thiết, bởi lẽ cùng với thực vật, động vật hoang dã có vai trò cực kỳ quan trọng trong đời sống của con người. Theo thống kê, hiện có khoảng 10 - 15 triệu sinh vật sinh sống trên trái đất, tất cả đều là một yếu tố cấu thành của một mạng lưới phức tạp, cân bằng một cách tinh

¹ EX - Tuyệt chủng – Extinct. Một loài được coi là tuyệt chủng khi không còn nghi ngờ là cá thể cuối cùng của loài đó đã chết.

vi, gọi là sinh quyển. Sự biến mất của bất kỳ loài sinh vật nào cũng sẽ gây phản ứng dây chuyền, ảnh hưởng tiêu cực tới các loài khác, và ảnh hưởng tới sự ổn định của sinh quyển – là môi trường sinh sống của các loài, trong đó có con người. Việc làm biến mất một loài sinh vật của trái đất được ví như xé những trang giấy ra khỏi cuốn vở nhưng chưa kịp đọc¹.

Cụ thể, bảo tồn động vật hoang dã sẽ góp phần ngăn chặn các loại thảm họa thiên nhiên, duy trì các dịch vụ sinh thái quan trọng đối với đời sống và sự phát triển kinh tế - xã hội của các cộng đồng người dân và các quốc gia. Nhiều sinh vật có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc đánh giá chất lượng môi trường. Ví dụ, sự sụt giảm nhanh chóng về số lượng đại bàng đầu bạc và chim ưng trên thế giới vào giữa thế kỷ XX là lời cảnh báo mạnh mẽ về mức độ nguy hiểm của Dichloro-Diphenyl-Trichloroethane (DDT) - một loại thuốc trừ sâu mạnh từng được sử dụng rộng rãi, có thể tích tụ lại trong mô của cơ thể động vật, làm suy yếu khả năng sinh sản và cản trở quá trình ấp trứng thành công của các loài động vật, trong đó có hai loài chim đã nêu. Nhìn trên phạm vi rộng, tất cả các loài sinh vật đều có khả năng chỉ thị, cảnh báo cho con người về tác động của biến đổi khí hậu, nguồn thức ăn và các chất gây ô nhiễm tới môi trường.

Bảo tồn động vật hoang dã còn cần thiết bởi chúng có những tác dụng không thể thay thế trong nhiều khía cạnh

¹ Bùi Bá Hân (2012), *Góp tiếng nói bảo vệ động vật hoang dã*, VnExpress: <https://vnexpress.net/gop-tieng-noi-bao-ve-dong-vat-hoang-da-2394447.html>, 4/8/2012.

khác của cuộc sống nhân loại. Ví dụ, nhiều loài động vật có những đóng góp rất quan trọng với ngành nông nghiệp. Chúng được gọi là “thiên địch” giúp những người nông dân tiêu diệt sâu bọ gây hại cho mùa màng - biện pháp thay thế không những an toàn, hiệu quả mà còn thân thiện với môi trường và ít tốn kém hơn các loại thuốc hóa học tổng hợp. Do đó, bảo tồn động vật hoang dã còn có ý nghĩa bảo vệ nền nông nghiệp của các quốc gia.

Động vật hoang dã còn có nhiều đóng góp cho y học. Trong cuộc đấu tranh sinh tồn ngoài tự nhiên, nhiều loài động vật hoang dã đã tự tìm ra những cách thức và sản sinh ra những hợp chất hay phân tử kháng vi khuẩn rất hiệu quả, bao gồm đề kháng trước những tế bào gây ung thư. Việc tìm hiểu, nghiên cứu những cách thức, hợp chất hay phân tử đó có thể giúp nhân loại tìm ra những loại dược phẩm và phương pháp chữa bệnh mới, hiệu quả và đỡ tốn kém hơn rất nhiều so với những phương pháp đang được áp dụng hiện nay. Hiện nay trong thực tế, rất nhiều loại thuốc quan trọng như kháng sinh, chất chống ung thư, thuốc giảm đau hay thuốc chữa bệnh máu khó đông... có nguồn nguyên liệu từ động vật hoang dã.

Bảo tồn động vật hoang dã còn mang lại những giá trị khác cho loài người. Ví dụ, động vật hoang dã còn có thể tạo ra những lợi ích kinh tế mà không làm tổn hại đời sống của động vật. Theo Ban Quản lý vườn quốc gia và bảo tồn động vật hoang dã Bang Texas, Hoa Kỳ, việc ngắm các loài chim ở đây được xem là một hoạt động giải trí ngoài trời, có sự phát triển nhanh chóng, ước tính mỗi năm hoạt động này đóng

góp khoảng 450 triệu đô la vào ngân sách của Bang. Ở phạm vi rộng hơn, Cục Bảo tồn Động vật hoang dã và Thủy sản Hoa Kỳ cho biết, không chỉ riêng hoạt động ngắm chim mà tất cả hoạt động quan sát môi trường tự nhiên đã thu về 90 tỷ đô la Mỹ cho Hoa Kỳ trong năm 2002¹. Bên cạnh đó, việc bảo tồn động vật hoang dã còn có những giá trị vô hình khác như góp phần cải thiện đời sống tinh thần của con người nói chung, tạo niềm cảm hứng cho các nghệ sĩ, tác giả và những người quan tâm tới sự kì diệu, đa dạng của thế giới tự nhiên. Rất nhiều triển lãm ảnh về động vật hoang dã đã và đang được tổ chức trên toàn thế giới, thu hút sự chú ý của dư luận.

Bảo tồn động vật hoang dã hiện là vấn đề mang tính cấp thiết trên thế giới. Mặc dù động vật hoang dã là tài nguyên thiên nhiên vô cùng quý giá, song đây cũng là mục tiêu bị khai thác hàng đầu ở nhiều quốc gia. Theo các nghiên cứu, hiện có khoảng 10 tới 15 triệu loài sinh vật sinh sống trên hành tinh, trong đó ước tính có khoảng 1.556 loài có nguy cơ tuyệt chủng hoặc gần tuyệt chủng². Chỉ riêng với các loài động vật có vú trên mặt đất, việc săn bắt và bẫy đang đe dọa 2.536 loài³. Các khu rừng nhiệt đới – nơi trú ẩn của một nửa số sinh vật hiện tồn tại trên trái đất cũng đang bị thu hẹp hàng trăm nghìn

¹ National Park Service (2012), *The National Parks: Index 2012-2016*, <https://www.nps.gov/aboutus/upload/NPIndex2012-2016.pdf>

² Theo IUCN: <https://www.iucn.org/resources/conservation-tools/iucn-red-list-threatened-species>

³ Theo IUCN: <https://www.iucn.org/resources/conservation-tools/iucn-red-list-threatened-species>

héc-ta mỗi năm, khiến vô số loài bị biến mất khi môi trường sống của chúng bị phá hủy¹.

Xuất phát từ tầm quan trọng của động vật hoang dã, nhiều quốc gia và các tổ chức quốc tế đã và đang có những nỗ lực rộng lớn và lâu dài để bảo tồn động vật hoang dã. Nhiều tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế cũng chung tay vào hoạt động này. Một trong những biểu hiện rõ ràng nhất cho sự quan tâm, nỗ lực và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này là việc ngày 3 tháng 3 hàng năm được lấy là *Ngày Thế giới bảo tồn động vật hoang dã*. Trong ngày này, các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục được thực hiện ở rất nhiều quốc gia nhằm mục đích nâng cao nhận thức của mọi người về tầm quan trọng và sự cần thiết phải bảo vệ các loài động vật và thực vật hoang dã của thế giới.

1.2. KHÁI NIỆM VÀ TÌNH HÌNH BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

1.2.1. Khái niệm “buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã”

Theo nghĩa khái quát, buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã là việc trao đổi, mua bán bất hợp pháp động vật hoang dã, bao gồm cả động vật và các sản phẩm làm từ chúng. Tuy nhiên, trong thực tế, thuật ngữ buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã thường được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm một chuỗi các hoạt động trái pháp luật có tính liên kết với nhau, từ săn bắt, thu gom, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển,

¹ Theo IUCN: <https://www.iucn.org/resources/conservation-tools/iucn-red-list-threatened-species>

phân phối và tiêu thụ các loài động vật hoang dã và những sản phẩm từ các loài động vật hoang dã, diễn ra trong phạm vi một quốc gia hoặc xuyên quốc gia.

Buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã đã bị cấm bởi pháp luật của nhiều quốc gia và bởi nhiều công ước quốc tế, nhằm mục tiêu bảo tồn động vật hoang dã không bị khai thác quá mức, đặc biệt là bảo vệ các loài động vật hoang dã trước nguy cơ tuyệt chủng.

Theo nghĩa cụ thể hơn, Công ước CITES (ký tại Washington, Hoa Kỳ vào ngày 3 tháng 3 năm 1973¹) quy định, việc buôn bán động vật hoang dã phải thỏa mãn ba điều kiện sau:

1) Tính hợp pháp: Các mẫu vật phải được thu thập theo đúng quy định luật pháp quốc gia về bảo vệ các loài động vật và thực vật.

2) Tính bền vững: Cần có đánh giá dựa trên các cơ sở khoa học để khẳng định việc buôn bán một loài sinh vật phải đảm bảo tính bền vững và không làm tổn hại đến sự tồn tại của loài đó và phải tính đến vai trò của loài trong hệ sinh thái.

3) Khả năng truy xuất nguồn gốc: Sinh vật bị buôn bán có thể truy xuất được nguồn gốc dựa trên các giấy phép và chứng chỉ.

Như vậy, nếu động vật hoang dã được sử dụng vì mục đích thương mại (buôn bán) nhưng không đảm bảo bất kỳ một trong ba điều kiện kể trên thì bị coi là buôn bán trái pháp luật.

¹ Theo CITES: <https://cites.org>

Tất cả các loài động vật hoang dã (loài có tên hoặc không có tên trong danh mục ban hành kèm theo các văn bản quy phạm pháp luật) đều được quản lý, bảo vệ. Nếu việc khai thác, sử dụng và buôn bán không tuân thủ đúng với các quy định thì đều bị coi là trái pháp luật.

1.2.2. Tình hình buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã

Buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã diễn ra nghiêm trọng trên toàn thế giới. Theo số liệu thống kê của Tổ chức TRAFFIC (2019) đã có 225 tấn ngà voi châu Phi bị buôn bán trong giai đoạn 2008-2019; 895.000 cá thể và 96 tấn vảy tê tê bị buôn bán trong giai đoạn 2000-2019; 3.800 cá thể gấu bị buôn bán trong giai đoạn 2000-2016; 2.200 cá thể hổ, và khoảng 4.500 chiếc sừng tê giác và nhiều sản phẩm động vật hoang dã khác bị buôn bán trong giai đoạn 2000-2018¹.

Đông Nam Á được đánh giá là một trong những khu vực xảy ra nạn buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã nghiêm trọng nhất trên thế giới. Hoạt động buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã ở Đông Nam Á được thực hiện dưới nhiều cách thức. Khu vực này vừa là nơi tiêu thụ, vừa là nơi trung chuyển động vật hoang dã bị buôn bán trái phép đến các khu vực khác², trong đó đặc biệt là đến Trung Quốc – nước buôn bán và tiêu thụ động vật hoang dã lớn nhất thế giới. Theo báo cáo của Tổ chức Điều tra môi trường (EIA, 2020), chỉ riêng với

¹ Krishnasamy K. & Zavagli M. (2020), *Southeast Asia: At the heart of wildlife trade*. Traffic, Southeast Asia Regional Office.

² Krishnasamy & Zavagli, 2020, tđđd.

tê tê, có tới 56 công ty của Trung Quốc tham gia sản xuất 64 loại thuốc có chứa thành phần là vảy của loài động vật hoang dã này¹. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự tuyệt chủng của các loài tê tê trên thế giới.

Ở Việt Nam, theo cơ sở dữ liệu của Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV, 2021), từ năm 2005 đến năm 2020 có hơn 19.000 vụ vi phạm pháp luật về động vật hoang dã. Theo báo cáo tổng kết tình hình vi phạm và thực thi pháp luật về động vật hoang dã tại Việt Nam giai đoạn 2013-2017 do Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin thuộc Viện Kiểm sát nhân dân tối cao phối hợp với WCS thực hiện, các cơ quan chức năng đã phát hiện, bắt giữ 1.504 vụ vi phạm với 1.461 đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn động vật hoang dã. Trước thềm cuộc họp, các nước thành viên CITES (COP18) năm 2019 tại Thụy Sĩ, theo công bố của EIA, Việt Nam được coi là một trong những điểm trung chuyển chính ngà voi, sừng tê giác, hổ và vảy tê tê từ châu Phi và các nước châu Á khác sang thị trường Trung Quốc. Báo cáo này cung cấp những con số đáng quan ngại về số lượng sản phẩm động vật hoang dã bị bắt giữ hoặc có liên quan đến Việt Nam trong giai đoạn 2003-2019 như sau: Ngà voi: 218 vụ việc, khối lượng 105,72 tấn; Sừng tê giác: 113 vụ việc, khối lượng 1,69 tấn; Tê tê: 203 vụ việc, gồm 9,043 tấn tê tê nguyên con và 65,73 tấn vảy; Hổ: 198 vụ việc, 228 cá thể hổ và các loại xương, móng, vuốt và thịt. Gần đây nhất, theo báo cáo của Cục Cảnh sát phòng chống tội

¹ Theo EIA: <https://eia-global.org/campaigns/wildlife>

phạm về môi trường, Bộ Công an (tháng 4 năm 2021) thì trong giai đoạn 2017 - 2020, lực lượng công an đã phát hiện 1.238 vụ việc, trong đó khởi tố 399 vụ việc và xử phạt hành chính 621 vụ việc buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã¹.

Từ những số liệu thu thập và phân tích ở trên, có thể thấy thực trạng đáng lo ngại về buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã trên thế giới và ở Việt Nam, qua đó cho thấy sự cần thiết phải có biện pháp phòng, chống những hành vi này, nhằm bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học, gìn giữ tài nguyên sinh vật cho các thế hệ mai sau. Đây là công việc cần làm ngay, song cũng là một công việc khó khăn, phức tạp, đòi hỏi có sự tham gia của tất cả các quốc gia và huy động nhiều nguồn lực khác nhau trong một nỗ lực liên tục và lâu dài.

1.3. KHÁI NIỆM VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC PHÒNG, CHỐNG BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Theo nghĩa tổng quát, có thể hiểu phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã là tổng hợp các biện pháp do Nhà nước và các chủ thể khác tiến hành nhằm ngăn ngừa, phát hiện và xử lý những hành vi buôn bán trái phép các loài động vật hoang dã. Vấn đề phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã hiện đã được quy định trong nhiều điều ước quốc tế và văn bản pháp luật của các quốc gia, trong đó có Việt Nam.

¹ Thiên Ngọc, “Báo động nạn buôn bán động vật hoang dã”, Báo Công an Tp. HCM: http://congan.com.vn/vu-an/phong-su/bao-dong-nan-buon-ban-dong-vat-hoang-da_102668.html

Ý nghĩa đầu tiên và nổi bật nhất của phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã là góp phần cứu nhiều loài động vật hoang dã khỏi nguy cơ tuyệt chủng. Theo đánh giá của Hiệp hội Quốc tế Bảo tồn thiên nhiên (IUCN), trên thế giới hiện có khoảng 26% tổng số loài thú bị đe dọa tuyệt chủng, trong đó bao gồm 13% các loài chim, 20% các loài bò sát, 31% các loài ếch nhái và khoảng 0,5% các loài côn trùng¹. Cũng cần lưu ý rằng số liệu mà IUCN đưa ra mới chỉ là ước tính, trên thực tế còn có rất nhiều nhóm động vật chưa được đánh giá về tình trạng bảo tồn một cách đầy đủ (ví dụ như bò sát, côn trùng)².

Theo Danh lục Đỏ IUCN (2021), trong số 79.858 loài động vật đã được đánh giá trên quy mô toàn cầu, có 20.972 loài bị đe dọa (chiếm hơn 26% tổng số loài đã được đánh giá) ở các cấp độ khác nhau, gồm: 778 loài đã bị tuyệt chủng (bậc EX), 37 loài đã bị tuyệt chủng ngoài tự nhiên (bậc EW, chỉ còn các cá thể tồn tại trong điều kiện nuôi), 3.483 loài cực kỳ nguy cấp (bậc CR), 5.426 loài nguy cấp (bậc EN), 6.593 loài sẽ nguy cấp (bậc VU) và 4.655 loài gần bị đe dọa (bậc NT)³. Đối với các loài động vật có phân bố ở Việt Nam, trong số 5.092 loài động vật đã được đánh giá, có 809 loài động vật có tên trong Danh

¹ Monika Böhm et al. (2013), "The Conservation Status of the World's Reptiles", *Biological Conservation* 157, 372–385.

² Nguyễn Quảng Trường, Ngô Đắc Chúng, Lê Hùng Anh, Phạm Thị Nhị, Nguyễn Trường Sơn (2020), *Giáo trình phương pháp điều tra và giám sát đa dạng sinh học động vật*. NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.

³ Theo IUCN: <https://www.iucn.org/about/programme-work-and-reporting/annual-reports>

lục Đỏ IUCN (2021) gồm: 1 loài đã tuyệt chủng, 83 loài cực kỳ nguy cấp, 164 loài nguy cấp, 299 loài sẽ nguy cấp và 262 loài gần bị đe dọa¹. Ở phạm vi quốc gia, theo Sách Đỏ Việt Nam (2007) có 407 loài động vật đang bị đe dọa tuyệt chủng, trong đó có 90 loài thú, 74 loài chim, 40 loài bò sát, 13 loài lưỡng cư, 89 loài cá, 18 loài động vật không xương sống nước ngọt, 61 loài động vật không xương sống biển và 22 loài côn trùng². Các nhà khoa học cũng ước tính số lượng loài động, thực vật đã tuyệt chủng và đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng tại Việt Nam là 728 loài (trong 855 loài được đánh giá), trong đó có 420 loài thực vật³.

Để kiểm soát các hoạt động buôn bán quốc tế các loài thực vật và động vật hoang dã, có khoảng hơn 36.000 loài thực vật và động vật được xếp ở các Phụ lục CITES: khoảng 3% số loài thuộc Phụ lục I (15% trong số đó là động vật), 97% số loài thuộc Phụ lục II (65% trong số đó là động vật) và 1% thuộc Phụ lục III (95% trong số đó là động vật). Các loài thuộc Phụ lục I là các loài bị đe dọa tuyệt chủng, việc buôn bán quốc tế nhìn chung là bị cấm. Các loài thuộc Phụ lục II chưa thực sự

¹ Theo IUCN: <https://www.iucn.org/about/programme-work-and-reporting/annual-reports>

² Đặng Ngọc Thanh, Trần Kiên, Đặng Huy Huỳnh, Nguyễn Nhật Thi, Đặng Thị Đáp (Biên tập) (2007), *Sách Đỏ Việt Nam - phần 1. Động vật*. NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.

³ Trần Văn Bằng (2020), “Đa dạng sinh học ở Việt Nam: Thực trạng và thách thức bảo tồn”, Tạp chí *Khoa học và Công nghệ Việt Nam*: <https://vjst.vn/vn/tin-tuc/3184/da-dang-sinh-hoc-o-viet-nam--thuc-trang-va-thach-thuc-bao-ton.aspx>

bị đe dọa tuyệt chủng nhưng có nguy cơ; việc buôn bán các loài này là được phép nhưng phải chịu sự kiểm soát. Các loài thuộc Phụ lục III chỉ áp dụng trong phạm vi một quốc gia và cần có sự hợp tác của các quốc gia khác nhằm kiểm soát buôn bán quốc tế. Định kỳ 3 năm một lần, tại cuộc họp các nước thành viên sẽ có những loài được đưa vào, đưa ra, nâng hạng hoặc xuống hạng trong các Phụ lục CITES.

Theo pháp luật hiện hành của Việt Nam, có 96 loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ có tên trong Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 thay thế Điều 7 của Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; 179 loài động vật rừng nguy cấp, quý hiếm có tên trong Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, trong đó bao gồm 92 loài thuộc nhóm IB và 87 loài thuộc nhóm IIB. Các loài động vật phân bố ở Việt Nam có tên trong các phụ lục CITES cũng nằm trong các Nhóm I và II của Nghị định 06/2019/NĐ-CP.

Thực tế cho thấy, mặc dù bị cấm nhưng hoạt động buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã vẫn đang diễn ra ở thị trường chợ đen trên thế giới và diễn biến ngày càng phức tạp, với hầu hết các loài động vật, chỉ khác nhau về mức độ. Ước tính lợi nhuận hàng năm của những kẻ buôn bán trái pháp

luật động vật hoang dã lên tới 10 đến 20 tỷ USD¹ (con số này không bao gồm lợi nhuận ước tính thu được từ buôn bán gỗ và khai thác thủy hải sản bất hợp pháp).

Phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã không chỉ góp phần cứu nhiều loài động vật trước nguy cơ tuyệt chủng, mà còn góp phần bảo vệ sức khỏe con người. Như đã đề cập ở các mục trên, nhiều nghiên cứu đã chứng minh rằng buôn bán, vận chuyển, tiêu thụ động vật hoang dã trái pháp luật cũng là nguyên nhân gây ra các bệnh truyền nhiễm, kể cả các đại dịch². Cơ sở dữ liệu phân tích của Tổ chức Nghiên cứu các vấn đề an ninh xuyên quốc gia và xung đột toàn cầu (C4ADS) cho thấy các trường hợp buôn lậu động vật hoang dã có nguy cơ cao mắc bệnh lây truyền qua động vật xảy ra ở hơn 100 quốc gia trên khắp các châu lục, và từ năm 1980 đến năm 2010, thế giới đã trải qua hơn 6.700 đợt bùng phát các bệnh lây truyền từ động vật sang người, trong đó có các đại dịch như bệnh cúm H1N1, SARS và Ebola có liên quan đến các loài chim, cây hương và linh trưởng³. Gần đây nhất, nhiều bằng chứng cho thấy rằng COVID-19 có nguồn gốc từ loài dơi⁴.

¹ Fison, M. (2011), "The £6bn trade in animal smuggling", The Independent, at <http://www.independent.co.uk/environment/nature/the-1636bn-trade-in-animal-smuggling-2233608.html#>.

² Spevack B. (2020), *Animal Smuggling in Air Transport and Preventing Zoonotic Spillover* (Report).

³ Spevack, 2020, tldđ.

⁴ Spevack, 2020, tldđ.

Bên cạnh những tác động tích cực kể trên, phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã còn gián tiếp góp phần giải quyết nhiều vấn đề xã hội quan trọng khác, như: (i) Cải thiện cuộc sống của những cộng đồng mà sinh kế phụ thuộc vào thiên nhiên hoang dã¹; (ii) Nâng cao tiềm năng đầu tư, phát triển bền vững cần thiết và các hoạt động kinh tế mới của các doanh nghiệp²; (iii) Tăng cường năng lực quản lý tài nguyên thiên nhiên của chính quyền³; (iv) Nâng cao năng lực kiểm soát tệ nạn rửa tiền⁴; (v) Ngăn ngừa các dòng tiền tài trợ bất hợp pháp cho các nhóm khủng bố⁵; (vi) Kiểm soát các băng đảng tội phạm và các nhóm chiến binh...⁶ Những vấn đề này ít hoặc nhiều đều có liên quan đến việc phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã. Ví dụ, nếu

¹ Europol (2013), *Threat Assessment 2013, Environmental Crime in the EU*, tại <https://www.europol.europa.eu/publications-documents/threat-assessment-2013-environmental-crime-in-eu>.

² United For Wildlife (2014), *London Conference on the Illegal Wildlife Trade: Declaration*, tại https://www.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment_data/file/281289/london-wildlife-conference-declaration-140213.pdf.

³ Rosen, G., and Smith, K. (2010), “Summarizing the Evidence on the International Trade in Illegal Wildlife”, *Eco Health*, 7: 24–32.

⁴ Tanya Wyatt and Anh Ngoc Cao (2015), *Corruption and wildlife trafficking*, U4 Issue, May 2015, No. 11, tại <https://www.u4.no/publications/corruption-and-wildlife-trafficking.pdf>. Truy cập ngày 20/6/2019.

⁵ Wyatt, T. and Kushner, A. (2014), “Global Illicit Wildlife Product Trafficking: Actors, Activities, and Assessment”, *A Report for the National Consortium for the Study of Terrorism and Responses to Terrorism (START)*, College Park, MD: University of Maryland.

⁶ Rosen và Smith (2010), Wyatt, T. and Kushner, A. (2014), tldđ.

không kiểm soát được nạn buôn lậu động vật hoang dã thì sẽ hình thành các băng đảng tội phạm xuyên quốc gia, và lợi nhuận thu được có thể được sử dụng bởi các mạng lưới tội phạm này để mua vũ khí, hối lộ quan chức, và tiến hành các hoạt động tội phạm khác, từ đó gây mất ổn định thêm nữa trong vùng¹, thậm chí được dùng để tài trợ cho các nhóm khủng bố. Việc buôn bán bất hợp pháp động vật hoang dã có thể tàn sát cả một quần thể loài, đem theo những rủi ro không chỉ về sức khỏe cho các cộng đồng người mà còn đe dọa an ninh kinh tế ở những vùng mà ở đó nạn săn bắn trộm động vật hoang dã hoành hành, nhưng lại không thể phát triển nhờ du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái vốn là thế mạnh của khu vực².

1.4. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Có nhiều yếu tố tác động đến hiệu quả của việc phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã. Từ bối cảnh của Việt Nam, có thể xác định một số yếu tố quan trọng như sau:

¹ WCS, "Hãy cùng nhau bảo vệ động vật hoang dã!", Tạp chí *Điện tử của Chương trình Thông tin Quốc tế Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ*, tháng 12/2012, tại <https://photos.state.gov/libraries/vietnam/8621/translations/ej0113-gowild.pdf>

² WCS, *Hãy cùng nhau bảo vệ động vật hoang dã!*, tlđd.

1.4.1. Xây dựng chính sách, pháp luật

Theo Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội, trong “Báo cáo Kết quả giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về thực thi CITES”¹ thì nguyên nhân dẫn đến các tồn tại, hạn chế trong ban hành các văn bản pháp luật về vấn đề này là do vấn đề quản lý, bảo tồn động vật hoang dã, đặc biệt là về xử lý vi phạm, được quy định trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau, do các bộ, ngành khác nhau soạn thảo nên không tránh khỏi chồng chéo, mâu thuẫn trong một số quy định. Các văn bản luật liên quan đến quản lý các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm chưa nhất quán về danh mục loài và chế độ quản lý.

Thêm vào đó, nguồn lực, cả về tài chính và con người, dành cho công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật còn hạn chế, nên ảnh hưởng tới chất lượng văn bản ban hành; việc kiểm tra, giám sát các văn bản mới ban hành và vận dụng các nguyên tắc áp dụng pháp luật còn thiếu sát sao, chặt chẽ.

1.4.2. Quản lý và thực thi pháp luật

Công tác quản lý và thực thi pháp luật về bảo tồn các loài động vật hoang dã chưa được quan tâm đúng mức nên hiệu quả rắn đẽ, phòng ngừa tội phạm về động vật hoang dã chưa

¹ Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường (2020), *Báo cáo số 1617/BC-UBKHCNMT14 ngày 8 tháng 1 năm 2020*, Link tải Báo cáo: <https://vanphong.langson.gov.vn/sites/vanphong.langson.gov.vn/files/2020-02/1617-BCgiamSAT%20thuchiencsphaPluatthiHanHcongUoc.pdf>

đáp ứng được yêu cầu đề ra. Một số quy định chưa cụ thể nên dẫn đến cách hiểu và áp dụng trong xử lý vi phạm khác nhau ở các địa phương, ví dụ như chưa có hướng dẫn xử lý các vụ việc đối với một số sản phẩm bị buôn bán nhiều như vảy tê tê; xử lý các hành vi vận chuyển, buôn bán trái phép nhiều lần sản phẩm thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm nhưng các lần luôn dưới mức định lượng quy định tại khoản 1 Điều 244 BLHS; hay không quy định cụ thể về “cơ quan quản lý chuyên ngành” tại điểm d khoản 3 Điều 106 BLTTHS và điểm a, điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị quyết 05/2018¹... Việc phối hợp giữa các lực lượng chức năng nhằm phát hiện, truy bắt các đối tượng có hành vi buôn bán, vận chuyển động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm còn chưa chặt chẽ, thiếu kịp thời nên gây ra những bất cập trong công tác xử lý các vụ việc.

Việc phát hiện, bắt giữ, thu thập và xử lý vật chứng là động vật hoang dã cũng còn nhiều bất cập về quy trình, thời gian, công tác giám định, lưu giữ và cứu hộ động vật, ví dụ vấn đề định giá động vật thuộc Phụ lục I Công ước CITES còn khó khăn trên thực tiễn hoặc luật chưa quy định rõ cơ quan xử lý chuyên ngành đối với tang vật là động vật hoang dã nên khó khăn trong việc bảo quản và kinh phí bảo quản vật chứng đối với các vụ án bị tạm đình chỉ; hay việc trưng cầu giám định gặp khó khăn do số cơ quan có thẩm quyền giám định ít, trong khi đó các cơ quan này lại đặt ở các trung tâm thành phố lớn rất xa nơi bắt giữ, và hạn chế về kinh phí giám định khi tang

¹ Ủy ban Tư pháp (2019), *Báo cáo số 2229/BC-UBTP14 ngày 22 tháng 12 năm 2019*.

vật có số lượng lớn¹. Đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, mạng lưới và hình thức buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã ngày càng tinh vi, phức tạp khiến cho các hoạt động quản lý và thực thi pháp luật ngày càng khó khăn, đặc biệt tại khu vực biên giới. Nguyên nhân là do lực lượng chuyên trách mỏng hoặc thiếu, năng lực chuyên môn còn hạn chế, trang thiết bị và kinh phí thực hiện chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.

Công tác quản lý các cơ sở nuôi động vật hoang dã cũng còn hạn chế nên việc kiểm soát nguồn gốc động vật chưa chặt chẽ, chưa bảo đảm điều kiện nuôi, nhốt và phát triển bền vững nghề chăn nuôi động vật hoang dã vì mục đích kinh tế, hay thiếu đội ngũ nhân lực trực tiếp tham gia quá trình cấp phép, quản lý các cơ sở gây nuôi.

1.4.3. Ý thức trách nhiệm

Tình trạng buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã xảy ra khá phổ biến trong thời gian qua cho thấy tinh thần trách nhiệm của chính quyền ở một số địa phương còn hạn chế. Do nhận thức của một bộ phận người dân về tầm quan trọng của động vật hoang dã và môi trường hoang dã đối với con người và các loài khác chưa cao nên việc bảo tồn động vật hoang dã chưa được quan tâm đúng mức. Trong khi đó, lợi nhuận từ buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã rất cao (giá 1 kilogram (kg) sừng tê giác thô trên thị trường châu Á là 16 nghìn đô la Mỹ²

¹ Ủy ban Tư pháp (2019), *Báo cáo số 2229/BC - UBTP 14 ngày 22 tháng 12 năm 2019*.

² https://www.unodc.org/documents/data-and-analysis/wildlife/2020/World_Wildlife_Report_2020_9July.pdf

hoặc có những lúc lên tới 70 nghìn đô la Mỹ tại thị trường Việt Nam¹) và “thói quen lâu đời của người dân một số nước châu Á” sử dụng động vật hoang dã làm thực phẩm, dược liệu, nâng cao vị thế, cũng như mê tín đã tạo ra nhu cầu lớn, gây áp lực mạnh đến các loài động vật hoang dã, đặc biệt là các quần thể trong tự nhiên. Chính những tác động tiêu cực này của con người đối với động vật hoang dã đã đẩy nhiều loài đến bờ vực tuyệt chủng.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích “khái niệm động vật hoang dã”.
2. Phân tích khái niệm và ý nghĩa của bảo tồn động vật hoang dã.
3. Phân tích khái niệm và nguyên nhân dẫn đến tình trạng buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã.
4. Phân tích khái niệm và ý nghĩa của việc phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã.
5. Phân tích những yếu tố tác động đến hoạt động phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã.

¹ <https://e.vnexpress.net/news/news/price-of-rhino-horn-plummets-in-vietnam-3475949.html>

Chương II

KHÁI QUÁT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG GẮN VỚI BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

2.1. NHẬN THỨC VỀ THAM NHŨNG VÀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

2.1.1. Khái niệm, nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng

Theo Ngân hàng Thế giới (*World Bank- WB*), tham nhũng là “hành vi lạm dụng quyền lực công để thu lợi ích riêng” (the abuse of public office for private gain)¹. Theo Tổ chức Minh bạch quốc tế (*Transparency International - TI*), tham nhũng được xem là “hành động lạm dụng quyền lực được giao để làm giàu bất chính hoặc bất hợp pháp cho bản thân hoặc cho những người thân cận của một bộ phận nhân viên công quyền, có thể là các nhà chính trị hoặc viên chức”². Còn theo Ngân hàng Phát triển Châu Á (*Asian Development Bank – ADB*), tham nhũng là: “hành động lạm dụng chức vụ để làm giàu bất chính hoặc bất hợp pháp cho bản thân hoặc cho những người thân cận của một bộ phận nhân viên ở cả

¹ World Bank (1997), *Helping Countries Combat Corruption: The Role of the World Bank*, Washington DC, tr. 8.

² Transparency International (1996), *The TI Sourcebook*, edited by Jeremy Pope. Berlin: TI, tr.1.

khu vực công và khu vực tư, hoặc để tạo cơ hội cho những kẻ khác làm như vậy”¹.

Ở Việt Nam, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (khoản 1 Điều 3) xác định: “Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi”. Khoản 2 Điều này giải thích, “Người có chức vụ, quyền hạn là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do tuyển dụng, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó”.

Từ những định nghĩa nêu trên, đầu tiên có thể khẳng định *tham nhũng là những hành vi phi nghĩa, phi pháp*. Về bản chất, tham nhũng gắn liền với sự lạm dụng quyền lực, là *sự tha hóa của quyền lực* – điều mà theo Lord Acton (1834-1902) thì: “Quyền lực có xu hướng dẫn tới sự đồi bại, quyền lực độc đoán sẽ dẫn tới sự đồi bại tuyệt đối” (*Power tends to corrupt, and absolute power corrupts absolutely*)².

Khái niệm *quyền lực* trong vấn đề tham nhũng về cơ bản là *quyền lực nhà nước* (hay *quyền lực công*), tuy không chỉ giới hạn trong dạng quyền lực công, vì hành vi tham nhũng có thể diễn ra ở cả khu vực tư). Theo cách tiếp cận đó, tham nhũng có tính chất là một “căn bệnh” chung, mang tính cố hữu của mọi nhà nước,

¹ <http://www.adb.org/Documents/Policies/Anticorruption>.

² Lord Acton (1887), *Letter to Bishop Mandell Creighton*, tại http://www.quotationspage.com/quotes/Lord_Acton

bất kể thuộc thể chế chính trị nào. Cùng với quan liêu, căn bệnh tham nhũng xuất hiện ngay từ khi nhà nước ra đời và sẽ tồn tại cùng với nhà nước cho tới khi nó tiêu vong, đúng như Laureate Gary Becker – nhà khoa học Mỹ được giải thưởng Nobel Kinh tế năm 1992 – đã từng phát biểu: “Chúng ta chỉ có thể hoàn toàn triệt tiêu tham nhũng khi xóa bỏ nhà nước mà thôi”¹.

Xét về biểu hiện thực tế, Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC) xác định 11 dạng hành vi tham nhũng, bao gồm: (i) Hối lộ công chức quốc gia (Điều 15); (ii) Hối lộ công chức nước ngoài hoặc công chức của tổ chức quốc tế công (Điều 16); (iii) Tham ô, biển thủ hoặc các dạng chiếm đoạt tài sản khác bởi công chức (Điều 17); (iv) Lợi dụng ảnh hưởng để trục lợi (Điều 18); (v) Lạm dụng chức năng (Điều 19); (vi) Làm giàu bất hợp pháp (Điều 20); (vii) Hối lộ trong khu vực tư (Điều 21); (viii) Biển thủ tài sản trong khu vực tư (Điều 22); (ix) Tẩy rửa tài sản do phạm tội mà có (Điều 23); (x) Che giấu tài sản (Điều 24); (xi) Cản trở hoạt động tư pháp (Điều 25).

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 của Việt Nam (Điều 2) xác định 12 hành vi tham nhũng trong khu vực nhà nước và 3 hành vi tham nhũng ngoài khu vực nhà nước, đó là: (1) Các hành vi tham nhũng trong khu vực nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước thực hiện bao gồm: a) Tham ô tài sản; b) Nhận

¹ Gary S. Becker (1998), *The Causes and Cures of Corruption*, <https://www.project-syndicate.org/commentary/bec6/English>

hối lộ; c) Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản; d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi; đ) Lạm quyền trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi; e) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi; g) Giả mạo trong công tác vì vụ lợi; h) Đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi; i) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản công vì vụ lợi; k) Những nhiễu vì vụ lợi; l) Không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi; m) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi. (2) Các hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thực hiện bao gồm: a) Tham ô tài sản; b) Nhận hối lộ; c) Đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của doanh nghiệp, tổ chức mình vì vụ lợi.

Tham nhũng là một vấn đề pháp lý - xã hội rộng lớn và phức tạp, vì vậy, quan điểm về các nguyên nhân của tham nhũng rất khác nhau. Tuy nhiên, xét tổng quát, có thể chỉ ra những nguyên nhân cơ bản, mang tính phổ biến đó là: Quản lý nhà nước yếu kém; Khung pháp luật về phòng, chống tham nhũng thiếu hợp lý, việc thực thi thiếu hiệu quả; Cơ chế và hệ thống cơ quan phòng, chống tham nhũng quốc gia chưa được xây dựng hoặc hoạt động hình thức; Thu nhập của công chức quá thấp, không đủ nuôi bản thân họ và gia đình;

Thế chế chính trị và truyền thống văn hóa hàm chứa những yếu tố ủng hộ hay khoan dung với hành vi tham nhũng...

Tùy mục tiêu và góc độ phân tích, có những nghiên cứu nhấn mạnh những nguyên nhân về pháp luật và quản lý¹ trong khi những nghiên cứu khác nhấn mạnh tính hiệu quả của các cơ quan chống tham nhũng². Từ những góc độ khác, một số nghiên cứu tập trung vào những nguyên nhân liên quan đến đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ công chức³, trong khi có nghiên cứu nhấn mạnh những nguyên nhân liên quan đến nền tảng đạo đức và giá trị xã hội⁴... Tuy nhiên, theo UNDP, nguyên

¹ Oi, Jean (1989), *State and Peasant in Contemporary China* (University of California Press); Shore, Cris (2005), "Culture and Corruption in the EU: Reflections on Fraud, Nepotism and Cronyism in the European Commission" in D. Haller and C. Shore (eds), *Corruption: Anthropological Perspective* (Ann Arbor and London: Pluto, 2005); Azfar, Omar, Young Lee and Anand Swamy (2001), "The Causes and Consequences of Corruption", *Annals of the American Academy of Political and Social Sciences*, Vol. 573, January 2001.

² Bardhan, Pranab (1997), "Corruption and Development: A Review of Issues", *Journal of Economic Literature*, Vol. 35 (3), Tanzi, Vito (1998), *Corruption Around the World: Causes, Consequences, Scope and Cures*, IMF Staff Papers Vol. 45, No. 4, December 1998.

³ Klitgaard, Robert et al (2000), *Corrupt Cities: A Practical Guide to Cure and Prevention* (ISC Press, 2000), Kaufmann, D. and Graay, A (2004, a): "Governance Matters III: New Indicators for 1996-2002 and Methodological Challenges" in *Global Corruption Report 2004*, [Online], available at <http://www.globalcorruptionreport.org/>.

⁴ De Sardan, Olivier (1999), "A Moral Economy of Corruption in Africa?" *the Journal of Modern African Studies*, Vol. 37, no. 1: 25-52; Hutchcroft, Paul (1997), "The Politics of Privilege: Assessing the Impact of Rents, Corruption, Clientelism on Third World Development", *Political Studies*, Vol. 45 (3).

nhân cơ bản của tham nhũng nằm ở vấn đề quản trị nhà nước - (*governance*)¹. Chỉ khi có một nền “quản trị tốt” (hay “quản trị nhà nước tốt” - *good governance*) mới có thể kiểm chế được tham nhũng. Một nền quản trị tốt, ở góc độ khái quát, có thể hiểu là tiến trình xây dựng và thực thi một cách hiệu quả các chính sách quản lý nhà nước mà trong đó các nguyên tắc của nhà nước pháp quyền như dân chủ, công bằng, công khai, minh bạch... được tôn trọng và bảo đảm một cách thực sự.

Tham nhũng gây ra những hậu quả nghiêm trọng, về nhiều mặt, với nhà nước, xã hội và người dân, mà có thể khái quát như sau:

Hậu quả về kinh tế: Tham nhũng làm thất thoát ngân sách, khiến cho Nhà nước không còn hoặc thiếu hụt nguồn lực dành cho các vấn đề xã hội và để đầu tư phát triển kinh tế. Đối với các doanh nghiệp, thiệt hại kinh tế trực tiếp từ tham nhũng thể hiện ở chỗ họ phải trả “phí bôi trơn”, còn thiệt hại gián tiếp xảy ra khi họ phải đối mặt với sự nhúng nhẽ, gây khó khăn của các cơ quan, nhân viên công quyền. Đối với các cá nhân công dân, tham nhũng được ví như một dạng “thuế không chính thức” (*unofficial tax*) đánh vào họ, vì mọi chi phí sản xuất, kể cả chi phí phải trả do tham nhũng, sẽ được các doanh nghiệp tính vào giá thành sản phẩm và dịch vụ để bán cho người tiêu dùng. Ngoài ra, cá nhân công dân còn phải chịu những thiệt hại kinh tế trực tiếp khác khi phải trả “phí bôi trơn”,

¹ UNDP (2004), *Anti-corruption- Practice Note*, final version, tr.2, available at http://intra.undp.org/b dp/anticorruption/sourcebook_ati.htm

“tiền cảm ơn” cho các cơ quan, nhân viên công quyền khi tiếp cận với các dịch vụ xã hội như giáo dục, y tế, hưởng thụ văn hóa... hay khi phải giải quyết các thủ tục hành chính, tư pháp...

Hậu quả về chính trị, văn hoá, xã hội: Tham nhũng là một trong những nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến bất bình đẳng, chia rẽ và xung đột xã hội. Ở một số quốc gia, tình trạng tham nhũng diễn ra một cách phổ biến đã dẫn đến những cuộc khủng hoảng chính trị, thậm chí bạo động xã hội, khiến cho hệ thống chính quyền sụp đổ hoặc bị tổn hại một cách nghiêm trọng. Tham nhũng cũng khiến cho đạo đức xã hội bị suy thoái. Không chỉ các công chức, viên chức nhà nước, lối sống của người dân nói chung cũng trở nên ích kỷ, thực dụng hơn, trong khi các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp như sự trung thực, tử tế, ngay thẳng, tình thân ái, đoàn kết ngày càng giảm sút trong bối cảnh tham nhũng.

Hậu quả về quản lý nhà nước: Tham nhũng khiến người dân mất lòng tin, chỉ trích và thậm chí chống đối các cơ quan và công chức nhà nước. Ngoài ra, tham nhũng làm xói mòn lòng tin của các nhà đầu tư trong và ngoài nước với sự quản lý xã hội và điều hành nền kinh tế của chính quyền. Điều này cản trở Chính phủ xây dựng và thực thi các chương trình kinh tế lớn mà có tác động đến sự phát triển về mọi mặt của đất nước.

2.1.2. Khái niệm “phòng, chống tham nhũng”

Theo nghĩa khái quát, có thể hiểu phòng, chống tham nhũng là tất cả những biện pháp nhằm ngăn ngừa những hành vi tham nhũng, không để chúng xảy ra, và những biện pháp nhằm phát hiện, xử lý những hành vi tham nhũng đã xảy ra.

Trong phòng, chống tham nhũng, vấn đề “phòng” (hay “phòng ngừa”) được xem là then chốt, tuy nhiên, vấn đề “chống” (hay phát hiện, xử lý) tham nhũng cũng rất quan trọng. “Phòng” và “chống” phải tiến hành đồng thời, trong sự liên kết, phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau. Nếu thực hiện tốt các biện pháp phòng ngừa thì sẽ làm giảm các vụ việc tham nhũng phải điều tra và xử lý. Ngược lại, việc thực hiện tốt công tác điều tra, xử lý những hành vi tham nhũng sẽ tạo ra hiệu quả răn đe (hay tác dụng phòng ngừa) cao với những kẻ tham nhũng.

Pháp luật quốc tế (UNCAC) và pháp luật Việt Nam (Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và các văn bản pháp luật khác có liên quan) quy định cả các biện pháp phòng và chống tham nhũng. Các biện pháp này rất đa dạng, tuy nhiên, chúng đều nhằm mục tiêu làm giảm hay triệt tiêu các yếu tố là nguyên nhân của tham nhũng, đồng thời thúc đẩy những yếu tố có tác dụng hạn chế khả năng xảy ra tham nhũng, cụ thể như được thể hiện trong công thức sau đây của UNDP¹:

$$C = (M + D) - (A + I + T)$$

Trong đó:

C = Corruption (tham nhũng)

M = Monopoly (sự chuyên quyền, độc đoán)

D = Discretion (sự tùy ý hành động do thiếu sự kiểm soát)

A = Accountability (trách nhiệm giải trình)

I = Integrity (sự liêm chính)

T = Transparency (tính minh bạch)

¹ UNDP Source Book on Accountability, Transparency and Integrity, available at (http://intra.undp.org/bdp/anticorruption/sourcebook_ati.htm)

Từ góc độ phòng, chống tham nhũng, công thức trên có thể diễn giải như sau: Để phòng, chống tham nhũng hiệu quả, cần củng cố ba yếu tố gồm: *“Trách nhiệm giải trình, Sự liêm chính và Tính minh bạch trong quản trị nhà nước; đồng thời cần có biện pháp kiểm soát quyền lực, cụ thể là hạn chế, xóa bỏ sự chuyên quyền, độc đoán của các cơ quan công quyền và người có chức vụ, quyền hạn”*.

2.2. MỐI LIÊN HỆ VÀ NHỮNG BIỂU HIỆN THAM NHƯNG GẮN VỚI BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Nhìn bề ngoài, ở tất cả các quốc gia, dường như tham nhũng chỉ diễn ra trong một số lĩnh vực như đấu thầu, mua sắm công, xây dựng, giao thông, y tế, cấp giấy phép, hay giải quyết các thủ tục hành chính...; tuy nhiên, thực tế cho thấy nạn tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã cũng rất nghiêm trọng. Điều này là bởi bất kỳ hành vi buôn bán trái pháp luật nào, trong đó có buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã, đều thu được lợi nhuận cao nhưng cũng phải đối mặt với nhiều rủi ro bị phát hiện và xử lý bởi các cơ quan chức năng. Quá trình buôn bán trái pháp luật thường có sự tham gia của nhiều người và trong tất cả các giai đoạn, những kẻ tội phạm đều phải che giấu các cơ quan chức năng. Trong bối cảnh đó, những kẻ có hành vi buôn bán trái pháp luật thường tìm cách hối lộ những cơ quan và quan chức thực thi pháp luật để có thể yên ổn thực hiện hành vi và thu lợi bất chính. Đây chính là mấu chốt của mối quan hệ giữa tham nhũng và buôn bán trái pháp luật nói chung, buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã nói riêng¹.

¹ Tanya Wyatt (2020), *Tham nhũng tiếp tay cho nạn buôn bán động vật, thực vật hoang dã trái pháp luật như thế nào*.

Liên quan trực tiếp đến vấn đề buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã, một số công trình nghiên cứu gần đây đã cho thấy, ở nhiều quốc gia, tham nhũng diễn ra khá phổ biến, trên nhiều cấp độ¹, và là một trong những yếu tố chính làm cho tình trạng buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã ngày càng nghiêm trọng hơn². Ở một số nước, tham nhũng ngày càng trở nên có hệ thống, mang tính chất của tội phạm có tổ chức, và là một phần không thể tách rời các hoạt động buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã³.

Theo nghiên cứu của Brennan và Kalsi (2015), có thể nhận thấy mối liên hệ rõ ràng giữa tham nhũng và buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã qua mức độ săn trộm voi để lấy ngà cao ở một số nước châu Phi⁴. Ngoài ra, mối quan hệ tương tự cũng có thể nhận thấy qua nạn buôn bán trái pháp luật vảy tê tê và một số loại động vật hoang dã khác ở châu Phi sang các nước ở châu lục khác, cũng như nạn buôn bán trái pháp luật một số loài động vật hoang dã khác ở một số nước Đông Nam Á sang Trung Quốc. Xét chung, trong khi nạn buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã hầu hết bắt

¹ Warchol (2004), "The Transnational Illegal Wildlife Trade", *Journal on Criminal Justice Studies*, Volume 17 (1).

² Tanya Wyatt (2020), *Tham nhũng tiếp tay cho nạn buôn bán động vật, thực vật hoang dã trái pháp luật như thế nào*.

³ Holmes, L. (2006), *Rotten States? Corruption, Post-Communism, and Neoliberalism*. Durham, NC: Duke University Press.

⁴ Dẫn lại theo Aled Williams, U4/CMI, Rob Parry-Jones, World Wide Fund for Nature, WWF, Dilys Roe Viện Nghiên cứu quốc tế về môi trường và phát triển, IIED, *Thiên nhiên đáp trả: Điểm khởi đầu xử lý tham nhũng trong tội phạm về động thực vật hoang dã*, tr. 04.

đầu ở các quốc gia đang phát triển, thì dòng tiền bất hợp pháp và rửa tiền lại có thể diễn ra ở cả các quốc gia đang phát triển và quốc gia phát triển¹.

Xét cụ thể hơn, có thể thấy tham nhũng diễn ra trong tất cả các công đoạn của buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã, từ săn bắt, giết mổ, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, tiêu thụ sản phẩm và biểu hiện ở dưới nhiều dạng thức, ví dụ như sau²:

- Nhân viên công quyền nhận hối lộ từ cá nhân, doanh nghiệp để cấp giấy xác nhận nguồn gốc của động vật hoang dã, giấy phép xuất khẩu các vật phẩm động vật hoang dã không đúng pháp luật (bao gồm cả việc cấp giấy phép để trống cho cá nhân, doanh nghiệp tự điền vào).

- Nhân viên công quyền có tư lợi từ doanh nghiệp buôn bán động vật hoang dã hoặc nuôi, nhốt mà họ có nhiệm vụ quản lý.

- Nhân viên công quyền thực hiện hành vi trộm cắp và buôn bán bất hợp pháp các vật phẩm động vật hoang dã có giá trị (ví dụ như ngà voi) từ kho của Nhà nước.

- Nhân viên hải quan, kiểm lâm... và các công ty vận chuyển nhận hối lộ từ các cá nhân, doanh nghiệp nhằm được xác nhận lưu thông, thông quan xuất nhập khẩu động vật hoang dã và sản phẩm từ động vật hoang dã trái pháp luật.

¹ Keatinge và Haelein (2016), <https://rusi.org/rusi-news/new-research-project-funded-uk-government-track-funds-illegal-wildlife-trade>

² Marceil Yeater (2012), *Corruption and Illegal Wildlife Trafficking*, United Nations Office on Drugs and Crime, Corruption, Environment and the United Nations Convention Against Corruption, tr. 17.

- Nhân viên ngoại giao sử dụng hành lý ngoại giao để vận chuyển động vật hoang dã trái pháp luật giữa các quốc gia.

- Nhân viên gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc mua bất hợp pháp động vật hoang dã ở quốc gia họ làm nhiệm vụ và mang về bất hợp pháp.

- Gian lận của cá nhân, doanh nghiệp trong việc xin cấp và sử dụng giấy phép săn bắn, nuôi, nhốt, chế biến, kinh doanh sản phẩm từ động vật hoang dã.

- Nhân viên công quyền lạm dụng chức vụ, quyền hạn làm sai lệch bản chất hồ sơ vụ án, vụ việc vì vụ lợi cá nhân, dẫn đến hoạt động điều tra, truy tố, xét xử không đảm bảo khách quan, đúng người đúng tội.

Trong số những hành vi tham nhũng nêu trên, phổ biến nhất bao gồm: hối lộ, bảo kê, cưỡng đoạt, cung cấp giấy phép bất chính và lợi dụng vỏ bọc ngoại giao để buôn lậu động vật hoang dã (Bảng 1).

Bảng 1. Các hình thức tham nhũng chủ yếu trong buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã¹

Hối lộ	Cưỡng đoạt	Bảo kê	Giấy phép bất chính	Vỏ bọc ngoại giao
• Cho phép tiếp cận động vật hoang dã • Xây dựng các văn bản luật có nhiều lỗ hổng hoặc có tính chất thiên vị	• Cho phép tiếp cận động vật hoang dã • Ép buộc nhân chứng...	• Cho phép tiếp cận động vật hoang dã • Xây dựng các văn bản luật có nhiều lỗ hổng hoặc có tính chất thiên vị	• Khai báo sai khối lượng và giá trị • Xác định sai loài	• Buôn lậu • Tránh bị bắt giữ

¹ Tanya Wyatt và Anh Ngoc Cao (2015), *Corruption and wildlife trafficking*, U4 Issue, May 2015, No. 11, tr.35, tại <https://www.u4.no/publications/corruption-and-wildlife-trafficking.pdf>.

• Giấy phép gian lận • Tặng quà cho các cá nhân hoặc nhóm người • Can thiệp vào các hoạt động thông thường • Rò rỉ thông tin tình báo (tuần tra, đột kích) • Bản án khoan hồng • Xử lý sai chứng cứ • Không tiến hành điều tra • Không ngăn chặn các cuộc săn bắt trái phép • Đổi hướng tuần tra • Buôn lậu • Lấy trộm chứng cứ/ động vật hoang dã bị tịch thu • Nhắm mắt làm ngơ	• Xây dựng các văn bản luật có nhiều lỗ hổng hoặc có tính chất thiên vị • Cường đoạt giấy phép • Rò rỉ thông tin tình báo (tuần tra, đột kích) • Bản án khoan hồng • Xử lý sai chứng cứ • Không tiến hành điều tra • Không ngăn chặn các cuộc săn bắt trái phép • Đổi hướng tuần tra • Buôn lậu • Nhắm mắt làm ngơ	• Giấy phép gian lận • Tặng quà cho các cá nhân hoặc nhóm người • Can thiệp vào các hoạt động thông thường • Rò rỉ thông tin tình báo (tuần tra, đột kích) • Bản án khoan hồng • Xử lý sai chứng cứ • Không tiến hành điều tra • Không ngăn chặn các cuộc săn bắt trái phép • Đổi hướng tuần tra • Buôn lậu • Lấy trộm chứng cứ/ động vật hoang dã bị tịch thu • Nhắm mắt làm ngơ	• Gắn nhãn nuôi nhốt cho động vật hoang dã săn bắn tự nhiên • Tái chế giấy phép hợp pháp • Bán giấy phép xuất/nhập khẩu hoặc giấy phép săn bắn • Lấy trộm giấy phép và tài liệu CITES	
--	---	--	--	--

Từ một góc độ khác, nhiều nghiên cứu cũng cho thấy buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã có sự tiếp tay của các đối tượng tham nhũng ở cả khu vực công và khu vực tư nhân (Bảng 2).

Bảng 2. Các chủ thể tham nhũng phân theo khu vực ¹

Đối tượng tham nhũng	
Khu vực công	Lính biên phòng, cán bộ kiểm lâm, hải quan, cán bộ quản lý khu bảo tồn, cán bộ cơ quan tư pháp, nhà lập pháp, kiểm lâm vườn quốc gia, cảnh sát, chính trị gia, công tố viên/ kiểm sát viên, nhà quản lý...
Khu vực tư	Cán bộ ngân hàng, đại lý hải quan, công ty xuất/ nhập khẩu, nhà cung cấp Internet, nhân viên vận tải, doanh nghiệp kinh doanh liên quan đến động vật hoang dã.

2.3. NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN THAM NHŨNG GẮN VỚI BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Ngoài những nguyên nhân phổ biến của tham nhũng đã được đề cập ở phần trên, có một số nguyên nhân đặc thù dẫn đến tình trạng tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã, cụ thể như sau:

Thứ nhất, hạn chế trong pháp luật và thực thi pháp luật

Nếu có khung khổ pháp luật tốt về phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã và việc triển khai thực hiện hiệu quả thì nạn tham nhũng đi kèm cũng sẽ bị ngăn chặn.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy ở nhiều quốc gia, pháp luật về phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã chưa hoàn thiện, và việc thực thi đôi khi bị thả nổi. Hạn chế phổ biến trong pháp luật của các quốc gia về vấn đề này là quy định thiếu hợp lý và đầy đủ về các loài nguy cấp, quý và hiếm được ưu tiên bảo vệ. Thêm vào đó là chế tài cho những hành

¹ Wyatt và Cao Ngọc Anh (2015), tldđ, tr.35.

vi buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã thường nhẹ, trong khi lợi nhuận từ hành vi này rất cao, khiến cho những kẻ hám lợi bất chấp pháp luật để buôn bán trái phép động vật hoang dã. Ngoài ra ở nhiều quốc gia, các quy định về vấn đề này, bao gồm quy định về việc xử lý những vi phạm pháp luật về buôn bán động vật hoang dã, thường được đề cập trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau, dẫn tới khó khăn trong việc áp dụng.

Liên quan đến việc thực thi pháp luật, hạn chế phổ biến là thiếu sự hợp tác giữa các cơ quan chức năng trong một quốc gia, cũng như sự hợp tác giữa các quốc gia với nhau, trong hoạt động phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã. Không chỉ vậy, ở một số quốc gia có tình trạng cơ quan chức năng hoặc quan chức có trách nhiệm cố tình trì hoãn hoặc thiếu quyết liệt trong việc triệt phá các đường dây buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã. Ngoài ra, ở một số quốc gia, do quy trình pháp luật thiếu chặt chẽ dẫn đến việc cấp phép tùy tiện cho hoạt động nuôi trồng một số loài động vật hoang dã nguy cấp – điều này cũng khiến cho việc thực thi pháp luật về phòng, chống buôn bán trái pháp luật những loại động vật đó gặp khó khăn, do những kẻ buôn bán thường trà trộn động vật hoang dã bị đánh bắt ngoài tự nhiên vào các trang trại để hợp pháp hóa việc buôn bán.

Thứ hai, sơ hở trong phòng, chống rửa tiền

Với tính chất là tội phạm có tổ chức và có lợi nhuận cao, nhiều giao dịch trong buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã được thực hiện qua hệ thống ngân hàng. Vì vậy, nếu kiểm

soát tốt các giao dịch ngân hàng đáng ngờ thì có thể góp phần ngăn chặn tình trạng buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã. Ví dụ, nhờ việc theo dõi các giao dịch ngân hàng đáng ngờ ở Thái Lan, Uganda, Lào, Trung Quốc và Indonesia, các nhà điều tra đã phanh phui một số vụ buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã từ Nam Phi, Uganda đến Trung Quốc, và từ Indonesia ra nước ngoài, qua đó đã tịch thu được hàng trăm triệu đô la Mỹ¹.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy trong cuộc chiến chống nạn buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp, nhiều quốc gia coi nhẹ việc “theo dõi dòng tiền”, chỉ chú trọng đến việc “theo dõi đường đi của con vật bị buôn bán”². Ở đây, trong khi vẫn cần “theo dõi đường đi của con vật bị buôn bán” thì đồng thời cần theo dõi dòng tiền giao dịch trong các vụ mua bán động vật hoang dã. Điều này là bởi việc theo dõi dòng tiền giúp cho việc tịch thu chúng, qua đó đánh vào túi tiền những kẻ buôn lậu động vật hoang dã và đóng băng hoạt động của chúng³. Về vấn đề này, Đại hội đồng Liên hợp quốc cũng đã kêu gọi các quốc gia trên thế giới thông qua những đạo luật cho phép điều tra tội phạm động vật hoang dã thông qua các hành động rửa tiền⁴.

¹ Xuân Mai, *Chặn đứng “tiền máu”*, Link tham khảo: <https://nld.com.vn/thoi-su-quoc-te/chan-dung-tien-mau-20171012212450652.htm>

² BBC, *Lần theo dòng tiền ‘cháy’ từ buôn lậu động vật hoang dã*, <https://www.bbc.com/vietnamese/world-45807054>

³ Xuân Mai, tldđ.

⁴ UN General Assembly, *Tackling illicit trafficking in wildlife, Resolution A/RES/73/343*, tại <https://digitallibrary.un.org/record/3828828?ln=en>

Thứ ba, thu nhập thấp, không đồng đều và năng lực hạn chế của các lực lượng thực thi công vụ

Trong phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã, các lực lượng kiểm lâm, cảnh sát môi trường, hải quan... có vai trò quan trọng, trực tiếp tác động tới tình hình. Ở nhiều quốc gia, thu nhập của các lực lượng này thấp và không đồng đều, dẫn đến việc họ dễ nhận hối lộ để bỏ qua vi phạm hoặc đồng lõa với những kẻ buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã, trong rất nhiều công đoạn của hoạt động này.

Với tính chất là tội phạm xuyên quốc gia, việc điều tra, truy tố, xét xử những vụ tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã thường rất khó khăn, do tội phạm được thực hiện dưới nhiều phương thức, thủ đoạn tinh vi, và liên quan đến nhiều chủ thể trong và ngoài nước. Điều đó đòi hỏi lực lượng thực thi công vụ phải có trình độ nghiệp vụ cao và có đầy đủ công cụ, phương tiện hiện đại. Tuy nhiên, năng lực và nguồn lực của các cơ quan thực thi pháp luật ở nhiều nước còn hạn chế, dẫn đến nhiều vụ điều tra tội phạm bị tạm đình chỉ hoặc đình chỉ do không tìm được manh mối hoặc kẻ chủ mưu.

Thứ tư, văn hoá tiêu thụ sản phẩm động vật hoang dã còn phổ biến

Một trong những nguyên nhân chính khiến cho động vật hoang dã bị buôn bán trái pháp luật là do có nhu cầu lớn trong xã hội ở một số nước, đặc biệt là các nước châu Á như Trung Quốc, Việt Nam... sử dụng sản phẩm từ động vật hoang dã để làm thực phẩm, thuốc chữa bệnh, hoặc để làm vật trang

trí trong gia đình... Chính văn hoá này đã tạo ra thị trường tiêu dùng khổng lồ các sản phẩm động vật hoang dã, từ đó kích thích những kẻ buôn bán trái pháp luật, dẫn đến nguy cơ tuyệt chủng với nhiều loài.

Thứ năm, thiếu quyết tâm chính trị trong phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã

Theo đánh giá của các tổ chức quốc tế, một số chính phủ tỏ ra thiếu quan tâm và chưa có hành động thích đáng để phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã. Có trường hợp, mặc dù đã được cung cấp đầy đủ những bằng chứng, hồ sơ chi tiết về các hành vi vi phạm và được yêu cầu xử lý nghiêm, song một số chính phủ vẫn lảng tránh hoặc chỉ hành động cầm chừng, mang tính chất để đối phó với dư luận hơn là để kiên quyết triệt phá các đường dây buôn bán bất hợp pháp động vật hoang dã.

Thiếu quyết tâm chính trị là một trở ngại lớn với phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã nói chung, với việc phòng, chống tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã nói riêng, bởi đây là dạng tội phạm xuyên quốc gia, có lợi nhuận bất chính cao, nên những kẻ buôn bán thường dùng rất nhiều thủ đoạn tinh vi, bao gồm cả hối lộ quan chức, để thực hiện hành vi phạm tội.

2.4. SỰ CẦN THIẾT CỦA PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG GẮN VỚI BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Phòng, chống tham nhũng trong buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã không chỉ góp phần duy trì và đảm bảo

việc thực thi hiệu quả các quy định pháp luật về quản lý và bảo vệ động vật hoang dã, mà còn tăng cường khả năng giám sát rủi ro tham nhũng của các cơ quan quản lý về động vật hoang dã và các cơ quan thực thi pháp luật liên quan như¹:

- Đảm bảo sự phát triển bền vững của đa dạng sinh học: những nỗ lực phòng, chống tham nhũng nâng cao tính công khai, minh bạch trong lĩnh vực quản lý và bảo tồn động vật hoang dã góp phần giảm thiểu nạn săn, bắt động vật hoang dã và các loại tội phạm khác về động vật hoang dã.

- Đảm bảo nguồn lực cho công tác bảo tồn động vật hoang dã: công khai, minh bạch trong quá trình ra quyết định, đảm bảo môi trường cho thực hành liêm chính trong các cơ quan quản lý và bảo vệ động vật hoang dã sẽ góp phần giảm thiểu nguy cơ lạm dụng nguồn lực công dành cho công tác bảo tồn động vật hoang dã. Bên cạnh đó, các nguồn thu từ hoạt động phát triển du lịch sinh thái trong các khu bảo tồn, vườn quốc gia cũng sẽ được sử dụng đúng mục đích.

- Giảm tỷ lệ tội phạm, đặc biệt là các loại tội phạm xuyên quốc gia: tham nhũng được coi là một trong những yếu tố cơ bản tạo điều kiện cho sự phát triển của tội phạm về động vật hoang dã; do vậy các nỗ lực phòng, chống tham nhũng sẽ tác động trực tiếp tới khả năng phát triển và hoạt động của loại tội phạm này.

¹ UNODC (2019), *Scaling back corruption: a guide on addressing corruption for wildlife management authorities*.

- Tăng tỷ lệ truy tố, xét xử tội phạm về động vật hoang dã: phòng, chống tham nhũng trong các cơ quan của hệ thống tư pháp hình sự góp phần giảm thiểu khả năng đưa hối lộ, “chạy án” của các đối tượng buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã; nguy cơ tiếp tay của các cán bộ thực thi pháp luật đối với các băng, nhóm tội phạm buôn bán động vật hoang dã cũng bị hạn chế. Đặc biệt, với việc thực thi pháp luật nghiêm minh của các cơ quan thực thi pháp luật, nguy cơ bị phát hiện, điều tra của các loại tội phạm gắn liền với tội phạm về động vật hoang dã như rửa tiền, trốn thuế càng cao.

- Nâng cao tính liêm chính, chống lãng phí của đội ngũ cán bộ công tác trong các cơ quan quản lý và bảo vệ động vật hoang dã, các cơ quan thực thi pháp luật.

2.5. GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG GẮN VỚI BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Về mặt chiến lược, để phòng, chống tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã cần có cách tiếp cận đa chiều, áp dụng đồng thời nhiều biện pháp khác nhau, bởi vì buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã và tham nhũng đều là những vấn đề phức tạp, và có liên quan đến một số loại tội phạm khác. Một số biện pháp ở tầm vĩ mô có thể kể như sau:

Thứ nhất, thúc đẩy quản trị nhà nước tốt

“Quản trị tốt” (*good governance* – hay “quản trị nhà nước tốt”), theo UNDP là “các hệ thống quản lý có năng lực, kịp

thời, toàn diện và minh bạch...”¹, còn theo WB: “.. là tập hợp các thể chế minh bạch, có trách nhiệm giải trình, có năng lực và kỹ năng, cùng với ý chí quyết tâm làm những điều tốt đẹp... Tất cả giúp cho một nhà nước cung cấp những dịch vụ công cho người dân một cách hiệu quả”². Theo Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB): “Quản trị tốt thể hiện qua bốn yếu tố cơ bản: (i) trách nhiệm giải trình (*accountability*), (ii) sự tham gia (*participation*), (iii) tính chất có thể dự đoán (*predictability*), và (iv) sự minh bạch (*transparency*)”³, còn theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD): “Các yếu tố chủ yếu của quản trị tốt bao gồm: (i) Trách nhiệm giải trình (*accountability*), sự minh bạch (*transparency*), tính hiệu quả (*efficiency*) và hiệu lực (*effectiveness*), tính kịp thời (*responsiveness*), tầm nhìn (*forward vision*), pháp quyền (*rule of law*)⁴. Còn theo Liên hợp quốc, thuật ngữ *Quản trị tốt* có thể được dùng để nói đến các vấn đề như: tôn trọng đầy đủ các quyền con người (*full respect of human rights*), nguyên tắc pháp quyền (*the rule of law*), sự

¹ Remarks by Helen Clark, *Administrator of the United Nations Development Programme, at the Fourth United Nations Conference on the Least Developed Countries High Level Interactive Thematic Debate on Good Governance at All Levels*, Istanbul, 11 May 2011.

² Paul Wolfowitz, World Bank President, Jakarta, 11 April 2006. Nguồn: World Bank, *Strengthening the World Bank Group Engagement on Governance and Anticorruption*, 21 March 2007, tr. 1.

³ ADB (1995), *Governance: Sound Economic Management*, tr. 3, 4, 8, tại <https://www.adb.org/sites/default/files/institutional-document/32027/govpolicy.pdf>

⁴ OECD, *Directorate for Public Governance and Territorial Development*, “Principal Elements of Good Governance”, tại <http://www.oecd.org/governance/regulatory-policy/irrc.htm>.

tham gia hiệu quả [của người dân] (*effective participation*), sự cộng tác của nhiều chủ thể (*multi-actor partnerships*), chính trị cạnh tranh (*political pluralism*), các tiến trình và thể chế minh bạch và có trách nhiệm giải trình (*transparent and accountable processes and institutions*), khu vực công hiệu lực, hiệu quả (*efficient and effective public sector*), tính hợp pháp (*legitimacy*), tiếp cận với kiến thức, thông tin và giáo dục (*access to knowledge, information and education*), trao quyền chính trị của người dân (*political empowerment of people*), sự công bằng (*equity*), sự ổn định (*sustainability*), thái độ và các giá trị giúp thúc đẩy trách nhiệm, sự đoàn kết và sự khoan dung (*attitudes and values that foster responsibility, solidarity and tolerance*)¹.

Quản trị tốt hiện được xem như mục tiêu của các quốc gia, và là tiêu chí đánh giá của các tổ chức quốc tế với các quốc gia. Điều này phản ánh rất rõ qua nhận định của một cơ quan Liên hợp quốc, trong đó nêu rằng: “quản trị tốt liên quan đến các tiến trình và kết quả chính trị và thể chế mà cần thiết để đạt được các mục tiêu phát triển. Đó là một tiến trình mà các cơ quan công quyền giải quyết các vấn đề công cộng, quản lý các nguồn lực công và bảo đảm việc thực hiện các quyền con người theo cách thức hoàn toàn không có sự tham nhũng và lạm dụng và thực sự tuân thủ nguyên tắc pháp quyền”².

¹ Nguồn OHCHR, OHCHR and good governance:

<http://www.ohchr.org/EN/Issues/Development/GoodGovernance/Pages/GoodGovernanceIndex.aspx>

² Nguồn OHCHR, OHCHR and good governance:

<http://www.ohchr.org/EN/Issues/Development/GoodGovernance/Pages/GoodGovernanceIndex.aspx>

Từ những tiêu chí nêu trên của quản trị tốt, có thể thấy rằng tình trạng buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã và tham nhũng đi kèm có thể bị đẩy lùi và xoá bỏ nếu như các tiêu chí của quản trị tốt được hiện thực hoá ở các quốc gia, vì như đã đề cập ở trên, một trong những nguyên nhân cốt lõi của tham nhũng và buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã bắt nguồn từ sự yếu kém trong quản trị nhà nước.

Cụ thể, tất cả những hành vi buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã đã nêu ở trên, bao gồm các hành vi tham nhũng đi kèm như hối lộ, bảo kê, vỏ bọc ngoại giao, giấy phép bất chính sẽ bị phát hiện và trừng phạt trong bối cảnh pháp quyền, công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và có sự tham gia của người dân vào quản trị nhà nước. Một xã hội được quản trị tốt cũng sẽ bảo đảm rằng những hành vi cụ thể của buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã, bao gồm săn bắn, chế biến, vận chuyển, mua bán động vật hoang dã trái pháp luật, cũng như các hành vi tham nhũng đi kèm, sẽ dễ dàng bị phát hiện và trừng trị. Không chỉ vậy, trong bối cảnh được quản trị tốt, các xã hội còn có thể tạo ra những cơ chế phòng ngừa từ xa với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã và hành vi tham nhũng đi kèm, chẳng hạn như ý kiến phản biện của các tổ chức xã hội và công dân với những chính sách thiếu chặt chẽ của cơ quan nhà nước mà tạo kẽ hở cho buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã; hoặc cơ chế bảo vệ người tố cáo những hành vi buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã cũng như những hành vi tham nhũng đi kèm.

Thứ hai, tăng cường năng lực cho các cơ quan thực thi pháp luật

Buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã và tham nhũng đi kèm liên quan đến nhiều cơ quan, chủ thể khác nhau, bao gồm cả các cơ quan, chủ thể trong và ngoài khu vực công. Mặc dù vậy, ở nhiều quốc gia, rủi ro vi phạm các quy định pháp luật trong lĩnh vực này là lớn nhất ở một số cơ quan thực thi pháp luật, trong đó bao gồm hải quan, biên phòng, cảnh sát, kiểm lâm, quản lý thị trường.

Thực tế ở nhiều nước cho thấy, cán bộ thực thi pháp luật ở các cơ quan nêu trên có thể bị mua chuộc hoặc lạm dụng quyền lực khi thực thi nhiệm vụ phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã. Điều đó đòi hỏi những cán bộ này phải thường xuyên được tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã nói chung; phòng, chống tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã nói riêng. Chương trình tập huấn, giáo dục cho họ cần bao gồm những kiến thức liên quan đến động vật hoang dã, pháp luật về phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã và thủ đoạn của những kẻ buôn bán động vật hoang dã trái pháp luật. Bên cạnh đó, chương trình tập huấn, giáo dục còn cần bao gồm những kiến thức về hành vi tham nhũng và các chế tài với hành vi tham nhũng liên quan đến buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã. Đối với lực lượng hải quan và cảnh sát, ngoài những kiến thức nêu trên, còn cần cung cấp cho họ những kiến thức về hợp tác quốc tế trong phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang

dã và những thủ đoạn của những kẻ buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã xuyên biên giới, bao gồm những thủ đoạn rửa tiền.

Tổ chức INTERPOL cho rằng xây dựng năng lực cho cán bộ thực thi pháp luật là rất quan trọng để ngăn chặn tham nhũng và việc này cần bao gồm phổ biến, đào tạo cán bộ thực thi pháp luật về các thực hành tốt nhất đang được áp dụng để chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã, cũng như việc thực hiện các quy trình trong các cơ quan thực thi pháp luật để giảm thiểu nguy cơ xảy ra tham nhũng¹. Ví dụ, INTERPOL đề xuất một số kỹ thuật, như thường xuyên luân chuyển cán bộ kiểm lâm từ nơi này sang nơi khác, nhằm ngăn chặn kiểm lâm thiết lập mối quan hệ gần gũi với người dân địa phương cũng như tách họ khỏi các mạng lưới bảo kê có thể thiết lập dựa vào mối quan hệ đối với gia đình và bạn bè². Các đơn vị hải quan cũng có thể thực hiện thay đổi nhân sự không báo trước đối với cán bộ hải quan, khiến họ không được biết rõ hay khó đoán được nơi làm việc mới của mình, nhờ đó, đối tượng buôn lậu sẽ gặp khó khăn hơn khi muốn lôi kéo một cá nhân cụ thể hoặc muốn có cơ hội tạo dựng mối quan hệ lâu dài với cán bộ nào đó³. Ngoài ra, INTERPOL đề xuất thiết lập các đơn vị, bộ phận thực hiện chức năng kiểm soát, giám sát nội bộ. Các đơn vị này sẽ tìm

¹ INTERPOL and UNEP (2012), *Green Carbon, Black Trade: Illegal Logging, Tax Fraud and Laundering in the Worlds Tropical Forests*, tại <http://www.grida.no/publications/126>. Truy cập ngày 20/6/2019.

^{2,3} INTERPOL and UNEP (2012), *tlđđ*.

hiểu xem cán bộ của đơn vị còn liêm chính hay đã biến chất hư hỏng thông qua các vụ việc chưa bị phát hiện¹.

Nâng cao năng lực cho cán bộ thực thi pháp luật còn bao gồm nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn cho cán bộ để thực hiện điều tra giám sát các khía cạnh liên quan đến tài chính trong buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã. Việc theo dõi dòng tiền có thể giúp phát hiện những hành động rửa tiền thu được từ buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã. Thông tin về dòng tiền bản có thể cho phép bắt giữ và thu hồi tài sản từ hoạt động bất hợp pháp này².

Ngoài ra, tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ thực thi pháp luật còn bao gồm việc đầu tư trang, thiết bị kỹ thuật cần thiết để họ có thể dễ dàng phát hiện, kiểm tra, giám định các chứng cứ có liên quan đến buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã.

Ở Việt Nam, các cơ quan chủ chốt được giao nhiệm vụ giải quyết vấn đề buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã bao gồm Kiểm lâm, Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng, Cảnh sát môi trường, Cảnh sát điều tra, Kiểm sát, Hải quan, Biên phòng, Quản lý thị trường, Cơ quan quản lý CITES³. Theo như phân tích ở trên, việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã trước hết cần tập trung vào cán bộ của những cơ quan này.

^{1,2} INTERPOL and UNEP (2012), tldd.

³ Tanya Wyatt và Cao Ngọc Anh (2015), tldd.

Thứ ba, hoàn thiện cơ chế giám sát, tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và chăm lo đời sống của cán bộ thực thi pháp luật

Một trong những biện pháp khác được đề xuất đó là nghiên cứu cải cách quy trình thủ tục trong các ngành nghề nêu trên để làm tăng tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình, qua đó dễ dàng phát hiện và ngăn chặn các hành vi buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã và tham nhũng đi kèm. Thực tế ở nhiều quốc gia cho thấy, giám sát các hoạt động phòng, chống tội phạm là một yếu tố quan trọng để phát hiện tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã. Để đạt được hiệu quả, việc giám sát phải được thực hiện một cách độc lập, có sự tham gia của các bên không thuộc khối nhà nước. Giám sát cần bao gồm cả việc kiểm tra các báo cáo và đăng ký liên quan đến quản lý động vật hoang dã¹. Giấy phép xuất nhập khẩu cũng như giấy phép bẫy và săn bắt động vật hoang dã cũng cần phải nằm trong quy trình giám sát này.

Tính minh bạch cần phải được xem là một phần không thể tách rời trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước, trong đó có ngân hàng và các cơ quan thực thi pháp luật về phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã. Điều này có thể được hỗ trợ một phần bằng việc thúc đẩy áp dụng nghiêm ngặt các quy định về công khai, minh bạch,

¹ Ayling (2013), *What Sustains Wildlife Crime? Rhino Horn Trading and the Resilience of Criminal Networks*, Journal of International Wildlife Law & Policy, Vol 16 (1), 2013.

tiếp cận thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, thực hiện việc kê khai và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức; sử dụng hệ thống kiểm toán nội bộ, chính sách kiểm tra thông tin khách hàng trong hoạt động của các định chế tài chính để ghi lại các hoạt động, hay việc áp dụng hệ thống cấp phép điện tử trong hoạt động của cơ quan quản lý CITES. Đối với hoạt động phòng ngừa buôn bán sừng tê giác, một tác giả cho rằng tính minh bạch cũng cần được bảo đảm trong việc lựa chọn người quản lý các khu bảo tồn và các hoạt động của chủ và nhân viên hướng dẫn du lịch và công viên dã sinh¹. Việc công khai mối quan hệ của nhân viên vận tải với những người liên quan đến quản lý động vật hoang dã cũng có thể giúp phòng, chống tham nhũng trong vấn đề này².

Thêm vào đó, cũng cần cải cách chế độ tiền lương và đãi ngộ để đảm bảo đời sống của các cán bộ thực thi pháp luật, thực hiện nguyên tắc làm cho cán bộ “không cần tham nhũng”. Điều này là bởi theo một số nghiên cứu, tham nhũng có biểu hiện rõ ràng hơn, nghiêm trọng hơn khi tiền lương của cán bộ thực thi pháp luật thấp³. Ngoài việc bảo đảm tiền

¹ Ayling (2013), tldđ.

² Tanya Wyatt và Cao Ngọc Anh (2015), tldđ.

³ Brack, D. and Hayman, G. (2002), *International Environmental Crime: the nature and control of environmental black markets*. London: Royal Institute of International Affairs, tại https://www.chathamhouse.org/sites/files/chathamhouse/public/Research/Energy,%20Environment%20and%20Development/environmental_crime_background_paper.pdf.

lương, có nghiên cứu còn đề cập đến việc xây dựng cơ chế thưởng cho cán bộ thực thi pháp luật hoàn thành tốt nhiệm vụ phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã để ngăn chặn tham nhũng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ này¹.

Mặc dù vậy, cũng có những ý kiến trái chiều về hai vấn đề trên. Cụ thể, về việc tăng lương, quan điểm phản đối cho rằng trong khi mức lương cao hơn có thể đồng nghĩa với việc các cán bộ thực thi pháp luật ít sẵn sàng tham gia hoạt động tham nhũng hơn, thì điều này cũng có thể chỉ khiến họ tìm cách che giấu hành động của mình một cách kín đáo hơn². Còn đối với vấn đề tiền thưởng, có tác giả phát hiện ra rằng ở một số nơi cơ chế thưởng dựa trên thành tích cũng bị tác động bởi các hệ thống tham nhũng, theo đó những cán bộ không tham nhũng lại bị cô lập, còn những cán bộ nhận hối lộ thường thông đồng với cán bộ cấp trên, những người được nhận tiền thưởng thành tích, để khuyến khích tham nhũng bởi họ được hưởng lợi từ hành vi này³.

¹ Olken và Pande (2012), *Corruption in Developing Countries*, Annual Review of Economics, Vol. 4 : 479-509 (Volume publication date September 2012), <https://doi.org/10.1146/annurev-economics-080511-110917>.

² Tanya Wyatt và Cao Ngọc Anh (2015), tldđ.

³ Shana M. Sundstrom and Craig R. Allen (2014), *Complexity versus certainty in understanding species' declines*, Journal of Diversity and Distributions, First published: 03 January 2014 <https://doi.org/10.1111/ddi.12166>

Thứ tư, giảm và tiến tới xóa bỏ nhu cầu về sử dụng động vật hoang dã và huy động người dân tham gia đấu tranh chống tham nhũng

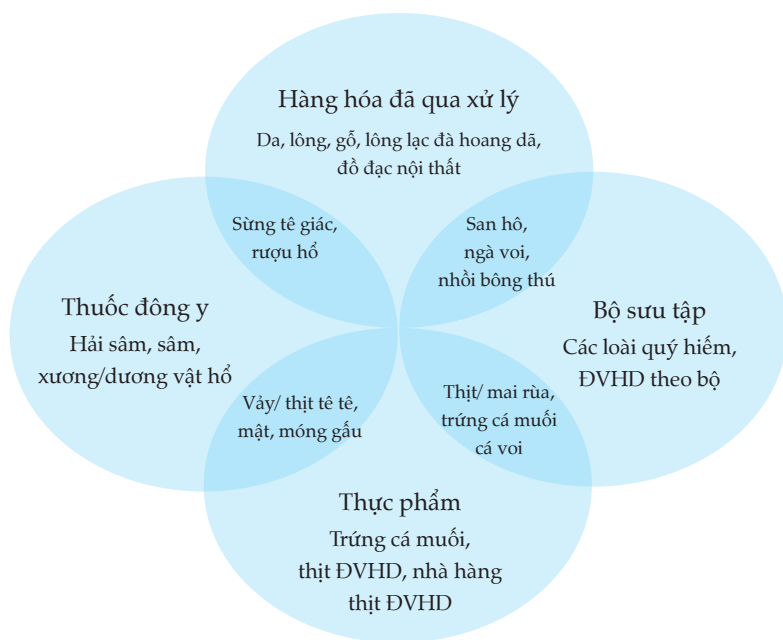
Để giải quyết nạn buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã nói chung và tình trạng tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã nói riêng, cần cố gắng giảm và tiến tới xóa bỏ nhu cầu về sử dụng động vật hoang dã trong xã hội. “Các giải pháp giảm cầu một cách nghiêm túc và lâu dài sẽ thành công, còn tất cả những gì nỗ lực kiểm soát nguồn cung làm được là khiến cho hoạt động kinh doanh này được thực hiện “ngầm”, làm tăng tỷ lệ lợi nhuận và gia tăng tham nhũng”¹. Các chiến dịch tuyên truyền giảm nhu cầu về động vật hoang dã, đặc biệt là việc hướng đến thay đổi thái độ, hành vi của người tiêu dùng được coi là những biện pháp phòng ngừa tham nhũng liên quan đến buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã hiệu quả.

Như vậy, để giải quyết nạn buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã và tình trạng tham nhũng đi kèm, cần giáo dục, tuyên truyền nhằm giúp người dân hiểu và tự từ bỏ nhu cầu tiêu thụ động vật hoang dã và các sản phẩm của chúng.

Thêm vào đó, cũng cần nỗ lực thay đổi thái độ của người dân từ chỗ thờ ơ hay chấp nhận đến phản đối và tố cáo những hành vi buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã và tham nhũng đi kèm. Đồng thời, cần củng cố các cơ chế pháp lý hiện

¹ Naylor, R. (2004), “*The Underworld of Ivory*”. *Crime, Law & Social Change*. 42: 261–295.

hành để người dân có thể tố giác hành vi tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã một cách an toàn và hiệu quả, ví dụ như việc thiết lập những diễn đàn trực tuyến (như *wildleaks.org*¹), qua đó khuyến khích người dân tố giác tội phạm động vật hoang dã, đặc biệt là các hành động có liên quan đến tham nhũng.



Hình 1: Các loại nhu cầu về động vật hoang dã²

¹ Cao Ngọc Anh, A. và Wyatt, T. (2012), "The Illegal Wildlife Trade in Vietnam". Asian Journal of Criminology. DOI: 10.1007/s11417-012-9154-y.

² Cao Ngọc Anh, A. và Wyatt, T. (2015), tldd.

Thứ năm, tăng cường phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã và nạn tham nhũng đi kèm ở vùng biên giới, các trạm trung chuyển quốc tế

Hiện nay, buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã trở thành tội phạm xuyên quốc gia, vì vậy, việc tăng cường phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã và nạn tham nhũng đi kèm ở vùng biên giới, hay các trạm trung chuyển quốc tế là rất cần thiết.

Theo nghiên cứu của Tổ chức Hợp tác phát triển kinh tế (OECD)¹, các trạm trung chuyển quốc tế như sân bay quốc tế, cảng biển và cửa khẩu biên giới có nguy cơ rủi ro tham nhũng cao chiếm phần lớn trong các vụ bắt giữ khối lượng lớn động vật hoang dã nhập khẩu bất hợp pháp đã ghi nhận ở Việt Nam thời gian gần đây. Trong đó đáng chú ý là sự tham gia của cá nhân, doanh nghiệp trong khu vực tư vào việc thực hiện các hành vi tham nhũng để hợp thức hóa hoạt động buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã. Nghiên cứu của WCS cho thấy tính quan trọng, cấp thiết của việc tăng cường phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã và nạn tham nhũng đi kèm ở các vùng biên giới ở Việt Nam². Việc này có thể thực hiện thông qua các biện pháp như³:

¹ OECD (2019), *The illegal wildlife trade in Southeast Asia: institutional capacities in Indonesia, Singapore, Thailand and Vietnam*.

² WCS (2012), *Trong tầm mắt: Phân tích buôn bán động vật hoang dã xuyên quốc gia tại tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*.

³ WCS (2012), *tdđđ*, tr.25.

(i) Áp dụng các biện pháp bền vững để ngăn chặn nạn tham nhũng trong các cơ quan thực thi pháp luật ở vùng biên giới, trong đó bao gồm việc tiến hành điều tra tình báo toàn diện về nạn tham nhũng và cấu kết của cán bộ thực thi và cán bộ quản lý liên quan đến vấn đề tội phạm xuyên quốc gia; xử phạt nặng đối với bất kỳ cán bộ nào nhận hối lộ và thông báo công khai để răn đe các đối tượng khác; xây dựng cơ chế khen thưởng khi người dân tố cáo hành vi tham nhũng trong lĩnh vực buôn bán qua biên giới; tạo điều kiện cho các tổ chức xã hội giám sát độc lập tình trạng tham nhũng trong các đơn vị tại vùng biên giới;

(ii) Tăng cường năng lực thực thi pháp luật cho các đơn vị phòng, chống buôn lậu ở khu vực biên giới bằng cách: Nâng cao hiệu quả các hoạt động tuần tra liên ngành; áp dụng các kỹ thuật điều tra hình sự tiên tiến để có thể bắt giữ và xử lý đường dây và ông trùm buôn lậu đứng sau người vận chuyển; dựng thêm các thanh chắn trên các tuyến đường dẫn đến các lối mở biên giới trái pháp luật; sử dụng máy quét X-quang tại các điểm thông quan; thiết lập cơ chế kiểm soát liên ngành minh bạch đối với tội phạm xuyên biên giới; tiến hành tập huấn hàng năm về tội phạm liên quan đến động vật hoang dã cho cán bộ các cơ quan thực thi pháp luật ở vùng biên giới.

Một số giải pháp khác

Ngoài năm giải pháp ở trên, nếu tiếp cận từ góc độ cụ thể hơn, có thể xác định một số giải pháp khác nhằm phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã và tham nhũng đi kèm ở Việt Nam như sau¹:

¹ <https://vietnamforestry.org.vn/bao-ve-dong-vat-hoang-da/>

1) Điều tra và xử lý nghiêm các đối tượng cầm đầu các đường dây buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã; lưu ý việc tiến hành điều tra tội phạm về động vật hoang dã như là tội phạm nguồn của tội tham nhũng, rửa tiền.

2) Thực hiện các biện pháp tuyên truyền, phòng ngừa, răn đe hiệu quả; trong đó tăng cường nhận thức của các cơ quan phòng, chống tham nhũng về mức độ nghiêm trọng của tội phạm về động vật hoang dã và nạn tham nhũng đi kèm.

3) Tiến hành tiêu hủy tất cả sừng tê giác và ngà voi thu giữ được từ các vụ vi phạm.

4) Đóng cửa tất cả các cơ sở nuôi hổ, đồng thời chấm dứt các hoạt động cho hổ sinh sản không kiểm soát; đồng thời chấm dứt tình trạng các hộ gia đình nuôi nhốt gấu tại Việt Nam.

5) Thực hiện việc kiểm soát chặt chẽ tình hình gây nuôi thương mại động vật hoang dã trên toàn quốc.

6) Gắn liền trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc kiểm soát cũng như chấm dứt tình trạng tiêu thụ động vật hoang dã trái pháp luật trên địa bàn.

7) Tăng cường các biện pháp ngăn chặn tội phạm công nghệ cao, trong đó có tội phạm buôn bán động vật hoang dã trên mạng Internet.

8) Tăng cường phối hợp giữa cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, các tổ chức cộng đồng và người dân trong nỗ lực bảo vệ động vật hoang dã và phòng, chống tham nhũng.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích khái niệm, nguyên nhân và hậu quả của tham nhũng.
2. Phân tích mối liên hệ giữa tham nhũng và buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã.
3. Phân tích những biểu hiện tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã.
4. Phân tích nguyên nhân dẫn đến tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã.
5. Phân tích những giải pháp phòng, chống tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã.

Chương III

KHUNG PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM LIÊN QUAN ĐẾN PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG GẮN VỚI BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

3.1. KHUNG PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ VIỆT NAM LIÊN QUAN ĐẾN PHÒNG, CHỐNG BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

3.1.1. Khung pháp luật quốc tế liên quan đến phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã

Trong pháp luật quốc tế, hiện đã có nhiều công ước đề cập đến vấn đề bảo tồn tự nhiên, trong đó có bảo tồn động vật hoang dã. Những công ước này cũng góp phần phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã, tuy nhiên, từ góc độ trực tiếp, Công ước CITES có ý nghĩa quan trọng nhất.

3.1.1.1. Công ước CITES

Dự thảo CITES được thông qua năm 1963 trong một cuộc họp các thành viên của Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN). Công ước sau đó được ký tại Thủ đô Washington (Hoa Kỳ) vào ngày 3/3/1973, được sửa đổi tại Bonn (Thủ đô CHLB Đức) ngày 22/6/1979. Tính đến nay, Công ước này có 183 nước thành viên¹.

¹ Theo What is CITES?: <https://www.cites.org/eng/disc/what.php>

CITES là Công ước quốc tế có hiệu lực toàn cầu nhằm kiểm soát việc buôn bán, trao đổi các loài động vật hoang dã để tránh tình trạng khai thác quá mức dẫn đến tình trạng tuyệt chủng. CITES bảo vệ khoảng 5.950 loài động vật và 32.800 loài thực vật do bị khai thác quá mức trong thương mại quốc tế. Mỗi loài cần bảo vệ được đưa vào các Phụ lục theo mức độ đe dọa của loài và sự kiểm soát được áp dụng trong thương mại. Tổng cộng có 3 Phụ lục, gồm¹:

Phụ lục I

Phụ lục I bao gồm 687 loài động vật hoang dã bị đe dọa tuyệt chủng, nghiêm cấm xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển và quá cảnh mẫu vật từ tự nhiên vì mục đích thương mại.

Theo Công ước CITES, việc buôn bán, trao đổi những loài trong Phụ lục này chỉ được thực hiện nếu không vì mục đích thương mại, khi đó cần phải có cả Giấy phép xuất khẩu và Giấy phép nhập khẩu cấp bởi Cơ quan quản lý CITES của nước xuất khẩu và nước nhập khẩu.

Cơ quan quản lý về khoa học của nước xuất khẩu phải chứng minh rằng việc xuất khẩu này không đe dọa sự tồn tại của loài đó và việc thu thập mẫu vật phù hợp luật pháp. Cơ quan thẩm quyền quản lý của nước nhập khẩu phải giải trình đầy đủ là mẫu vật không được dùng cho mục đích thương mại và đã chuẩn bị tốt về điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc mẫu vật.

¹ Theo Phụ lục CITES: <https://cites.org/eng/disc/species.php>

Các loài động vật thường bị buôn bán thuộc Phụ lục I bao gồm: hổ, báo hoa mai, tê giác (trừ quần thể của Nam Phi và Swaziland), voi (trừ quần thể của Botswana, Namibia, Nam Phi và Zimbabwe), gấu trúc đỏ, rái cá, đười ươi, gấu chó, một số loài vẹt.

Phụ lục II

Phụ lục II gồm 5.056 loài động vật hoang dã hiện chưa bị đe dọa tuyệt chủng, nhưng có thể dẫn đến tuyệt chủng, nếu việc xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển và quá cảnh mẫu vật từ tự nhiên vì mục đích thương mại những loài này không được kiểm soát.

Theo Công ước, việc buôn bán những loài này giữa các quốc gia cần có Giấy phép xuất khẩu do Cơ quan quản lý CITES nước xuất khẩu cấp, nhằm tránh việc sử dụng không phù hợp với sự sinh tồn của chúng trong tự nhiên. Giấy phép nhập khẩu không bắt buộc tại một số quốc gia.

Trong thực tế, hàng trăm ngàn loài động vật trong Phụ lục II được buôn bán hàng năm giữa các quốc gia. Một số loài thường bị buôn bán thuộc Phụ lục II như: mèo cá, cầy, linh dương, kỳ nhông, rắn hổ, một số loài rùa nước ngọt, cá mập trắng lớn; gấu đen Bắc Mỹ; ngựa vằn hoang Hartman; vẹt xám châu Phi; cự đà xanh; ốc Bẹ hồng; thần lằn Merten...

Phụ lục III

Phụ lục III gồm 202 loài động vật hoang dã mà một nước thành viên CITES yêu cầu nước thành viên khác của CITES hợp tác để kiểm soát việc xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu vì mục đích thương mại.

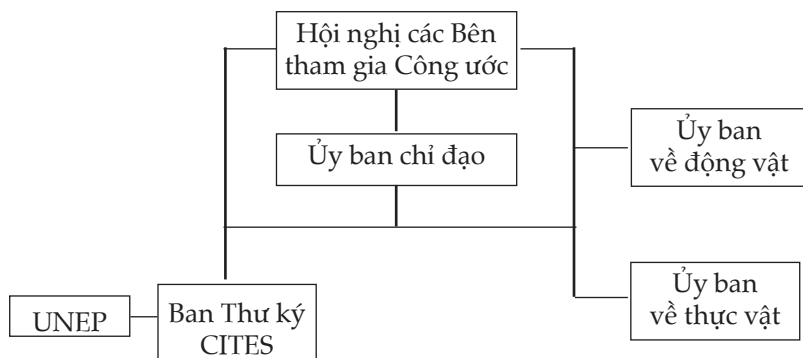
Các loài được liệt kê trong Phụ lục này không thuộc diện đe dọa tuyệt chủng trên toàn cầu. Theo Công ước, việc buôn bán những loài này cần có Giấy phép xuất khẩu do Cơ quan quản lý CITES nước xuất khẩu cấp (chỉ áp dụng với các nước thành viên liệt kê loài này vào Phụ lục III).

Một số loài tiêu biểu được liệt kê trong Phụ lục này như: rắn nước (Ấn Độ), các loài tắc kè thuộc giống Mokopirirakau (New Zealand), chim yếm hoa (Colombia), công Ấn Độ (Pakistan), cây vôi (Ấn Độ), linh dương Siberi (Pakistan), lười hai ngón (Costa Rica), cây hương châu Phi (Botswana); rùa cá sấu (Hoa Kỳ).

Về cơ chế thực thi, mỗi nước tham gia CITES phải thành lập một hoặc một vài cơ quan quản lý chuyên trách giám sát hệ thống cấp phép, và một vài cơ quan khoa học tư vấn cho các cơ quan chuyên trách về tác động của thương mại đối với các loài động vật hoang dã.

Công ước quy định các bên tham gia nếu có tranh chấp thì phải giải quyết thông qua thương lượng. Nếu thương lượng không có kết quả, hai bên có thể đưa tranh chấp ra Trọng tài quốc tế tại La Hay, Hà Lan. Phán quyết của trọng tài có giá trị ràng buộc các bên tranh chấp. Mặc dù vậy, cho đến nay vẫn chưa có tranh chấp nào về việc thực hiện CITES xảy ra.

Ban Thư ký CITES do Chương trình môi trường Liên hợp quốc (UNEP) quản lý đặt tại Geneva, Thụy Sĩ và có cơ cấu tổ chức như sơ đồ dưới đây:



Như vậy, thông qua việc xác định các loài động vật cần được bảo vệ và đặt ra các quy định cấm hoặc hạn chế buôn bán với các loài đó căn cứ vào tình trạng nguy cấp, CITES đã thiết lập một khung pháp lý quốc tế vững chắc và cụ thể để phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã. Dựa trên các quy định của CITES, các quốc gia và tổ chức quốc tế có thể xác định rõ những hành vi buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã, thiết lập các cơ chế quốc gia, quốc tế để phát hiện và xử lý những hành vi buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã. Vì vậy, CITES hiện đóng vai trò là nền tảng trong mạng lưới và thiết chế toàn cầu về phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã, trong đó có sự tham gia của nhiều tổ chức quốc tế như: Tổ chức Cảnh sát hình sự quốc tế (INTERPOL), Tổ chức Hải quan thế giới (WCO), Cơ quan Liên hợp quốc về ma túy và tội phạm (UNODC) và Ngân hàng Thế giới (WB). Các tổ chức này đã phối hợp thành lập Liên minh quốc tế về phòng, chống tội phạm xâm hại động vật, thực vật hoang dã (ICCWC). Bên cạnh đó, CITES cũng là nền tảng pháp lý cho hoạt động của một loạt định chế quốc tế khác trong lĩnh vực

này, cụ thể như: Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên (WWF), Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (International Union for Conservation of Nature and Natural Resources- IUCN), Tổ chức Bảo tồn Quốc tế (Conservation International-CI), Hiệp hội bảo tồn Động vật hoang dã (WCS), Hiệp hội Bảo vệ Động vật Thế giới (World Society for the Protection of Animals – WSPA), Tổ chức Động thực vật Thế giới (Fauna & Flora International - FFI), Quỹ quốc tế Bảo vệ động vật (International Fund for Animal Welfare - IFAW), Mạng lưới giám sát bảo tồn động vật hoang dã toàn cầu (Wildlife Trade Monitoring Network – TRAFFIC), Quỹ Freeland, Liên minh chống buôn bán động vật hoang dã (CAWT), Mạng lưới thi hành luật chống lại nạn buôn lậu động vật hoang dã của ASEAN (ASEAN Wildlife Law Enforcement Network - ASEAN-WEN), Mạng lưới thực thi Nam Á (SAWEN), Tổ chức Đấu tranh vì sự đối xử có đạo đức với động vật (People for the Ethical Treatment of Animal PETA), Tổ chức United for Wildlife, Ủy ban Công lý Động vật Hoang dã (Wildlife Justice Commission - WJC), Tổ chức Động vật châu Á (Animals Asia Foundation - AAF)...

3.1.1.2. Một số công ước quốc tế khác¹

Ngoài CITES, còn có một số điều ước quốc tế khác cũng có ý nghĩa phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật

¹ Bộ công cụ phân tích Tội phạm về động, thực vật hoang dã và vi phạm lâm luật, Báo cáo của Đoàn công tác UNODC tại Việt Nam, tại https://www.unodc.org/documents/southeastasiaandpacific/Publications/wildlife/Vietnam_Toolkit_Report_VN_-_final.pdf

hoang dã, thông qua việc bảo tồn môi trường sống của một số loài, cụ thể như sau:

Công ước về đa dạng sinh học (CBD): Công ước quy định hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng bền vững các thành tố của đa dạng sinh học; chia sẻ công bằng và bình đẳng những lợi ích từ việc sử dụng nguồn tài nguyên di truyền, bao gồm quyền tiếp cận các nguồn tài nguyên di truyền và chuyển giao công nghệ liên quan một cách hợp lý có xét đến tất cả những quyền đối với các nguồn tài nguyên và công nghệ đó.

Đặc biệt, Công ước quy định mỗi quốc gia thành viên, tùy theo điều kiện và khả năng của mình, xây dựng các chiến lược, kế hoạch và chương trình quốc gia về bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học; và xây dựng hoặc duy trì các văn bản pháp luật và/hoặc các quy định cần thiết để bảo vệ các loài và hệ sinh thái bị đe dọa.

Công ước về các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế đặc biệt là nơi cư trú của các loài chim nước (RAMSAR), 1971: RAMSAR yêu cầu mỗi bên tham gia phải cân nhắc trách nhiệm quốc tế của mình đối với hoạt động bảo tồn, quản lý và sử dụng hợp lý nguồn chim nước di cư, cả trong việc xác định đối tượng đưa vào Danh mục và khi thực hiện quyền thay đổi Danh mục vùng đất ngập nước trong phạm vi lãnh thổ của mình. Công ước này định nghĩa, chim nước là loài chim về mặt sinh thái phụ thuộc vào các vùng đất ngập nước.

Mặc dù mục đích ban đầu là nhấn mạnh vào việc bảo tồn các vùng đất ngập nước làm nơi sinh sống của các loài chim

nước, nhưng sau đó phạm vi của Công ước đã được mở rộng để quy định tất cả các khía cạnh liên quan đến hoạt động bảo tồn và sử dụng hợp lý (bền vững) các vùng đất ngập nước, thừa nhận các vùng đất ngập nước là những hệ sinh thái có vai trò thiết yếu đối với hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý nguồn nước và vì lợi ích của cả nhân loại và do đó thể hiện đầy đủ hơn, đúng với nội dung của Công ước ban đầu.

Hiệp định Gổ nhiệt đới quốc tế 2006¹: Mục đích của Hiệp định này là xúc tiến việc mở rộng và đa dạng hóa hoạt động buôn bán gổ được khai thác hợp pháp và bền vững từ các khu rừng nhiệt đới. Hiệp định đẩy mạnh công tác quản lý bền vững các khu rừng sản xuất gổ nhiệt đới, đặc biệt tạo ra khuôn khổ hiệu quả để tham vấn, hợp tác quốc tế và phát triển các chính sách kinh tế về gổ, đóng góp vào tiến trình phát triển bền vững, thúc đẩy việc mở rộng và đa dạng hóa hoạt động thương mại quốc tế gổ nhiệt đới khai thác từ các nguồn bền vững và nâng cao công tác quản lý rừng và hiệu quả sử dụng gổ. Như vậy, Hiệp định gián tiếp bảo vệ môi trường sống của rất nhiều loài động vật hoang dã, bởi các khu rừng nhiệt đới là nơi ở của một số lượng đặc biệt phong phú các loài động vật hoang dã.

Công ước về Bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, 1972: Theo Công ước này, mỗi quốc gia thành viên phải có các biện pháp hiệu quả và tích cực để bảo vệ, bảo tồn và giới thiệu

¹ Hiệp định này có hiệu lực đối với Việt Nam kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2014.

các di sản văn hóa và thiên nhiên trong phạm vi lãnh thổ của mình; và mỗi quốc gia thành viên phải nỗ lực tối đa và tùy theo điều kiện của từng quốc gia cần phải: Áp dụng một chính sách chung để công nhận di sản văn hóa và thiên nhiên có một vai trò nhất định trong đời sống cộng đồng và lồng ghép biện pháp bảo vệ di sản đó vào các chương trình quy hoạch tổng thể. Áp dụng các biện pháp pháp lý, khoa học, kỹ thuật, hành chính và tài chính phù hợp và cần thiết để xác định, bảo vệ, bảo tồn, giới thiệu và tôn tạo di sản đó. Như vậy, Công ước này cũng gián tiếp bảo vệ môi trường sống của nhiều loài động vật hoang dã, bởi các di sản văn hoá và thiên nhiên, đặc biệt là các di sản thiên nhiên, đồng thời cũng là nơi cư trú của một số lượng khá lớn các loài động vật hoang dã.

Công ước Chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên hợp quốc (UNTOC) 2000: Công ước này hiện là văn kiện quốc tế chủ yếu trong hoạt động chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Công ước yêu cầu các quốc gia thành viên áp dụng nhiều biện pháp chống lại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, bao gồm quy định các tội danh hình sự (đối với hành vi tham gia tổ chức tội phạm có tổ chức, tham nhũng và cản trở tư pháp); áp dụng các cơ chế mới và thông suốt đối với hoạt động dẫn độ, tương trợ tư pháp và hợp tác thực thi pháp luật; thúc đẩy hoạt động đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật nhằm xây dựng và nâng cao năng lực cần thiết cho các cơ quan nhà nước. Theo Công ước, mỗi quốc gia thành viên, nếu thích hợp, sẽ quy định trong pháp luật nước mình một khung thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự dài để truy cứu bất cứ hành vi

phạm tội nào được Công ước này điều chỉnh và một thời hạn lâu hơn nếu người bị tình nghi là tội phạm lẫn tránh việc thực thi công lý.

Công ước trên có ý nghĩa quan trọng đối với việc phòng, chống buôn bán động vật hoang dã, bởi lẽ hoạt động buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã thường mang tính chất xuyên quốc gia. Không chỉ vậy, Công ước này cũng có ý nghĩa quan trọng đối với việc phòng, chống tham nhũng với một số điều khoản (Điều 8 và 9) quy định cụ thể về trách nhiệm của các quốc gia thành viên trong việc ngăn ngừa, phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng của các viên chức nhà nước.

Hiệp định ASEAN về bảo tồn thiên nhiên và các nguồn tài nguyên thiên nhiên, 1985: Hiệp định yêu cầu các bên tham gia, trong khuôn khổ luật pháp nước mình, phải áp dụng một cách đơn phương hoặc tập thể, những biện pháp cần thiết để duy trì các quá trình sinh thái và hệ thống hỗ trợ sự sống nhằm bảo tồn đa dạng di truyền và đảm bảo việc sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên đã được khai thác trong phạm vi quyền tài phán của mình phù hợp với các nguyên tắc khoa học và với mục tiêu phát triển bền vững. Để đạt được mục tiêu đó, Hiệp định yêu cầu các quốc gia thành viên xây dựng các Chiến lược Bảo tồn Quốc gia và sẽ điều phối các chiến lược này trong khuôn khổ chiến lược bảo tồn của khu vực.

Hiệp định trên có ý nghĩa quan trọng đối với việc bảo tồn thiên nhiên – nơi sinh sống, trú ngụ của các loài động vật hoang dã. Bên cạnh đó, Hiệp định cũng có tác dụng ngăn ngừa những hoạt động buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã,

bởi lẽ bảo tồn tự nhiên chính là bảo vệ các loài thực, động vật hoang dã có trong tự nhiên.

Tất cả các điều ước quốc tế về môi trường nêu trên Việt Nam đều đã tham gia. Bên cạnh các điều ước quốc tế đó, còn một vài điều ước khác mà Việt Nam chưa tham gia, trong đó tiêu biểu như sau:

Công ước về các loài di cư (CMS), 1979: Mục tiêu của Công ước là bảo tồn các loài di cư sống trên cạn, dưới nước và chim di cư trong phạm vi hoạt động của các loài này. Điều II của CMS quy định các bên tham gia cần ghi nhận yêu cầu phải hành động để ngăn chặn bất kỳ loài di cư nào khỏi nguy cơ tuyệt chủng. Công ước cũng yêu cầu các bên tham gia phải nỗ lực áp dụng ngay những biện pháp bảo vệ đối với các loài di cư có nguy cơ tuyệt chủng và đưa các loài này vào Phụ lục I của CITES. Công ước có ý nghĩa quan trọng trong việc phòng ngừa các loài chim di cư (một dạng động vật hoang dã) khỏi bị săn bắn, buôn bán và bảo vệ môi trường sống an toàn của chúng.

Công ước về tiếp cận thông tin, sự tham gia của cộng đồng vào việc ra quyết định và tiếp cận công lý đối với các vấn đề về môi trường (Công ước Aarhus): Công ước yêu cầu các bên tham gia phải đảm bảo quyền tiếp cận thông tin, quyền tham gia của người dân vào hoạt động ra quyết định và quyền tiếp cận công lý đối với thông tin về các vấn đề môi trường. Thông tin môi trường phải được công bố ngay khi có thể và vào thời điểm sớm nhất trong thời hạn một tháng sau khi có yêu cầu, trừ khi khối lượng và tính chất phức tạp của thông tin đòi hỏi thời hạn này phải được kéo dài tối đa đến hai tháng sau thời điểm yêu cầu.

Người yêu cầu thông tin phải được thông báo về việc kéo dài thời gian này và lý do kéo dài thời gian. Mỗi bên tham gia, trong khuôn khổ luật pháp quốc gia, phải đảm bảo rằng tòa án hoặc một cơ quan độc lập và khách quan sẽ can thiệp trong trường hợp bất kỳ cá nhân nào nhận thấy một phần hoặc toàn bộ yêu cầu thông tin môi trường của cá nhân đó đã bị phớt lờ, bị khước từ vô lý hoặc không được giải đáp một cách hợp lý. Như vậy, Công ước có ý nghĩa quan trọng với việc bảo tồn động vật hoang dã và phòng, chống tình trạng buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã bởi khi người dân có quyền được tiếp cận thông tin và quyền ra quyết định về vấn đề môi trường thì chắc chắn tình trạng vi phạm môi trường – nơi sinh sống của các loài động vật hoang dã – sẽ được giảm thiểu.

3.1.2. Khung pháp luật Việt Nam liên quan đến phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã

3.1.2.1. Khái quát khung pháp luật liên quan đến phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã của Việt Nam¹

Việt Nam tham gia vào Công ước CITES từ năm 1994 và trở thành thành viên thứ 121/178 quốc gia thành viên của CITES. Theo đó, Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách, văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, trong đó gắn với vấn đề phòng, chống buôn bán động vật hoang dã, tiêu biểu như sau:

¹ Báo cáo về đánh giá một số tác động về môi trường, kinh tế và xã hội của các chính sách quốc gia về buôn bán động vật, thực vật hoang dã ở Việt Nam. CRES/FPD/UNEP/CITES/IUED, Hà Nội, Việt Nam, 2007.

Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 (ban hành theo Quyết định số 256/2003/QĐ-TTg ngày 02/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ) trong đó nhấn mạnh: “Kiểm soát chặt chẽ việc buôn bán các loài quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng cao; loại bỏ các phương thức khai thác hủy diệt, đặc biệt trong khai thác thủy sản; đẩy mạnh các biện pháp bảo tồn nội vi kết hợp với bảo tồn ngoại vi”.

Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (ban hành theo Quyết định số 1250/QĐ-TTg ngày 31/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ) trong đó đặt ra mục tiêu “Cải thiện về chất lượng và số lượng quần thể các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, bảo đảm: Không gia tăng số lượng loài bị tuyệt chủng, cải thiện đáng kể tình trạng một số loài nguy cấp, quý, hiếm, bị đe dọa tuyệt chủng”.

Kế hoạch hành động quốc gia về tăng cường kiểm soát buôn bán động vật, thực vật hoang dã đến năm 2010 (ban hành năm 2004), trong đó nhận định Việt Nam đang phải đối mặt với tình trạng khai thác, săn bắt, vận chuyển, buôn bán và sử dụng bất hợp pháp động vật hoang dã diễn ra rất nghiêm trọng trong nền kinh tế thị trường. Công tác kiểm soát buôn bán động vật hoang dã hiện chưa đạt được hiệu lực và hiệu quả mong muốn. Để khắc phục tình trạng đó, Kế hoạch hành động đưa ra mục tiêu chung là tăng cường hiệu lực và hiệu quả kiểm soát của các cơ quan chức năng để ngăn chặn nạn buôn bán bất hợp pháp động vật hoang dã, tiến tới quản lý bền vững và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên động vật hoang dã, góp phần thiết thực vào việc thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010.

Kế hoạch hành động quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, thực hiện Công ước Đa dạng sinh học và Nghị định thư Cartagena về an toàn sinh học (ban hành theo Quyết định số 79/2007/QĐ-TTg ngày 31/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ), cũng nhấn mạnh: “Xây dựng và phát triển mô hình sử dụng bền vững tài nguyên sinh vật; kiểm soát phòng ngừa, ngăn chặn và loại trừ việc khai thác, kinh doanh, tiêu thụ các động vật hoang dã quý, hiếm, nguy cấp... Nghiên cứu xây dựng quy trình gây nuôi sinh sản một số động vật có giá trị kinh tế ngoài danh mục các loài cần bảo tồn, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trên thị trường... Quy hoạch phát triển các cơ sở gây nuôi sinh sản và trồng cấy nhân tạo các loài động vật hoang dã gắn với bảo tồn các loài động vật đang có nguy cơ bị đe dọa”.

Đồng thời với việc ban hành các văn bản chính sách nêu trên, Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản pháp luật nhằm tăng cường công tác quản lý, bảo tồn động vật hoang dã. Hệ thống pháp luật Việt Nam về vấn đề này đã được ban hành từ trước khi Việt Nam tham gia CITES, có thể khái quát như sau:

Giai đoạn trước khi Việt Nam gia nhập CITES

Hệ thống văn bản pháp luật thời kỳ này chủ yếu tập trung vào mục tiêu quản lý, bảo vệ hoặc ngăn chặn việc săn bắt và buôn bán các loài động vật hoang dã mà chưa bao gồm nội dung khuyến khích, đầu tư cho việc gây nuôi, thuần dưỡng động vật hoang dã để trở thành nguồn hàng hóa sử dụng trong nước và xuất khẩu. Một số văn bản quan trọng nhất được ban hành trong thời kỳ này bao gồm:

- Nghị định số 39/CP ngày 5/4/1963 của Hội đồng Chính phủ ban hành “Điều lệ tạm thời về săn bắt chim, thú rừng”, trong đó quy định cấm săn bắt 19 loài chim thú; hạn chế săn bắt 4 loài thú; quy định các phương pháp và phương tiện cấm sử dụng để săn bắt và cấm săn bắt ở các khu bảo vệ thiên nhiên, những khu dự trữ chim, thú rừng và những nơi nuôi thú rừng.

- Pháp lệnh quy định việc bảo vệ rừng ngày 11/9/1972 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trong đó quy định: “Việc săn bắt chim muông, thú rừng với bất kỳ mục đích gì phải tuân theo luật lệ của Nhà nước về săn bắt chim muông thú rừng và phải được cơ quan lâm nghiệp từ cấp tỉnh trở lên cho phép” (Điều 9), “Hội đồng Chính phủ quy định những loài thực vật, động vật quý và hiếm trong rừng cần phải bảo vệ và chế độ bảo vệ các loài đó” (Điều 10).

- Quyết định số 276-QĐ ngày 2/6/1989 của Bộ Lâm nghiệp quy định việc quản lý, bảo vệ và xuất nhập khẩu động vật rừng, trong đó nghiêm cấm săn bắt và xuất khẩu 30 loài thú, 6 loài chim và 2 loài bò sát, đồng thời khuyến khích việc thành lập các trại nhân giống phục vụ xuất khẩu.

- Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 1991 trong đó quy định động vật rừng là một thành phần của rừng, đồng thời nêu rõ: “Việc khai thác các loại thực vật rừng, săn bắt động vật rừng phải tuân theo quy định của Nhà nước về quản lý bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng. Những loại động vật rừng, thực vật rừng quý hiếm phải được quản lý bảo vệ theo chế độ đặc biệt...”, “Việc xuất nhập khẩu thực vật rừng, động vật rừng

phải được Bộ Lâm nghiệp cho phép. Việc nhập nội giống thực vật rừng, động vật rừng phải đảm bảo những nguyên tắc sinh học và những quy định về kiểm dịch quốc gia, không hại đến hệ sinh thái và phải được Bộ Lâm nghiệp cho phép”.

- Nghị định số 18-HĐBT ngày 17/1/1992 của Hội đồng Bộ trưởng quy định danh mục thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm và chế độ quản lý, bảo vệ thuộc 2 nhóm (nhóm I và II). Nghị định lần đầu tiên nêu định nghĩa và danh mục cụ thể các loài quý, hiếm cũng như cơ chế quản lý hoạt động khai thác, buôn bán chúng.

Giai đoạn từ khi Việt Nam tham gia CITES đến nay

Hệ thống văn bản pháp luật thời kỳ này mở rộng đến việc gây nuôi, sinh sản các loài động vật hoang dã, đồng thời tăng cường quản lý và định hướng hoạt động khai thác và buôn bán động vật hoang dã, đặc biệt là buôn bán quốc tế. Những văn bản quan trọng bao gồm:

- Nghị định số 11/1999/NĐ-CP ngày 3/3/1999 của Chính phủ về hàng hóa cấm lưu thông, dịch vụ thương mại cấm thực hiện; hàng hóa, dịch vụ thương mại hạn chế kinh doanh hoặc kinh doanh có điều kiện, trong đó có vật phẩm động vật hoang dã.

- Nghị định số 11/2002/NĐ-CP ngày 22/1/2002 của Chính phủ về việc quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và quá cảnh các loài động vật, thực vật hoang dã.

- Nghị định số 48/2002/NĐ-CP ngày 22/4/2002 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung danh mục thực vật, động vật hoang dã

quý hiếm ban hành theo Nghị định 18/HĐBT ngày 17/01/1992 của Hội đồng Bộ trưởng quy định danh mục thực vật, động vật hoang dã quý hiếm và chế độ quản lý, bảo vệ.

- Luật Bảo vệ và Phát triển rừng 2004, trong đó quy định những hành vi săn, bắn, bắt, bẫy, nuôi, nhốt, giết mổ động vật rừng trái pháp luật bị nghiêm cấm. Đồng thời, Luật cũng quy định việc khai thác, động vật rừng phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tuân theo các quy định của pháp luật về bảo tồn động vật hoang dã. Hoạt động kinh doanh, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, quá cảnh thực vật rừng, động vật rừng phải tuân theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

- Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ về quản lý động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm (thay thế hai Nghị định 18-HĐBT và 48/2002/NĐ-CP).

- Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 10/8/2006 của Chính phủ về quản lý hoạt động xuất nhập khẩu, nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cấy nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm.

- Luật Đa dạng sinh học 2008, trong đó dành riêng một Chương IV với 18 điều quy định về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật. Theo Luật, các loài động vật hoang dã sẽ được xem xét đưa vào Danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ nhằm bảo vệ những vật nuôi đặc hữu hoặc có giá trị đang bị đe dọa tuyệt chủng, quy định loài hoang dã

bị cấm khai thác và loài hoang dã được khai thác có điều kiện trong tự nhiên. Luật cũng quy định về khu bảo tồn, phân cấp khu bảo tồn và những hành vi bị cấm trong khu bảo tồn.

- Thông tư số 90/2008/TT-BNN ngày 28/8/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc xử lý tang vật là động vật rừng sau khi xử lý tịch thu đã là công cụ pháp lý quan trọng để thực hiện quản lý, bảo vệ động vật rừng. Tuy nhiên trong văn bản này vẫn chưa có quy định về các biện pháp xử lý, quản lý động vật rừng, bộ phận cơ thể, sản phẩm từ động vật rừng từ khi bị tạm giữ, tịch thu đến khi có quyết định của người có thẩm quyền về xử lý hành chính hoặc hình sự.

- BLHS năm 1999 quy định về tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm (Điều 190). BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), sửa đổi thành Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Theo đó, các hành vi săn bắt, nuôi, nhốt, giết, vận chuyển, buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc vận chuyển, buôn bán trái pháp luật sản phẩm, bộ phận cơ thể của loại động vật đó có thể bị phạt lên tới 7 năm tù giam.

- Nghị định số 103/2013/NĐ-CP ngày 12/9/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản, trong đó quy định mức xử phạt vi phạm hành chính đối với mọi hành vi khai thác, mua bán, thu gom, nuôi, lưu giữ, sơ chế, chế biến, vận chuyển các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng lớn, có thứ hạng sẽ nguy cấp hoặc

hành vi thu gom, sơ chế, bảo quản, vận chuyển các loài thủy sản trong danh mục cấm khai thác lên tới 100 triệu đồng đối với cá nhân hoặc 200 triệu đồng đối với pháp nhân. Bên cạnh đó, các loài thủy sinh bị thu giữ phải được thả về môi trường tự nhiên (nếu còn sống) hoặc chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền (nếu đã chết).

- Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Theo đó, loài được đưa vào Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ nếu: (i) Số lượng cá thể còn ít hoặc đang bị đe dọa tuyệt chủng và (ii) Là loài đặc hữu có một trong các giá trị đặc biệt về khoa học, y tế, kinh tế, sinh thái, cảnh quan, môi trường và văn hóa – lịch sử. Nghị định cũng quy định nguyên tắc bảo tồn các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và cơ chế chặt chẽ để quản lý việc khai thác; trao đổi, mua bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật; nuôi trồng và cứu hộ loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ.

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 quy định các hành vi bị nghiêm cấm, trong đó bao gồm “Khai thác, kinh doanh, tiêu thụ các loài thực vật, động vật hoang dã thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định” (Điều 7). Luật cũng quy định trách nhiệm, vai trò của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong các vấn đề liên quan đến bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng,

phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản (trong đó có động vật hoang dã), được sửa đổi bởi Nghị định số 40/2015/NĐ-CP và Nghị định số 41/2017/NĐ-CP.

- Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp (thay thế Nghị định số 157/2013/NĐ-CP nêu trên). Theo Nghị định, căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà các hành vi săn bắt, bắn, giết, nuôi, nhốt, lấy dẫn xuất từ động vật rừng; vận chuyển lâm sản (trong đó có động vật hoang dã) trái pháp luật hoặc mua, bán, cất giữ, chế biến, kinh doanh lâm sản không có hồ sơ hợp pháp hoặc có hồ sơ hợp pháp nhưng lâm sản không đúng nội dung hồ sơ ... sẽ bị xử phạt đến 500 triệu đồng đối với cá nhân và 1 tỷ đồng đối với tổ chức.

- Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (thay thế cho Nghị định số 179/2013/NĐ-CP), trong đó quy định các hình thức xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi khai thác trái pháp luật động vật hoang dã trong khu vực cấm và hành vi vi phạm quy định về quản lý cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.

- Luật Lâm nghiệp 2017 nghiêm cấm mọi hành vi săn, bắt, nuôi, nhốt, giết, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán động vật rừng, thu thập mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng trái pháp luật.

- BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định các hành vi vi phạm liên quan đến bảo vệ động vật hoang dã và

động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm có thể bị phạt tù lên đến 15 năm hoặc 5 tỷ đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 15 tỷ đồng, đình chỉ hoạt động từ 6 tháng đến 3 năm hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn đối với pháp nhân.

- Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP ngày 05/11/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 234 về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, Điều 244 về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của BLHS, trong đó Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số tình tiết định tội, định khung hình phạt và xử lý vật chứng.

- Thông tư số 04/2017/TT-BNNPTNT ngày 24/2/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; được thay thế bởi Thông báo số 296/TB-CTVN-HTQT ngày 27/11/2019 của Cơ quan quản lý CITES Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung Phụ lục CITES.

- Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

- Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (thay thế và hợp nhất Nghị định số 32/2006/NĐ-CP và Nghị định số 82/2006/NĐ-CP). Nghị

định này quy định Danh mục các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; chế độ quản lý, bảo vệ, trình tự, thủ tục khai thác các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật rừng thông thường; thực thi CITES tại Việt Nam.

- Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 thay thế Điều 7 của Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

- Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định xử lý động vật rừng là tang vật, vật chứng; động vật rừng do tổ chức, cá nhân tự nguyện giao nộp Nhà nước.

Từ những phân tích ở trên, có thể thấy khung pháp luật Việt Nam về phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã khá toàn diện, bao gồm nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành, đề cập đến nhiều vấn đề khác nhau.

3.1.2.2. Xử lý hành chính và hình sự những hành vi buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã trong pháp luật hiện hành của Việt Nam

Xử lý hành chính và hình sự là những hình thức chế tài nghiêm khắc với hành vi pháp luật trên mọi lĩnh vực, trong đó có vi phạm pháp luật về buôn bán động vật hoang dã. Trong những năm gần đây, những quy định về xử lý hành chính và hình sự với vi phạm pháp luật về buôn bán động vật hoang dã liên tục được củng cố, cho thấy quyết tâm và sự nghiêm khắc

ngày càng cao của Nhà nước Việt Nam trong công tác phòng, chống buôn bán động vật hoang dã.

(1) Xử lý hành chính¹

Ngoài các văn bản kể trên, việc xử lý hành chính phải căn cứ một số văn bản trực tiếp sau:

- Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;
- Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;
- Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp;
- Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 42/2019/NĐ-CP ngày 16/5/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản;

¹ Bạch Ngọc Bảo Quang, *Hướng dẫn xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã*, tại <https://snnptnt.thuathienhue.gov.vn/?gd=7&cn=210&tc=21968>

- Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo.

Một số hành vi vi phạm phổ biến và mức xử phạt hành chính như sau:

a) Quảng cáo để kinh doanh động vật hoang dã, bộ phận, sản phẩm động vật hoang dã trái quy định của pháp luật

Tùy vào tính chất, hành vi này có thể bị xử phạt như sau:

- Nếu quảng cáo các loài thuộc: Danh mục loài ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP; Nhóm IB tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP; Nhóm I tại Nghị định số 26/2019/NĐ-CP và Phụ lục I CITES thì xử phạt theo điểm a khoản 2 Điều 50 của Nghị định số 158/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 28/2017/NĐ-CP (mức phạt từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng).

- Nếu quảng cáo các loài thuộc: Nhóm IIB tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP; Phụ lục II CITES; động vật rừng thông thường và sản phẩm của chúng thì xử phạt theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 16 của Nghị định số 35/2019/NĐ-CP (mức phạt từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng).

b) Săn bắt, giết, nuôi, nhốt động vật rừng trái quy định của pháp luật

Hành vi này bị xử phạt theo quy định tại Điều 21 của Nghị định số 35/2019/NĐ-CP (mức phạt từ 5.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng; tịch thu tang vật, dụng cụ, công cụ, phương tiện vi phạm hành chính; buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh; buộc tiêu

hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường).

c) Vận chuyển lâm sản trái pháp luật (đối với động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng)

Hành vi này bị xử phạt theo quy định tại Điều 22 của Nghị định số 35/2019/NĐ-CP (mức phạt từ 5.000.000 đồng đến 360.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh; buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường; buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính).

d) Tàng trữ, mua bán, chế biến lâm sản trái pháp luật (đối với động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng)

Hành vi này bị xử phạt theo quy định tại Điều 23 của Nghị định số 35/2019/NĐ-CP (mức phạt từ 5.000.000 đồng đến 360.000.000 đồng; tịch thu tang vật; buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh; buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường; buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính).

đ) Vi phạm quy định về quản lý hồ sơ lâm sản trong vận chuyển, mua bán, cất giữ, chế biến lâm sản

Hành vi này bị xử phạt theo quy định tại Điều 24 của Nghị định số 35/2019/NĐ-CP (mức phạt từ 500.000 đồng đến 10.000.000 đồng).

e) Vi phạm quy định về quản lý các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm

Tùy vào tính chất, hành vi này có thể bị xử phạt như sau:

- Đối với hành vi khai thác trái phép loài thủy sản không đảm bảo điều kiện theo quy định thuộc Nhóm II của Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Nghị định số 42/2019/NĐ-CP (mức phạt từ 3.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng; tước quyền sử dụng Giấy phép khai thác thủy sản từ 03 tháng đến 06 tháng; buộc thả thủy sản còn sống trở lại môi trường sống của chúng, chuyển giao thủy sản nguy cấp, quý, hiếm đã chết cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý; buộc thả bổ sung thủy sản nguy cấp, quý, hiếm theo quy định).

- Đối với hành vi khai thác trái phép loài thủy sản thuộc Nhóm I của Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì xử phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Nghị định số 42/2019/NĐ-CP (mức phạt từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng; tước quyền sử dụng Giấy phép khai thác thủy sản từ 03 tháng đến 06 tháng; buộc thả thủy sản còn sống trở lại môi trường sống của chúng, chuyển giao thủy sản nguy cấp, quý, hiếm đã chết cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý; buộc thả bổ sung thủy sản nguy cấp, quý, hiếm theo quy định).

g) Vi phạm quy định về sử dụng điện để khai thác thủy sản (đối với trường hợp không sử dụng tàu cá)

Hành vi này bị xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Nghị định số 42/2019/NĐ-CP (mức phạt từ 3.000.000 đồng

đến 5.000.000 đồng; tịch thu công cụ kích điện, máy phát điện, ngư cụ).

h) Vi phạm quy định về thu gom, mua bán, lưu giữ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển thủy sản

Tùy vào tính chất, hành vi này có thể bị xử phạt như sau:

- Đối với hành vi thu gom, mua bán, lưu giữ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển trái phép loài thủy sản có tên trong Nhóm II tại Nghị định 26/2019/NĐ-CP mà không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định hoặc loài thủy sản, sản phẩm thủy sản và bộ phận của loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có tên trong Phụ lục II CITES không rõ nguồn gốc, xuất xứ mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 41 của Nghị định số 42/2019/NĐ-CP (mức phạt từ 10.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng; tịch thu tang vật vi phạm).

- Đối với hành vi thu gom, mua bán, lưu giữ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển trái phép thủy sản, sản phẩm thủy sản và bộ phận của loài thủy sản có tên trong Nhóm I tại Nghị định 26/2019/NĐ-CP hoặc loài thủy sản, sản phẩm thủy sản và bộ phận của loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có tên trong Phụ lục I CITES không rõ nguồn gốc, xuất xứ mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 41 của Nghị định số 42/2019/NĐ-CP (mức phạt từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng; tịch thu tang vật vi phạm).

- Đối với hành vi thu gom, mua bán, sơ chế, bảo quản, vận chuyển thủy sản không rõ nguồn gốc, xuất xứ theo quy định của pháp luật thì bị xử phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 41 của Nghị định 42/2019/NĐ-CP (mức phạt từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng).

i) Vi phạm các quy định về quản lý cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học

Hành vi này bị xử phạt theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2016/NĐ-CP (phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 500.000 đồng đến 10.000.000 đồng; tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học từ 03 tháng đến 06 tháng hoặc tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính).

(2) Xử lý hình sự

Việc xử lý hình sự đối với các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã và động vật nguy cấp, quý hiếm căn cứ nội dung của các điều luật trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), gồm:

- Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã (Điều 234);

- Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (Điều 244);

Trước đây, trong BLHS năm 1985 đầu tiên, hành vi vi phạm quy định về bảo tồn động vật hoang dã chỉ được quy định chung với hành vi bảo vệ rừng. Đến BLHS năm 1999 đã tách riêng Điều 190 về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm. BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung

năm 2009) sửa đổi thành Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ quy định tại Điều 190; và đến BLHS năm 2015 đã tách thành hai điều luật là Điều 234 và Điều 244.

- Những điểm mới của Điều 244 bao gồm:

+ Sửa đổi, bổ sung 03 nhóm hành vi khách quan, cụ thể như sau: Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán một số lượng cá thể sống nhất định (điểm c khoản 1); Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép một số lượng cá thể sống nhất định (điểm d, khoản 1). Dưới mức định lượng theo quy định trên nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi này, hoặc đã bị kết án về tội này mà còn vi phạm (điểm đ khoản 1).

+ Bổ sung nhóm hành vi phạm tội tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép sừng tê giác và ngà voi, theo đó hành vi tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép ngà voi, sừng tê giác thuộc một trong các trường hợp sau đây sẽ bị xử lý hình sự: Sừng tê giác từ 50 gram đến dưới 01 kg; Ngà voi từ 02 kg đến dưới 20 kg; Dưới mức định lượng nêu trên nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi hoặc đã bị kết án về tội này nhưng chưa được xóa án tích mà còn phạm tội.

+ Hình sự hóa hành vi tàng trữ cá thể (đã chết), bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, loài quy định tại nhóm IB và Phụ lục I CITES (điểm b, điểm d, khoản 1 Điều 244). Đây là điểm bổ sung mới hoàn toàn so với BLHS 1999 nhằm bảo đảm xử lý

triệt để hơn các hành vi phạm tội và phù hợp hơn với những yêu cầu đấu tranh chống buôn bán trái phép động vật hoang dã trong thực tiễn.

+ Bổ sung 01 khung tăng nặng trách nhiệm hình sự, đồng thời cụ thể hóa các tình tiết định tính “gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng”, quy định cụ thể số lượng cá thể, trọng lượng bộ phận cơ thể một số loài phù hợp với từng khung hình phạt. Đặc biệt tại khoản 2 Điều 244 đã bổ sung tình tiết tăng nặng “buôn bán, vận chuyển qua biên giới” để khắc phục tình trạng xảy ra trong thực tiễn xử lý loại tội này đó là cùng một hành vi phạm tội buôn bán, vận chuyển động vật hoang dã qua biên giới nhưng lại áp dụng các quy định khác nhau để xử lý.

+ Nâng mức hình phạt tiền đối với người thực hiện hành vi vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm tại khung cơ bản từ 500 triệu đồng đến 02 tỷ đồng, tăng mức phạt tù từ 03 năm lên 05 năm (khoản 1 Điều 244); nâng mức cao nhất của hình phạt tù từ 07 năm (khoản 2 Điều 190 BLHS năm 1999) lên 15 năm (khoản 3 Điều 244 BLHS năm 2015) nhằm bảo đảm chính sách xử lý phù hợp với tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và tình hình thực tiễn. Như vậy, theo BLHS 2015, Tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm đã được điều chỉnh từ tội phạm nghiêm trọng thành tội phạm rất nghiêm trọng.

+ Bổ sung trách nhiệm hình sự của pháp nhân thực hiện tội phạm về vi phạm quy định về quản lý, bảo tồn động vật hoang dã nhằm đáp ứng với tình hình thực tiễn trong đấu

tranh chống buôn bán trái phép động vật hoang dã với đối tượng vi phạm không chỉ là những cá nhân mà còn là một tổ chức kinh tế, doanh nghiệp v.v... Theo quy định, pháp nhân vi phạm quy định tại điều luật sẽ bị phạt tiền từ 1 tỷ đồng đến 15 tỷ đồng (hình phạt chính); bên cạnh đó pháp nhân có thể bị áp dụng các hình phạt bổ sung gồm hình phạt tiền từ 300 triệu đồng đến 600 triệu đồng (trong trường hợp không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính), cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định, hoặc cấm huy động vốn từ 1 đến 3 năm.

- Về Điều 234: Đây là một tội danh mới, độc lập, được bổ sung vào BLHS năm 2015 để tăng cường bảo vệ môi trường sinh thái, nâng cao khả năng phòng ngừa vi phạm. Nhóm hành vi phạm tội quy định tại Điều luật này cũng tương tự như nhóm hành vi quy định tại Điều 244, tuy nhiên khác với Điều 244 quy định tình tiết định tội, định khung hình phạt là số lượng cá thể, bộ phận cơ thể động vật hoang dã, quý, hiếm, Điều 234 căn cứ vào giá trị hàng phạm pháp làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự, định khung hình phạt.

So với Điều 190 BLHS năm 1999, Điều 234 BLHS năm 2015 quy định chi tiết hơn, rõ ràng hơn; đã lượng hóa các trường hợp phạm tội, tạo thuận lợi cho việc áp dụng pháp luật trong điều tra, truy tố, xét xử như: Quy định trị giá và số lượng động vật hoang dã; động vật nguy cấp, quý, hiếm hoặc sản phẩm của loài động vật; bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống cùng loại của động vật làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự.

Dưới đây khái quát nội dung các Điều 244 và 234 BLHS năm 2015:

Điều 244. Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ¹

Như đã đề cập, Điều luật này được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở quy định tại Điều 190 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Trong thực tiễn, việc xử lý các hành vi quy định tại Điều 190 BLHS năm 1999 về các hành vi “vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ” gặp khó khăn do điều luật chỉ quy định xử lý hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo danh mục của Nhà nước ta mà không đề cập đến danh mục động vật nguy cấp, quý hiếm thuộc Nhóm IB hoặc thuộc Phụ lục I của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, nên lâu nay những hành vi buôn bán, vận chuyển mẫu vật các loài nguy cấp quý hiếm từ nước ngoài về Việt Nam thuộc Phụ lục I của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (chủ yếu là ngà voi, sừng tê giác) không xử lý được theo Điều 190 BLHS năm 1999 mà tùy theo từng trường hợp được xử lý theo các điều (Điều 153 - Tội buôn lậu, Điều 154 - Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới, Điều 155 - Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm) và cũng rất

¹ Xem: <https://luathoangsa.vn/toi-vi-pham-quy-dinh-ve-bao-ve-dong-vat-nguy-cap-quy-hiem-dieu-244-nd60388.html>

khó xử lý vì các điều luật này đều có quy định các tình tiết định khung “số lượng lớn, số lượng rất lớn, số lượng đặc biệt lớn” mà không có hướng dẫn mức cụ thể.

Để khắc phục bất cập nói trên, điều luật đã bổ sung đối tượng được bảo vệ là “động vật nguy cấp, quý hiếm thuộc Nhóm IB hoặc thuộc Phụ lục I của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp” và quy định khối lượng mẫu vật hoặc số lượng cá thể từng nhóm, loài theo 3 khoản cụ thể, kể cả ngà voi và sừng tê giác. Đồng thời bổ sung các tình tiết tại khung tăng nặng “buôn bán, vận chuyển qua biên giới”, “tái phạm nguy hiểm” nhằm điều chỉnh và xử lý nghiêm các trường hợp phạm tội. Ngoài ra, Điều luật cũng quy định xử lý hình sự đối với một số trường hợp đã bị xử lý vi phạm hành chính hoặc đã bị kết án chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; bổ các tình tiết quy định chung chung trước đây là “gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng”.

Hình phạt tù quy định tại khoản 3 được quy định từ 10 năm đến 15 năm (so với mức phạt tù tối đa là 7 năm quy định tại Điều 190 BLHS năm 1999). Như vậy, về chính sách xử lý đã có sự điều chỉnh thể hiện thái độ xử lý nghiêm khắc hơn của Nhà nước đối với loại tội này.

Điều luật bổ sung quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại phạm tội với hình phạt chính là phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 15.000.000.000 đồng, đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. Ngoài ra, pháp nhân còn có thể bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng, cấm kinh doanh,

cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

Các yếu tố cấu thành tội phạm của điều luật này như sau:

- Chủ thể của tội phạm: Chủ thể của tội phạm này là cá nhân đủ 16 tuổi trở lên có năng lực trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, dấu hiệu nhân thân “đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm” được xác định là một trong những dấu hiệu cấu thành tội phạm trong trường hợp “Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật hoặc tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật có số lượng dưới mức quy định tại các điểm c, d và đ” khoản 1 của Điều 244. Thêm vào đó, pháp nhân thương mại cũng phải chịu trách nhiệm hình sự về tội này.

- Khách thể của tội phạm: Tội phạm này nằm trong nhóm tội xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm, xâm phạm nghiêm trọng đến môi trường sinh thái, gây ra những hậu quả nghiêm trọng khác cho đời sống xã hội.

Đối tượng tác động của tội phạm này là các loại động vật nguy cấp, quý, hiếm thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; động vật nguy cấp, quý hiếm thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

- Mặt khách quan của tội phạm: Những hành vi sau được coi là dấu hiệu định tội của tội phạm này: săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật quy định tại điểm a khoản này; Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp mà không thuộc loài quy định tại điểm a khoản này với số lượng từ 03 cá thể đến 07 cá thể lớp thú, từ 07 cá thể đến 10 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 10 cá thể đến 15 cá thể động vật lớp khác; Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 03 cá thể đến 07 cá thể lớp thú, từ 07 cá thể đến 10 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 10 cá thể đến 15 cá thể động vật lớp khác quy định tại điểm d khoản này; Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật hoặc tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật có số lượng dưới mức quy định tại các điểm c, d và đ khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc đối với tội phạm này. Tuy nhiên, so với BLHS năm 1999, ở BLHS năm 2015, nhà

làm luật đã quy định thêm dấu hiệu khách quan khác là dấu hiệu bắt buộc. Các dấu hiệu đó là các quy định về quản lý, bảo vệ động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ nói chung, quy định về thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm thuộc Nhóm IB hoặc thuộc Phụ lục I của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

- Mặt chủ quan của tội phạm: Người thực hiện hành vi phạm tội này có lỗi cố ý. Nếu vì một lý do nào đó mà họ hoàn toàn không biết hoặc không buộc họ phải biết đó là động vật hoang dã quý hiếm thì không bị coi là cố ý và không bị coi là phạm tội này. Nếu không biết hoặc không buộc phải biết thì tùy trường hợp cụ thể, họ có thể chỉ bị xử phạt hành chính.

- Hình phạt: Đối với cá nhân, khung cơ bản với tội phạm này là phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Khung tăng nặng thứ nhất: phạt tù từ 05 năm đến 10 năm. Khung tăng nặng thứ hai: phạt tù từ 10 năm đến 15 năm. Người phạm tội còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Đối với pháp nhân thương mại, khung cơ bản là phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng; khung tăng nặng thứ nhất là phạt tiền từ 5.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng; khung tăng nặng thứ hai là phạt tiền từ 10.000.000.000 đồng đến 15.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm; khung tăng nặng thứ ba: bị đình

chỉ hoạt động vĩnh viễn. Pháp nhân thương mại còn có thể chịu hình phạt bổ sung từ 300.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

- Các tình tiết tăng nặng của tội phạm này bao gồm:

+ Số lượng động vật hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 03 cá thể đến 07 cá thể lớp thú, từ 07 cá thể đến 10 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 10 cá thể đến 15 cá thể động vật lớp khác quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

+ Số lượng động vật hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 08 cá thể đến 11 cá thể lớp thú, từ 11 cá thể đến 15 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 16 cá thể đến 20 cá thể động vật lớp khác quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

+ Từ 01 cá thể đến 02 cá thể voi, tê giác hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 01 cá thể đến 02 cá thể voi, tê giác; từ 03 cá thể đến 05 cá thể gấu, hổ hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 03 cá thể đến 05 cá thể gấu, hổ;

+ Ngà voi có khối lượng từ 20 kg đến dưới 90 kg; sừng tê giác có khối lượng từ 01 kg đến dưới 09 kg;

+ Có tổ chức;

+ Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;

+ Sử dụng công cụ hoặc phương tiện săn bắt bị cấm;

+ Săn bắt trong khu vực bị cấm hoặc vào thời gian bị cấm;

- + Buôn bán, vận chuyển qua biên giới;
- + Tái phạm nguy hiểm.
- + Pháp nhân thương mại vi phạm Điều 79 BLHS 2015 sửa đổi.

Điều 234. Tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã¹

Những dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội phạm này như sau:

- Chủ thể của tội phạm: Chủ thể của tội phạm này không chỉ có thể nhân (người phạm tội), mà có cả pháp nhân thương mại. Với cá nhân, theo quy định của Điều 12 BLHS năm 2015, chỉ những người đủ 16 tuổi trở lên mới là chủ thể của tội phạm, còn đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm này. Ngoài các yếu tố về tuổi, người phạm tội này phải thỏa mãn các điều kiện về năng lực trách nhiệm hình sự như: Không mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi. Đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 234 BLHS năm 2015 thì mới cần xác định người phạm tội đã bị xử phạt vi phạm hành chính hay chưa, còn các điểm khác quy định tại khoản 1 của Điều luật không cần xác định người phạm tội đã bị xử phạt hành chính.

¹ Xem: Đinh Văn Quế, “Bình luận tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã”, Tạp chí *Kiểm sát*, số 08/2019. Cũng xem: Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, Tài liệu tập huấn Bộ luật Hình sự năm 2015, tr.127.

Theo quy định tại Điều 75 BLHS năm 2015, pháp nhân thương mại chỉ là chủ thể của tội phạm này khi hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại; vì lợi ích của pháp nhân thương mại; có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 BLHS năm 2015. Pháp nhân thương mại đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo điểm c khoản 1 Điều 234 BLHS năm 2015 là trước đó đã bị xử phạt hành chính về một trong những hành vi quy định tại Điều 234, nhưng chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử phạt hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính mà lại thực hiện một trong các hành vi quy định tại Điều 234.

Cụ thể, cá nhân và pháp nhân thương mại có thể bị truy tố về tội này nếu có các hành vi mà không thuộc trường hợp quy định tại Điều 242 và Điều 244 của BLHS năm 2015, bao gồm:

+ Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc thuộc Phụ lục II của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp có giá trị từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng; động vật hoang dã thông thường khác có giá trị từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng;

+ Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của loài động vật nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc thuộc Phụ lục II của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp có giá trị từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng

hoặc của động vật hoang dã thông thường khác có giá trị từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng;

+ Phạm tội trong trường hợp động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật có giá trị dưới mức quy định tại điểm a và điểm b khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

- Khách thể của tội phạm: Tội phạm xâm phạm đến hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ động vật hoang dã. Gây tổn hại đến môi trường sinh thái, ảnh hưởng xấu đến việc bảo tồn, duy trì sự tồn tại của các loài động vật hoang dã.

Đối tượng tác động của tội phạm này là các loại động vật hoang dã thông thường; động vật nguy cấp, quý hiếm thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc Phụ lục II và Phụ lục III Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP (Nghị quyết số 05/2018) ngày 05/11/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 234 về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã và Điều 244 về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của BLHS, động vật hoang dã khác quy định tại Điều 234 BLHS năm 2015 là các loài động vật rừng thông thường theo quy định của pháp luật và động vật hoang dã, nguy cấp thuộc Phụ lục III Công ước CITES, trong đó: Cá thể là một cơ

thể động vật còn sống hoặc đã chết. Cũng được coi là cá thể đối với cơ thể động vật đã chết mà thiếu một hoặc một số bộ phận cơ thể. Ví dụ: Cá thể tắc kè đã chết thiếu nội tạng hoặc cá thể hổ đã chết thiếu chân. Bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống là những bộ phận thực hiện các chức năng chuyên biệt của cơ thể động vật, ngay khi tách rời những bộ phận này khỏi cơ thể sống của động vật thì động vật đó chết. Ví dụ: đầu, tim, bộ da, bộ xương, buồng gan... Sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm là các loại sản phẩm có nguồn gốc từ động vật. Ví dụ: thịt, trứng, sữa, tinh dịch, phôi động vật, huyết, nội tạng, da, lông, xương, sừng, ngà, chân, móng...; động vật thủy sản đã qua sơ chế, chế biến ở dạng nguyên con; vật phẩm có thành phần từ các bộ phận của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm đã qua chế biến. Ví dụ: cao nấu từ xương động vật hoang dã; túi xách, ví, dây thắt lưng làm từ da động vật hoang dã.

- Mặt khách quan của tội phạm: Theo quy định của Điều 234 BLHS năm 2015, người phạm tội có thể thực hiện một hoặc một số hành vi khách quan sau: săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm thuộc Nhóm IIB hoặc Phụ lục II Công ước CITES hoặc tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật hoang dã thuộc Danh mục nêu trên.

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 05/2018, hành vi chiếm đoạt cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật hoang

dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm là trường hợp người hoặc pháp nhân thương mại thực hiện hành vi chiếm đoạt cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm của người khác, nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì tùy từng trường hợp cụ thể mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm chiếm đoạt tương ứng quy định tại Chương các tội xâm phạm sở hữu của BLHS. Hành vi tàng trữ trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm kể từ 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì tùy từng trường hợp cụ thể mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 234 BLHS năm 2015. Đối với hành vi tàng trữ cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm có từ trước ngày 01/01/2018 thì không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp tàng trữ cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm nhằm mục đích buôn bán, thu lợi bất chính. Tuy nhiên, trường hợp trong cùng một vụ án, nếu thu giữ được nhiều loài động vật hoang dã thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc Phụ lục II Công ước CITES nếu chưa đủ trị giá theo từng lớp quy định tại Điều 234 BLHS năm 2015 thì chưa có hướng dẫn cụ thể (Nghị quyết số 05/2018 cũng chỉ hướng dẫn trường hợp này theo Điều 244).

- Hậu quả của tội phạm: Hậu quả của hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật; tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm thuộc Nhóm IIB hoặc Phụ lục II Công ước CITES là những thiệt hại về vật chất và phi vật chất. Những thiệt hại về vật chất Điều luật đã quy định trường hợp nào thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự, còn thiệt hại phi vật chất thì Điều luật không quy định mà cơ quan tiến hành tố tụng sẽ phải xác định. Để xác định thiệt hại về vật chất theo quy định tại các khoản của Điều luật, cơ quan tiến hành tố tụng cần trưng cầu giám định, không được căn cứ vào trị giá hàng phạm pháp vào thời điểm xâm phạm hay theo giá thị trường của từng địa phương hoặc trị giá hàng phạm pháp của người phạm tội hoặc pháp nhân thương mại mua bán.

- Mặt chủ quan của tội phạm: Người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã phải là do cố ý. Nếu có căn cứ cho rằng, người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã là do vô ý, thì tùy trường hợp người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại Điều 360 BLHS năm 2015. Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã có nhiều động cơ, mục đích khác nhau, tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể nhưng chủ yếu là vì lợi nhuận. Ngoài ra, còn có những động cơ khác như

vì thành tích, vì vụ lợi như muốn thăng quan, tiến chức hoặc vì nể nang... Tuy nhiên, động cơ, mục đích không phải là dấu hiệu bắt buộc của tội phạm này, mà chỉ có ý nghĩa xem xét khi quyết định hình phạt.

Ngoài các nội dung trên, Nghị quyết số 05/2018 còn hướng dẫn áp dụng một số tình tiết định khung hình phạt thông qua việc giải thích sẵn bắt trong thời gian bị cấm, sẵn bắt trong khu vực bị cấm, sử dụng công cụ hoặc phương tiện sẵn bắt bị cấm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn, vận chuyển, buôn bán qua biên giới; hướng dẫn xử lý trong trường hợp thu giữ được nhiều loài động vật nguy cấp, quý, hiếm thuộc các lớp khác nhau; hướng dẫn về việc xử lý vật chứng.

3.2. KHUNG PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ VIỆT NAM VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG VÀ KHẢ NĂNG ÁP DỤNG VÀO VIỆC PHÒNG, CHỐNG BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

3.2.1. Khung pháp luật quốc tế về phòng, chống tham nhũng và khả năng áp dụng vào việc phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã

Tham nhũng hiện đã được xem là vấn đề toàn cầu, được điều chỉnh bởi luật pháp quốc tế, chứ không còn giới hạn là một vấn đề của mỗi quốc gia, chỉ được điều chỉnh bởi pháp luật quốc gia.

Hiện tại đã có một số điều ước toàn cầu và khu vực về phòng, chống tham nhũng. Trong những điều ước này, đa số có nội dung tổng quát, trong khi số khác chỉ đề cập đến một vấn đề nhất định về phòng, chống tham nhũng, cụ thể như sau:

(1) Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng (*United Nations Convention against Corruption - UNCAC*).

(2) Công ước của OECD về chống hối lộ các quan chức công quyền nước ngoài (*OECD Convention on Combating Bribery of Foreign Public Officials*)

(3) Công ước chống tham nhũng của Tổ chức các nước châu Mỹ (*Organization of American States (OAS) Inter-American Convention against Corruption*)

(4) Công ước chống tham nhũng của Liên minh châu Phi (*African Union Regional Anti-Corruption Convention*)

(5) Công ước Luật Hình sự về tham nhũng của Hội đồng châu Âu (*Council of Europe Criminal Law Conventions on Corruption*)

(6) Công ước Luật Dân sự về tham nhũng của Hội đồng châu Âu (*Council of Europe Civil Law Conventions on Corruption*)

Trong số các Công ước kể trên, UNCAC là quan trọng nhất, bởi lẽ nội dung của Công ước khá toàn diện, nhưng quan trọng hơn, đây hiện là điều ước quốc tế về chống tham nhũng duy nhất có hiệu lực trên toàn cầu. Chính vì vậy, mục này sẽ tập trung đề cập đến UNCAC.

UNCAC được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua vào 11/12/2003, có hiệu lực từ ngày 14/12/2005, và có 187 quốc gia thành viên (ở thời điểm tháng 2/2020)¹. Đây là văn kiện quốc

¹ Signature and Ratification Status: <https://www.unodc.org/unodc/en/corruption/ratification-status.html>

tế đầu tiên về chống tham nhũng có hiệu lực ràng buộc về mặt pháp lý trên phạm vi toàn cầu; vì vậy, nó đánh dấu một bước ngoặt về nhận thức, quyết tâm và sự hợp tác giữa các quốc gia, đồng thời hứa hẹn những sự phát triển lớn trong cuộc chiến chống tham nhũng trên thế giới.

UNCAC gồm 8 Chương và 71 Điều. Trừ một số quy định mang tính hướng dẫn thủ tục (các Điều từ 63 đến 71), về nội dung, UNCAC có 237 yêu cầu, trong đó 135 yêu cầu mang tính bắt buộc (các quốc gia thành viên phải thực hiện trên cơ sở phù hợp với pháp luật quốc gia), 38 yêu cầu mang tính khuyến nghị và 64 yêu cầu mang tính tùy nghi (các quốc gia thành viên không bắt buộc phải thực hiện).

Trong số các tội phạm tham nhũng được quy định trong UNCAC, các tội hối lộ có liên quan nhiều nhất đến vấn đề phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã.

UNCAC quy định ba dạng tội phạm hối lộ, bao gồm:

Điều 15. Hối lộ công chức quốc gia

Trong Điều 15, UNCAC yêu cầu các quốc gia thành viên áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định thành tội phạm các hành vi sau đây, nếu được thực hiện một cách cố ý: (a) Hứa hẹn, chào mời hay cho, trực tiếp hay gián tiếp, công chức bất kỳ một lợi ích không chính đáng cho chính bản thân công chức ấy hay cho một người hoặc một tổ chức khác, để công chức này làm hoặc không làm một việc trong quá trình thi hành công vụ; (b) Hành vi của công chức, trực tiếp hay gián tiếp, đòi hoặc nhận một lợi

ích không chính đáng cho chính bản thân công chức hay cho người hoặc tổ chức khác, để công chức làm hoặc không làm một việc trong quá trình thi hành công vụ.

Điều 16. Hối lộ công chức nước ngoài hoặc công chức của tổ chức quốc tế công

Trong Điều 16, UNCAC yêu cầu các quốc gia thành viên áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định thành tội phạm khi được thực hiện một cách cố ý hành vi hứa hẹn, chào mời hay cho, trực tiếp hay gián tiếp, công chức nước ngoài hoặc công chức của tổ chức quốc tế công một lợi ích không chính đáng cho bản thân công chức hoặc người hay tổ chức khác, để công chức đó làm hoặc không làm một việc trong quá trình thi hành công vụ, nhằm có được hoặc duy trì công việc kinh doanh hay lợi thế không chính đáng khác liên quan đến hoạt động kinh doanh quốc tế.

Thêm vào đó, khoản 2 Điều này còn yêu cầu các quốc gia thành viên xem xét áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để quy định thành tội phạm khi được thực hiện một cách cố ý hành vi của công chức nước ngoài hoặc công chức của tổ chức quốc tế công đòi hoặc chấp nhận một cách trực tiếp hay gián tiếp, lợi ích không chính đáng cho bản thân công chức hoặc người hay tổ chức khác, để công chức đó làm hoặc không làm một việc trong quá trình thi hành công vụ.

Điều 21. Hối lộ trong khu vực tư

Trong Điều 21, Công ước yêu cầu các quốc gia thành viên xem xét áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần

thiết khác nhằm quy định những hành vi sau là tội phạm, nếu được thực hiện một cách cố ý trong hoạt động kinh tế, tài chính hoặc thương mại: (a) Hành vi hứa hẹn, chào mời hay cho một lợi ích không chính đáng, trực tiếp hay gián tiếp cho người điều hành hay làm việc, ở bất kỳ cương vị nào, cho tổ chức thuộc khu vực tư vì lợi ích của chính người đó hay của người hoặc tổ chức khác, để người đó vi phạm nhiệm vụ của mình bằng cách làm hoặc không làm một việc gì; (b) Hành vi đòi hoặc nhận trực tiếp hay gián tiếp lợi ích không chính đáng bởi người điều hành hay làm việc, ở bất kỳ cương vị nào, cho tổ chức thuộc khu vực tư vì lợi ích của bản thân người đó hay của người khác để vi phạm nhiệm vụ của mình bằng cách làm hay không làm một việc gì.

Các quy định nêu trên cho thấy hành vi hối lộ có thể xảy ra và được thực hiện bởi các chủ thể cả ở khu vực công và khu vực tư. Của hối lộ có thể dưới dạng vật chất (tiền, tài sản...) hoặc những lợi ích phi vật chất. Đây cũng chính là những dấu hiệu phổ biến về nạn hối lộ diễn ra trong buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã.

Tuy không có những quy định trực tiếp, song UNCAC và các điều ước quốc tế khác về chống tham nhũng đã giúp xác lập một hệ thống quy tắc mà có thể áp dụng vào việc phòng, chống tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã – điều đã được xem là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự gia tăng của hoạt động buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã, kể cả ở cấp độ quốc gia và quốc tế.

Về nguyên tắc, tất cả các quy định của UNCAC đều có ý nghĩa và đều có thể áp dụng trong việc phòng, chống tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã. Tuy nhiên, xét thực tế là tình trạng tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã chủ yếu thể hiện dưới các dạng thức (đã nêu ở mục trên, bao gồm: (i) Hối lộ quan chức để cấp giấy phép hay hợp lý hoá việc khai thác hoặc xuất, nhập khẩu các loài động, thực vật hoang dã được bảo vệ; (ii) Ăn cắp hay bán trái pháp luật các vật phẩm động, thực vật hoang dã bị buôn bán trái pháp luật và bị thu giữ; (iii) Quan chức ngoại giao, lợi dụng vị thế của mình để buôn bán, vận chuyển vật phẩm động, thực vật hoang dã trái pháp luật), có thể thấy một số quy định của UNCAC có thể được vận dụng trực tiếp trong những trường hợp đó, cụ thể như sau:

Các điều khoản quy định về hành vi hối lộ, bao gồm Điều 15 (Hối lộ công chức quốc gia); Điều 16 (Hối lộ công chức nước ngoài hoặc công chức của tổ chức quốc tế công); Điều 21 (Hối lộ trong khu vực tư). Đây là các quy định gắn nhiều nhất với hoạt động phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã. Các Điều 15, 16, 21 có thể được áp dụng để mở rộng đến việc phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã bằng cách bổ sung sản phẩm từ động vật hoang dã vào danh mục những lợi ích không chính đáng.

Các điều khoản quy định về một số hành vi tham nhũng khác: Bên cạnh đó, trong Chương III của UNCAC còn xác định một số tội danh khác, bao gồm: Tham ô, biển thủ hoặc các dạng chiếm đoạt tài sản khác bởi công chức (Điều 17);

Lợi dụng ảnh hưởng để trục lợi (Điều 18); Lạm dụng chức năng (Điều 19); Làm giàu bất hợp pháp (Điều 20); Biếm thủ tài sản trong khu vực tư (Điều 22); Tẩy rửa tài sản do phạm tội mà có (Điều 23); Che giấu tài sản (Điều 24); Cản trở hoạt động tư pháp (Điều 25); Trách nhiệm của pháp nhân (Điều 26); Bảo vệ nhân chứng, chuyên gia và nạn nhân (Điều 32); Bảo vệ người tố giác (Điều 33). Những quy định về các hành vi tham nhũng nêu ở các điều này cũng có thể được áp dụng để mở rộng đến việc phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã bằng cách bổ sung yếu tố động vật hoang dã vào danh mục những hành động hay lợi ích không chính đáng mà là cấu thành của từng dạng tội phạm.

Quy định về chính sách và thực tiễn chống tham nhũng (Điều 5): Điều này yêu cầu các quốc gia thành viên UNCAC phải xây dựng và thực hiện hoặc duy trì các chính sách chống tham nhũng hiệu quả và đồng bộ, những chính sách thúc đẩy sự tham gia của xã hội và thể hiện các nguyên tắc của chế độ pháp quyền, việc quản lý đúng đắn công vụ và tài sản công, sự liêm khiết, tính minh bạch và trách nhiệm. Quy định tại Điều này có thể được áp dụng để mở rộng chính sách và khung pháp luật của quốc gia chống tham nhũng trong các lĩnh vực khác nhau, trong đó bao gồm lĩnh vực môi trường.

Quy tắc ứng xử cho công chức (Điều 8): Điều này yêu cầu các quốc gia thành viên UNCAC thực thi những biện pháp thúc đẩy sự liêm chính, trung thực và trách nhiệm trong đội ngũ công chức nước mình, trong đó bao gồm việc xây dựng và ban hành những quy tắc hoặc chuẩn mực ứng xử để đảm

bảo việc thực hiện chức năng công được chính xác, chính trực và đúng đắn. Quy định tại Điều này có thể được áp dụng để mở rộng thêm các bộ quy tắc ứng xử của công chức, đặc biệt là những cán bộ thực thi công vụ trong những lĩnh vực nhạy cảm, với các quy định về không buôn bán, tiếp tay cho buôn bán cũng như không sử dụng sản phẩm từ động vật hoang dã trái pháp luật.

Quy định về sự tham gia của xã hội trong phòng, chống tham nhũng (Điều 13): Điều này yêu cầu các quốc gia thành viên UNCAC phải tiến hành các biện pháp thích hợp nhằm thúc đẩy sự tham gia chủ động của các cá nhân và tổ chức ngoài khu vực công, như các tổ chức xã hội, các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức cộng đồng, vào công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng; trong đó bao gồm việc nâng cao nhận thức của công chúng về sự tồn tại, nguyên nhân và tính chất nghiêm trọng cũng như sự đe dọa của tham nhũng. Quy định của Điều này có thể được áp dụng để mở rộng đến việc huy động sự tham gia của xã hội vào hoạt động phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã và những hành vi tham nhũng đi kèm.

Quy định về các biện pháp chống rửa tiền (Điều 14): Điều này yêu cầu các quốc gia thành viên UNCAC phải thực hiện các biện pháp chống rửa tiền, trong đó bao gồm việc thiết lập một cơ chế giám sát và điều tiết toàn diện đối với các ngân hàng và các định chế tài chính phi ngân hàng mà cung cấp dịch vụ chính thức hoặc không chính thức về chuyển tiền hoặc vật có giá trị; xem xét thành lập một đơn vị tình báo tài chính để thu

thập, phân tích và phổ biến thông tin về hoạt động rửa tiền tiềm tàng; thực hiện các biện pháp phát hiện, kiểm soát việc di chuyển tiền mặt và các công cụ có giá trị chuyển đổi qua biên giới nước mình; phát triển và thúc đẩy hợp tác song phương, tiểu khu vực, khu vực và toàn cầu trong đấu tranh chống rửa tiền. Quy định của Điều này cũng có thể được áp dụng để mở rộng đến việc phòng, chống rửa tiền có được từ hoạt động buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã.

Các quy định của pháp luật quốc tế về phòng, chống tham nhũng liên quan trực tiếp đến buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã

Mặc dù trong nội dung chính thức của Công ước CITES không có một điều, khoản nào trực tiếp đề cập đến vấn đề tham nhũng, nhưng tính cấp thiết của việc phòng, chống tham nhũng trong buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã đã được phản ánh trong các nghị quyết về tuân thủ và thực thi của CITES. Hội nghị các nước thành viên của CITES (CoP) cũng luôn luôn đưa ra các khuyến nghị đối với các nước thành viên chưa ký hoặc chưa phê chuẩn UNCAC và UNTOC cần sớm tham gia hai công ước này để tăng cường các cam kết về phòng, chống tham nhũng liên quan đến hoạt động buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã.

Năm 2015, lần đầu tiên mối quan hệ giữa tham nhũng và buôn bán trái pháp luật được nhận diện bởi một tổ chức chính trị uy tín toàn cầu đó là Đại hội đồng Liên hợp quốc (LHQ). Trong Nghị quyết 69/314 về chống buôn bán trái phép động vật hoang dã, Đại hội đồng LHQ kêu gọi các quốc gia thành viên

của CITES, UNTOC và UNCAC cần có các biện pháp phòng, chống tham nhũng trong buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã và các sản phẩm từ động vật hoang dã; đồng thời tăng cường hợp tác quốc tế để chống tham nhũng trong buôn bán động vật hoang dã. Nghị quyết này cũng lần đầu tiên cho thấy mối liên hệ trực tiếp giữa ba công ước quốc tế và sự cần thiết phải thúc đẩy thực thi đồng thời từ khía cạnh bảo tồn và khía cạnh thể chế.

Năm 2016, tại Hội nghị lần thứ 17 các nước thành viên của CITES (CoP17), Nghị quyết 17.6 về nghiêm cấm, phòng, phát hiện và chống tham nhũng trong các hoạt động vi phạm quy định của Công ước đã được thông qua. Đây là nghị quyết đầu tiên của CITES về nội dung này. Đặc biệt, Nghị quyết kêu gọi các quốc gia thành viên tăng cường các biện pháp phòng ngừa rủi ro tham nhũng trong các hoạt động cấp giấy phép CITES, nhận quà tặng là các loài động vật hoang dã cấm buôn bán. Một điều đáng chú ý là, trong khuôn khổ của CoP17, trong Quyết định số 17.83 của CITES về các vấn đề thực thi, Ban thư ký CITES đề cập tính cấp thiết của việc xây dựng một bộ hướng dẫn có thể hỗ trợ các nước thành viên phòng, chống rủi ro tham nhũng trong các giai đoạn của chuỗi giá trị về buôn bán động vật hoang dã trái pháp luật. Nhiệm vụ này sau đó đã được giao cho UNODC chủ trì.

Năm 2017, Đại hội đồng LHQ thông qua Nghị quyết 71/326 về chống buôn bán trái phép động vật hoang dã; trong đó Nghị quyết kêu gọi các nước thành viên của LHQ áp dụng các biện pháp phòng ngừa, chống và xóa sổ nạn buôn bán trái pháp luật

động vật hoang dã tại các nước cung cấp và tiêu thụ. Đặc biệt, Đại hội đồng kêu gọi các nước cải tiến khuôn khổ pháp luật trong nước để xác định rõ mối quan hệ giữa tội phạm về động vật hoang dã và tội tham nhũng để có thể tiến hành các biện pháp thu hồi tài sản tham nhũng hiệu quả; đồng thời xóa bỏ tất cả mọi hình thức tham nhũng hỗ trợ, tiếp tay cho sự phát triển của tội phạm buôn bán động vật hoang dã.

Cũng trong năm 2017, tại Hội nghị thượng đỉnh nhóm các nền kinh tế lớn (G20) tại Đức, lãnh đạo các nước G20 đã ra tuyên bố công bố Bộ nguyên tắc cấp cao của G20 về chống tham nhũng liên quan đến buôn bán trái pháp luật các loài động vật hoang dã và sản phẩm từ động vật hoang dã. Bộ nguyên tắc bao gồm bốn lĩnh vực chính: 1) tăng cường khuôn khổ pháp luật PCTN liên quan đến buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã và các sản phẩm từ động vật hoang dã; 2) các biện pháp phòng ngừa và tăng cường nhận thức; 3) điều tra, truy tố, xét xử và áp dụng hình phạt; 4) cơ chế tự đánh giá của các quốc gia thành viên.

Năm 2018, Tuyên bố của Hội nghị Luân Đôn về buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã kêu gọi các quốc gia thành viên tăng cường các biện pháp phòng chống rửa tiền, tham nhũng liên quan đến buôn bán động vật hoang dã thông qua việc áp dụng kiến thức và kỹ năng về tiến hành điều tra tài chính, thúc hợp tác công – tư và hợp tác quốc tế để phát hiện, xử lý tội phạm và các đường dây tội phạm.

Năm 2019, tại kỳ họp thứ 73 của Đại hội đồng LHQ, một lần nữa Đại hội đồng LHQ tái khẳng định tính cấp thiết của

việc ngăn chặn các hình thức tham nhũng tiếp tay và tạo điều kiện cho hoạt động buôn bán trái phép động vật hoang dã bằng việc thông qua Nghị quyết 73/343.

Ngoài ra, các quy định về phòng, chống tham nhũng và phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã cũng được phản ánh trong các Mục tiêu phát triển bền vững của LHQ (Mục tiêu số 15 và 16) mà các quốc gia thành viên cần phải tuân thủ thông qua việc xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động quốc gia bao gồm:

- Mục tiêu 15: Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên. Trong đó, chỉ tiêu số 15.7 kêu gọi các quốc gia cần có hành động khẩn cấp để chấm dứt nạn săn bắt và buôn bán những loài hoang dã được bảo vệ; đồng thời tăng cường các biện pháp phòng, chống cung – cầu trái pháp luật các sản phẩm từ động vật hoang dã.

- Mục tiêu 16: Thúc đẩy xã hội hòa bình, công bằng, bình đẳng vì phát triển bền vững, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp. Trong đó, chỉ tiêu số 16.5 và 16.6 kêu gọi các quốc gia tiến hành các biện pháp giảm đáng kể tham nhũng và hối lộ dưới mọi hình thức; đồng thời thúc đẩy việc xây dựng các thể chế hoạt động hiệu quả, minh bạch và có trách nhiệm giải trình ở tất cả các cấp.

3.2.2. Khung pháp luật Việt Nam về phòng, chống tham nhũng và khả năng áp dụng vào việc phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã

Hệ thống pháp luật về phòng, chống tham nhũng của Việt Nam bao gồm nhiều văn bản, bắt đầu từ những quy định có liên quan trong Hiến pháp cho đến một số nghị định và thông tư do Chính phủ và một số Bộ ban hành. Những văn bản pháp luật quan trọng nhất trong lĩnh vực này là Luật Phòng, chống tham nhũng và một số luật chuyên ngành, cụ thể như sau:

Luật Phòng, chống tham nhũng

Luật Phòng, chống tham nhũng được ban hành lần đầu tiên vào năm 2005, sau đó được sửa đổi vào các năm 2007, 2012 (gọi chung là Luật năm 2005). Luật Phòng, chống tham nhũng hiện hành (2018) bao gồm những nội dung cơ bản như sau:

Phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Chương II)

Cốt lõi của việc phòng ngừa tham nhũng là thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đây là biện pháp quan trọng hàng đầu trong phòng, chống tham nhũng. So với Luật năm 2005, Luật năm 2018 không quy định công khai, minh bạch trong các lĩnh vực cụ thể mà chỉ quy định nguyên tắc về nội dung, hình thức, trách nhiệm thực hiện công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Thêm vào đó, mục này cũng quy định về trách nhiệm giải trình, báo cáo công tác

phòng, chống tham nhũng và tiêu chí đánh giá về công tác phòng, chống tham nhũng...

Biện pháp phòng ngừa thứ hai là xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ (Mục 2). Kế thừa Luật năm 2005, Luật năm 2018 quy định mang tính nguyên tắc trong việc ban hành và thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ để không dẫn đến chồng chéo với quy định của pháp luật hiện hành.

Biện pháp phòng ngừa thứ ba là thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn (Mục 3). Luật năm 2018 tiếp tục quy định về quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và việc tặng quà và nhận quà tặng với một số chỉnh lý so với Luật năm 2005, bao gồm việc bổ sung quy định về kiểm soát xung đột lợi ích tại Điều 23.

Biện pháp phòng ngừa thứ tư là chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức (Mục 4). Luật năm 2018 tiếp tục quy định nguyên tắc chuyển đổi vị trí công tác, vị trí công tác và thời hạn phải định kỳ chuyển đổi, kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác (đã có trong Luật năm 2005).

Biện pháp phòng ngừa thứ năm là cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt (Mục 5). Về vấn đề này, Luật năm 2018 có quy định chi tiết hơn Luật năm 2005 trong các nội dung về cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý (tại Điều 27 và Điều 28) và thanh toán không dùng tiền mặt (tại Điều 29).

Biện pháp phòng ngừa thứ sáu là kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Mục 6): Đây là một trong những nội dung mới và thay đổi căn bản của Luật năm 2018 so với Luật năm 2005. Tại Mục này, Luật năm 2018 quy định cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo hướng tăng cường một bước tính tập trung và phù hợp với thực tiễn tổ chức bộ máy nhà nước để bảo đảm tính khả thi. Luật cũng quy định mở rộng đối tượng có nghĩa vụ kê khai đến tất cả cán bộ, công chức và một số nhóm viên chức giữ chức vụ, chức danh quản lý để từng bước quản lý chặt chẽ về dữ liệu tài sản, thu nhập, qua đó theo dõi, xác minh phục vụ công tác phòng, chống tham nhũng; đồng thời đổi mới căn bản phương thức kê khai để giảm bớt số đối tượng phải kê khai hằng năm và khắc phục tính hình thức trong thực hiện. Ngoài ra, Luật cũng bổ sung căn cứ xác minh theo kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm đối với người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập được lựa chọn ngẫu nhiên; quy định cụ thể về thẩm quyền yêu cầu, kiến nghị xác minh tài sản, thu nhập; nội dung xác minh tài sản, thu nhập; trình tự xác minh tài sản, thu nhập và xử lý hành vi kê khai tài sản, thu nhập không trung thực, giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm không trung thực.

*Phát hiện tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị
(Chương III)*

Kế thừa quy định của Luật năm 2005, Luật năm 2018 tiếp tục quy định về công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước; công tác tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị; đồng

thời bổ sung quy định kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước, cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tại Điều 57; bổ sung quy định thẩm quyền của cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước trong thanh tra, kiểm toán vụ việc có dấu hiệu tham nhũng tại Điều 61; xử lý vụ việc có dấu hiệu tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra, kiểm toán tại Điều 62; xử lý vi phạm trong hoạt động thanh tra, kiểm toán tại Điều 64.

Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị (Chương IV)

Luật năm 2018 đã quy định thành một chương riêng và sửa đổi, bổ sung nhằm cụ thể hoá và đề cao vai trò của người đứng đầu trong đấu tranh chống tham nhũng. Theo đó, Luật quy định nội dung trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng (Điều 70); quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc áp dụng biện pháp tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang vị trí công tác khác đối với người có hành vi vi phạm (Điều 71); quy định trách nhiệm và xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do cơ quan mình quản lý, phụ trách (Điều 72 và Điều 73).

Trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng (Chương V)

Chương này kế thừa các quy định của Luật PCTN năm 2005, trong đó nhấn mạnh trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc

Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong việc tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng; phản biện xã hội, kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; kiến nghị việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng; phát hiện, phản ánh, tố cáo, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng; giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng (Điều 74). Bên cạnh đó, Chương này cũng đề cập đến trách nhiệm của một số chủ thể khác, bao gồm trách nhiệm của cơ quan báo chí, nhà báo (Điều 75), trách nhiệm của doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề (Điều 76), trách nhiệm của công dân, Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng (Điều 77) trong PCTN.

Phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước (Chương VI)

Đây là một chương mới, bao hàm những nội dung mới của Luật năm 2018, chưa có trong Luật năm 2005, thể hiện sự nhấn mạnh vai trò của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước trong phòng, chống tham nhũng. Trong chương này, Luật năm 2018 quy định trách nhiệm của tất cả doanh nghiệp, tổ chức kinh tế nói chung trong việc xây dựng quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc đạo đức kinh doanh, quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ nhằm phòng ngừa tham nhũng, đồng thời quy định việc áp dụng Luật Phòng, chống tham nhũng đối với các công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ

hoặc Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động các khoản đóng góp của nhân dân hoạt động từ thiện.

Xử lý tham nhũng và các hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng (Chương IX)

Đây cũng là chương có nhiều nội dung mới được bổ sung, nhằm tăng cường hiệu quả của công tác phòng, chống tham nhũng. Về việc xử lý tham nhũng, so với Luật năm 2005, Luật năm 2018 đã quy định rõ các nguyên tắc về việc xử lý tham nhũng (Điều 92, Điều 93). Đối với xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng, Luật năm 2018 đã bổ sung quy định tại Mục 2 Chương IX. Theo đó, Điều 94 liệt kê các hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng và quy định mang tính nguyên tắc xử lý đối với các hành vi này. Điều 95 Luật năm 2018 quy định xử lý hành vi khác vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước.

Bộ luật Hình sự

So với BLHS trước đó (BLHS năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 – gọi tắt là BLHS năm 1999), BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có nhiều quy định mới nghiêm khắc hơn đối với tội phạm tham nhũng. Cụ thể, Chương XXIII BLHS năm 2015 quy định các tội phạm về chức vụ gồm 15 điều (từ Điều 352 đến Điều 366), trong đó Mục 1 quy định về các tội phạm tham nhũng gồm 07 điều (từ Điều 353 đến Điều 359). So với BLHS năm 1999, tất cả 15 điều của BLHS năm 2015

đã được sửa đổi cơ bản, tập trung vào 08 vấn đề lớn: (1) Điều chỉnh khái niệm tội phạm về chức vụ để xử lý tội phạm tham nhũng trong lĩnh vực tư, đồng thời bổ sung hành vi tham nhũng trong lĩnh vực tư trong một số tội, bao gồm tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ, đưa hối lộ và môi giới hối lộ; (2) Điều chỉnh hợp lý mức định lượng tài sản bị chiếm đoạt trong hầu hết các tội phạm trong Chương này cho phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội, phù hợp với yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng trong tình hình mới; (3) Điều chỉnh một số cấu thành tội phạm, bổ sung của hối lộ là *“lợi ích phi vật chất”* trong một số tội; (4) Bổ sung hình phạt tiền là hình phạt chính và hình phạt cải tạo không giam giữ, đồng thời điều chỉnh mức hình phạt trong một số tội; (5) Tách các tình tiết định tính *“gây hậu quả nghiêm trọng, gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng”* quy định trong cùng một khung hình phạt trong một số tội để quy định trong các khung hình phạt khác nhau, đồng thời cụ thể hóa tất cả các tình tiết định tính này bằng các thiệt hại cụ thể.

Cũng liên quan đến các tội tham nhũng, BLHS năm 2015 còn khẳng định nguyên tắc quan trọng, nghiêm khắc đối với tội phạm tham nhũng đó là *không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và không giảm hình phạt tử hình đã quy định với các tội tham nhũng*. Trong đó, không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Tội tham ô tài sản và Tội nhận hối lộ thuộc trường hợp phạm tội đặc biệt nghiêm trọng quy định tại khoản 3 và khoản 4 các Điều 353, 354 của BLHS. Việc bổ sung quy định này nhằm góp phần tăng cường đấu tranh

phòng, chống tham nhũng, xử lý triệt để đối với các hành vi tham ô tài sản, nhận hối lộ thuộc các trường hợp phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, vừa mang tính răn đe, vừa thể hiện sự siết chặt kỷ cương của Nhà nước.

Bộ luật Tổ tụng Hình sự

BLTTHS năm 2015 đã bổ sung, sửa đổi một số quy định để tạo cơ sở pháp lý thực thi các điều ước quốc tế về chống tham nhũng mà Việt Nam là thành viên, tháo gỡ vướng mắc trong thực tiễn đấu tranh chống tội phạm tham nhũng hiện nay, mở rộng nguồn chứng cứ có giá trị trực tiếp chứng minh hành vi phạm tội. Cụ thể, BLTTHS năm 2015 quy định các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, bao gồm: ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử; quy định chặt chẽ các trường hợp áp dụng chỉ đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tội phạm về tham nhũng, tội khủng bố, tội rửa tiền và các tội phạm khác có tổ chức thuộc loại tội đặc biệt nghiêm trọng. BLTTHS năm 2015 cũng quy định cụ thể thẩm quyền áp dụng phải có quyết định của Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp tỉnh trở lên và được Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn; về thời hạn áp dụng không quá 02 tháng, trường hợp đặc biệt có thể gia hạn nhưng không quá thời hạn điều tra; đồng thời quy định cho phép sử dụng làm chứng cứ đối với những thông tin, tài liệu thu thập từ biện pháp điều tra đặc biệt và quy định nghiêm ngặt việc sử dụng các thông tin, tài liệu nhằm bảo vệ bí mật riêng tư của các cá nhân, tổ chức. Việc luật hoá biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt tạo khung pháp lý quan trọng cho việc đấu

tranh phòng, chống tham nhũng, phù hợp với xu hướng hoàn thiện khung pháp lý phòng, chống tham nhũng của các nước trên thế giới hiện nay.

Bên cạnh đó, tại Điều 89 BLTTHS năm 2015 cũng có quy định về vật chứng vụ án hình sự là vật được dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội, vật mang dấu vết tội phạm, vật là đối tượng của phạm tội, tiền hoặc vật khác có giá trị chứng minh là hành vi phạm tội và người phạm tội hoặc có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án. Do vậy, có thể xác định tiền cũng là vật chứng vụ án. Khi thu hồi được số tiền thì sẽ xử lý bằng cách trả lại cho người bị hại hoặc sung công quỹ nếu đó là tiền bất hợp pháp. Đây là cơ sở pháp luật hình sự để làm căn cứ thu hồi tài sản tham nhũng, tạo cơ sở cho thực tiễn đấu tranh phòng, chống tham nhũng đạt được mục đích và hiệu quả.

Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS)

Tại khoản 4 Điều 18 BLTTDS năm 2015, quy định: “Cơ quan, tổ chức trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có quyền khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu Tòa án bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích Nhà nước thuộc lĩnh vực mình phụ trách hoặc theo quy định của pháp luật”. Đây là quy định quan trọng khẳng định về vấn đề thu hồi tài sản, bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Nhà nước khi bị các hành vi tham nhũng xâm phạm. Đồng thời, BLTTDS năm 2015 cũng quy định về trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời liên quan đến giải quyết tranh chấp về tài sản nói chung và tài sản tham nhũng nói riêng nhằm trả lại tài sản tham nhũng về cho Nhà nước là chủ sở hữu hợp pháp tài sản.

Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015

Để phòng, chống tham nhũng và tạo khung cơ sở pháp lý phòng, chống tham nhũng, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự đã quy định rõ ràng và đầy đủ hơn các nguyên tắc tổ chức điều tra hình sự, cụ thể như: tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm sự chỉ đạo, chỉ huy tập trung thống nhất, hiệu lực, hiệu quả; *phân công, phân cấp rành mạch, chuyên sâu và được kiểm soát chặt chẽ*; cơ quan điều tra cấp dưới chịu sự hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ của cơ quan điều tra cấp trên; cá nhân chịu trách nhiệm trước cấp trên và trước pháp luật về hành vi, quyết định của mình; chỉ cơ quan, người có thẩm quyền quy định trong Luật này mới được tiến hành hoạt động điều tra hình sự. Đây là những tư tưởng chỉ đạo, có tính xuyên suốt mà các cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải tuân thủ trong quá trình tổ chức điều tra hình sự, đồng thời tạo điều kiện để dễ phát hiện tham nhũng trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

Cụ thể, về bộ máy phòng, chống tham nhũng, Luật Tổ chức cơ quan điều tra quy định rõ bộ máy phòng, chống tham nhũng trong Cơ quan Cảnh sát điều tra và Cơ quan điều tra của VKSNDTC. Về Cơ quan cảnh sát điều tra của Bộ Công an, để tạo điều kiện hoạt động điều tra mang tính chuyên nghiệp, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động điều tra trinh sát và hoạt động điều tra theo tố tụng, Luật quy định hợp nhất Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng và Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ thành Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế

và chức vụ. Quy định này thể hiện tính liên thông trong quá trình phòng, chống tội phạm tham nhũng của Cơ quan Cảnh sát điều tra. Đối với Cơ quan điều tra của VKSNDTC, Luật mở rộng thẩm quyền điều tra đối với Cơ quan điều tra VKSNDTC và Cơ quan điều tra Viện kiểm sát quân sự trung ương về loại tội phạm, bao gồm một số tội danh mới trong BLHS, đồng thời mở rộng về diện đối tượng phạm tội trong đó khẳng định chính sách mở rộng thẩm quyền điều tra tội phạm về tham nhũng, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp.

Luật Tổ cáo năm 2018

Luật Tổ cáo năm 2018 đã bổ sung và sửa đổi một số quy định quan trọng về bảo vệ người tố cáo nhằm bảo vệ, khuyến khích, động viên người dân dũng cảm đấu tranh chống lại các hành vi tham nhũng, tiêu cực, vi phạm pháp luật, giúp các cơ quan nhà nước phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật. Bảo vệ người tố cáo được xác định là trách nhiệm của Nhà nước, là sự thể hiện cụ thể và sinh động bản chất của Nhà nước ta là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Các quy định về bảo vệ người tố cáo được tập hợp trong một chương riêng (Chương VI) của Luật Tổ cáo năm 2018, trong đó bao gồm những nội dung cơ bản như:

- Người được bảo vệ, bao gồm: người tố cáo, vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người tố cáo (Điều 47).

- Phạm vi bảo vệ, bao gồm: bảo vệ bí mật thông tin của người tố cáo; bảo vệ vị trí công tác, việc làm, tính mạng, sức

khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người được bảo vệ (Điều 47).

- Quyền và nghĩa vụ của người được bảo vệ (Điều 48).
- Cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ (Điều 49).
- Trình tự, thủ tục bảo vệ (từ Điều 50 đến Điều 54).
- Các biện pháp bảo vệ (từ Điều 56 đến Điều 58).

Tóm lại, xét tổng quát, khung pháp luật phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện đã khá toàn diện và tương thích với các quy định cơ bản của UNCAC. Đây là cơ sở cho việc phòng ngừa và phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử kịp thời các hành vi tham nhũng, trong đó có tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã. Việc khung pháp luật phòng, chống tham nhũng liên tục được sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện hơn cho thấy sự quan tâm và nỗ lực phòng, chống tham nhũng của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam, cũng như thể hiện cam kết cao của Việt Nam với cộng đồng quốc tế trong lĩnh vực này.

Áp dụng các quy định của pháp luật Việt Nam về phòng, chống tham nhũng vào việc phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã

Thực tiễn chỉ ra rằng tham nhũng và buôn bán trái phép động vật hoang dã là hai loại tội phạm độc lập nhưng có mối quan hệ với nhau. Buôn bán động vật hoang dã làm gia tăng tình hình tham nhũng, hối lộ, đồng thời tham nhũng khiến

tình hình buôn bán thêm nghiêm trọng; việc săn bắt động vật hoang dã diễn ra mạnh mẽ ở những nơi tham nhũng hoành hành. Từ đó đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với việc hoàn thiện thể chế phòng, chống tham nhũng nói chung và phòng, chống tham nhũng trong buôn bán trái phép động vật hoang dã nói riêng. Trước tình hình săn, bắt, giết mổ, vận chuyển, kinh doanh và tiêu thụ bất hợp pháp động vật hoang dã trong bối cảnh đại dịch COVID-19, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị 29/CT-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2020 về một số giải pháp cấp bách quản lý động vật hoang dã; trong đó đề nghị VKSNDTC, TANDTC cần áp dụng các hình phạt nghiêm khắc đối với những kẻ chủ mưu, cầm đầu lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội, người phạm tội có tính chất chuyên nghiệp liên quan đến bảo vệ động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm. Mặc dù Chỉ thị 29 không phải là một văn bản pháp luật, nhưng cũng giống lên hồi chuông cho các cơ quan quản lý về bảo vệ động vật hoang dã, cơ quan thực thi pháp luật và tư pháp về tình trạng tham nhũng trong quản lý và thực thi pháp luật về bảo tồn động vật hoang dã tại Việt Nam.

Cho đến nay, Việt Nam chưa có bất kể văn bản pháp luật nào quy định trực tiếp, cụ thể vấn đề phòng, chống tham nhũng liên quan đến các hoạt động buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã như các Nghị quyết của Đại hội đồng LHQ hay CITES. Trong khi đó, Thanh tra Chính phủ - cơ quan ngang Bộ của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về phòng, chống tham nhũng cũng chưa có bất kỳ hướng dẫn hay định hướng nào về công tác phòng, chống

tham nhũng trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã. Do vậy, việc phòng, chống tham nhũng trong lĩnh vực đặc thù này cũng áp dụng các quy định chung về phòng, chống tham nhũng trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam; trong đó, đặc biệt chú ý đến việc vận dụng các quy định của pháp luật đối với những vấn đề sau:

- Tăng cường kê khai và công khai kê khai tài sản, thu nhập của các cán bộ tham gia công tác quản lý và thực thi pháp luật bảo vệ động vật hoang dã (như điều tra viên, kiểm lâm viên, kiểm sát viên, kiểm soát viên thị trường, kiểm tra viên hải quan, thẩm phán...) thông qua việc triển khai thực hiện và giám sát quá trình thực hiện Nghị định 130/2020/NĐ-CP về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức đơn vị.

- Xây dựng và triển khai thực hiện Bộ quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong phòng, chống tham nhũng trên cơ sở quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 (Điều 20) theo hướng đảm bảo giá trị cốt lõi là tính trách nhiệm giải trình và liêm chính, xác định các biện pháp chế tài và xử lý kỷ luật cho việc vi phạm các hành vi bị cấm hoặc cần tránh.

- Xây dựng một quy chế riêng bảo vệ người tố cáo tham nhũng theo định hướng của Bộ Chính trị đưa ra trong Chỉ thị 27-CT/TW ngày 10/01/2019 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; và trên cơ sở các quy định về bảo vệ người tố cáo trong Luật Tố cáo 2018 và Luật Phòng, chống tham nhũng 2018. Hiện nay các quy định

của pháp luật về bảo vệ người tố cáo tham nhũng mới chỉ dừng ở mức nguyên tắc, chưa cụ thể và còn phân tán tại nhiều văn bản pháp luật. Do vậy, cần có những văn bản quy định cụ thể cơ chế và các biện pháp bảo vệ hiệu quả đối với người tố cáo tham nhũng trong trường hợp họ bị trả thù, trù dập.

- Tăng cường vai trò và sự tham gia của các tổ chức xã hội trong nỗ lực phòng, chống tham nhũng như một thành phần cơ bản trong quá trình rà soát, xây dựng văn bản chính sách, giám sát thực hiện quy định pháp luật liên quan, các chính sách, chiến lược về phòng, chống tham nhũng trong buôn bán động vật hoang dã.

- Tiến hành thu hồi và xử lý tài sản có liên quan đến buôn bán trái phép động vật hoang dã là một biện pháp hiệu quả giúp phòng ngừa, triệt tiêu động cơ của tội phạm và là cách khắc phục hậu quả của tội phạm thiết thực nhất. Trong thu hồi và xử lý tài sản tham nhũng có liên quan đến buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã, có thể áp dụng thu hồi dựa trên giá trị tài sản khi vật phẩm hối lộ là cá thể động vật hoang dã đã chết hoặc đối với vật phẩm hối lộ là sản phẩm từ động vật hoang dã.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích khung pháp luật quốc tế liên quan đến phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã.
2. Phân tích khung pháp luật Việt Nam liên quan đến phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã.

3. Phân tích những chế tài hành chính, hình sự hiện hành của Việt Nam với hành vi buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã.
4. Phân tích khung pháp luật quốc tế về chống tham nhũng và chỉ ra khả năng áp dụng với việc phòng, chống tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã.
5. Phân tích khung pháp luật Việt Nam về phòng chống tham nhũng và chỉ ra khả năng áp dụng với việc phòng, chống tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã.

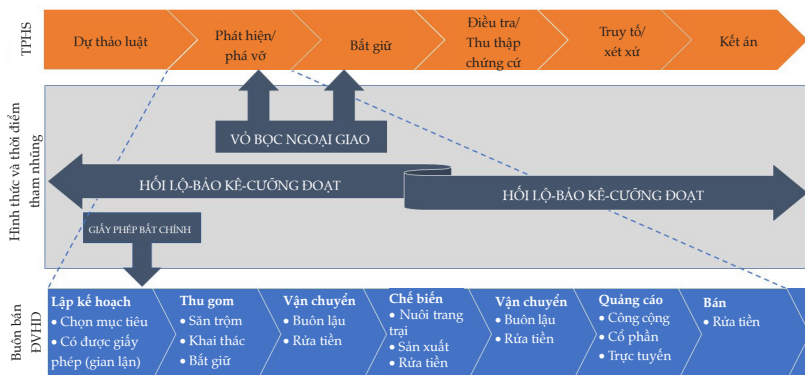
Chương IV

THỰC HIỆN PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG GẮN VỚI BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở VIỆT NAM

4.1. RỦI RO THAM NHŨNG TRONG THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ BẢO TỒN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở VIỆT NAM

Như đã đề cập ở mục trên, hiện tại có nhiều cơ quan nhà nước tham gia vào việc bảo tồn động vật hoang dã nói chung, phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã nói riêng ở Việt Nam, trong đó bao gồm: Kiểm lâm, Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng, Cảnh sát môi trường, Cảnh sát điều tra, Hải quan, Biên phòng, Quản lý thị trường, Cơ quan quản lý CITES... Bên cạnh đó, còn có sự tham gia của một số tổ chức quốc tế và các tổ chức xã hội của Việt Nam. Các chủ thể này có vai trò khác nhau và tham gia vào các công đoạn khác nhau trong quá trình quản lý và thực thi pháp luật về bảo tồn động vật hoang dã. Đối với các cơ quan quản lý, bảo vệ động vật hoang dã, một số rủi ro có thể liệt kê như chính sách tuyển dụng, chế độ đãi ngộ và luân chuyển cán bộ, cơ quan quản lý theo ngành dọc và theo cấp quản lý hành chính, các thủ tục hành chính, chính sách theo dõi giám sát và xử lý vi phạm... Trong khi đó, đối với các cơ quan trong hệ thống tư pháp hình

sự, các rủi ro tham nhũng có thể liên quan đến việc áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm, lợi dụng một số điểm trùng lặp trong phân công trách nhiệm giữa các cơ quan tuyển đầu, hạn chế trong kiến thức và kỹ năng nhận diện loài, hay tính liêm chính của đội ngũ cán bộ tham gia giai đoạn truy tố, xét xử tội phạm về động vật hoang dã... Vì vậy, rủi ro tham nhũng có thể xảy ra với tất cả các chủ thể này, trong tất cả các mắt xích của thực thi pháp luật cũng như ở các công đoạn trong chuỗi cung động vật hoang dã trái pháp luật (sơ đồ dưới đây¹).



Hình 2: Cơ hội tham nhũng trong hệ thống tư pháp hình sự (TPHS) và buôn bán trái pháp luật ĐVHD

Nhìn cụ thể hơn, nguy cơ tham nhũng từ các cơ quan nhà nước có trách nhiệm quản lý và thực thi pháp luật về bảo tồn động vật hoang dã ở Việt Nam được một số tác giả nhận diện như sau²:

¹ Tanya Wyatt và Cao Ngọc Anh (2015), tldđ, tr. 21.

² Tanya Wyatt và Cao Ngọc Anh (2015), tldđ, tr. 21.

Bảng 3: Nhận diện một số rủi ro tham nhũng

Cơ quan	Cơ cấu tổ chức	Trách nhiệm	Rủi ro tham nhũng
Kiểm lâm	Thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ở cấp trung ương, khu vực, tỉnh và huyện; tại rừng quốc gia và khu bảo tồn	Thực thi pháp luật về lâm nghiệp, giám sát tất cả các loại rừng và tiến hành điều tra sơ bộ các vi phạm liên quan đến rừng bao gồm buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã.	Hối lộ, bảo kê, giấy tờ giả mạo/bất chính
Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng	Ban quản lý rừng đặc dụng, Ban quản lý rừng phòng hộ nơi không thành lập tổ chức Kiểm lâm; doanh nghiệp nhà nước, tổ chức không thuộc lực lượng vũ trang được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng và đất rừng	Thực hiện biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hành vi vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng theo yêu cầu của chủ rừng	Hối lộ, bảo kê
Cảnh sát môi trường	Thuộc Bộ Công an, ở cấp Trung ương, tỉnh và huyện	Phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã và thực hiện điều tra sơ bộ về buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã	Hối lộ, bảo kê
Cảnh sát điều tra	Thuộc Bộ Công an, Công an ở cấp trung ương, tỉnh và huyện	Thực hiện điều tra chính thức về buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã	Hối lộ, bảo kê

Hải quan	Thuộc Tổng cục Hải quan, ở cấp trung ương và tỉnh thành	Kiểm tra, giám sát hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, trong đó có vận chuyển động vật hoang dã	Hối lộ, bảo kê, giấy tờ giả mạo/ bất chính
Biên phòng	Thuộc Bộ Quốc phòng, ở cấp trung ương và tỉnh thành; cảnh sát biển và các điểm biên giới	Kiểm soát các hoạt động xâm nhập vào Việt Nam và phòng, chống các hoạt động qua biên giới bất hợp pháp, gồm cả các hoạt động liên quan đến động vật hoang dã	Hối lộ, bảo kê
Quản lý thị trường	Thuộc Bộ Công thương, ở cấp trung ương, tỉnh thành, và cấp huyện	Kiểm tra thị trường động vật hoang dã trong nước, gồm cả các cửa hàng bán động vật hoang dã	Hối lộ, bảo kê
Cơ quan quản lý CITES	Thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ở cấp trung ương	Cấp toàn bộ giấy phép xuất nhập khẩu CITES trong nước, cấp giấy phép nuôi nhốt động vật hoang dã và liên lạc với Ban Thư ký CITES và các Bên tham gia CITES khác	Hối lộ, bảo kê, giấy tờ giả mạo/ bất chính

4.2. THỰC TIỄN PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ BẢO TỒN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở VIỆT NAM

4.2.1. Thực tiễn phòng, chống tham nhũng trong thực thi pháp luật về nuôi, nhốt động vật hoang dã

Ở Việt Nam, nuôi, nhốt động vật hoang dã là hiện tượng xảy ra trên cả nước, không những ở những địa bàn có những

điều kiện để săn bắt động vật hoang dã mà còn ở những khu vực khác, kể cả các cộng đồng, khu dân cư đông đúc. Những cá thể động vật hoang dã quý, hiếm, trong đó có nhiều loài thuộc danh mục ưu tiên bảo vệ bị nuôi, nhốt công khai trong gia đình hoặc tại các nhà hàng ở Việt Nam để làm thú cảnh, để khai thác (ví dụ như khai thác mật gấu), hoặc để bán làm thực phẩm, thuốc...

Nuôi, nhốt động vật hoang dã không chỉ vi phạm pháp luật mà còn tiềm ẩn nhiều rủi ro cho chính người nuôi và mọi người xung quanh, bởi lẽ động vật hoang dã khi bị cách ly khỏi môi trường sống tự nhiên sẽ trở nên hung dữ bất thường (ví dụ, đã có những trường hợp gấu hoặc khỉ, hổ bị nuôi, nhốt lâu ngày trở nên kích động đã tấn công con người). Khi người bị động vật hoang dã nuôi, nhốt, cần có thể bị lây truyền các bệnh dịch nguy hiểm như dại, ký sinh trùng,...

Hiện tại, trong hệ thống pháp luật Việt Nam về bảo vệ động vật hoang dã, Điều 13 Nghị định 160/2013/NĐ-CP quy định về việc nuôi, trồng loài thuộc danh mục loài được ưu tiên bảo vệ chỉ cho phép nuôi, trồng loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ khi đáp ứng được các điều kiện như có nguồn gốc hợp pháp và việc nuôi đó phục vụ mục đích bảo tồn đa dạng sinh học, nghiên cứu khoa học và tạo giống ban đầu. Hộ gia đình hoặc cơ sở nuôi, trồng phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép hoặc phải khai báo với chính quyền địa phương sở tại và thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh.

Bên cạnh đó, Nghị định 06/2019/NĐ-CP quy định hoạt động nuôi, trồng động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm. Theo Điều 15 Nghị định này, điều kiện nuôi động vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục CITES như sau:

- Đảm bảo nguồn gốc hợp pháp: khai thác hợp pháp; mẫu vật sau xử lý tịch thu theo quy định của pháp luật; nhập khẩu hợp pháp hoặc mẫu vật từ cơ sở nuôi hợp pháp khác.

- Chuồng, trại được xây dựng phù hợp với đặc tính của loài nuôi; bảo đảm các điều kiện an toàn cho người và vật nuôi, vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh.

- Loài nuôi là loài được Cơ quan khoa học CITES Việt Nam công bố có khả năng sinh sản liên tiếp qua nhiều thế hệ trong môi trường có kiểm soát; và được Cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản việc nuôi sinh sản, sinh trưởng không làm ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài nuôi và các loài có liên quan trong tự nhiên.

- Có phương án nuôi theo Mẫu số 04, Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định.

Điều 11 Nghị định 06/2019/NĐ-CP quy định về điều kiện nuôi động vật rừng thông thường: tổ chức, cá nhân đảm bảo nguồn gốc động vật rừng và an toàn cho con người; thực hiện các quy định của pháp luật về môi trường, thú y; lập sổ theo dõi vật nuôi.

Như vậy, pháp luật Việt Nam đã có những quy định chặt chẽ về vấn đề nuôi, nhốt động vật hoang dã, song thực tế cho thấy việc thực thi pháp luật về vấn đề này còn hạn chế.

Hậu quả là, trong thực tế, nhiều hộ gia đình và cơ sở nuôi, nhốt động vật hoang dã ở Việt Nam không có các loại giấy tờ hợp pháp để chứng minh nguồn gốc động vật, thậm chí không có giấy đăng ký, giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Điều kiện nuôi, nhốt động vật hoang dã phần lớn không đáp ứng yêu cầu.

Đối chiếu các hiện tượng tiêu cực trên với những quy định pháp luật về tham nhũng, có thể thấy tham nhũng trong lĩnh vực nuôi, nhốt động vật hoang dã có thể xảy ra dưới dạng các hành vi như nhận hối lộ để lờ đi những vi phạm pháp luật của người có nuôi, nhốt động vật hoang dã trái phép; những nhiều vì vụ lợi trong khi cấp phép cho các dự án, trang trại hay các hộ dân xin phép nuôi, nhốt động vật hoang dã; không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi khi thanh tra, kiểm tra việc nuôi, nhốt động vật hoang dã; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi trong hoạt động nuôi, nhốt động vật hoang dã. Trong thực tế, việc buông lỏng hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực nuôi, nhốt động vật hoang dã ở nước ta thời gian vừa qua đã khiến cho hành vi tham nhũng trong lĩnh vực này diễn ra ở một số địa phương.

4.2.2. Thực tiễn phòng, chống tham nhũng trong thực thi pháp luật về săn bắt, tàng trữ và vận chuyển động vật hoang dã

Trong lịch sử, Việt Nam đã từng là quốc gia nguồn, tiêu thụ và cung cấp động vật hoang dã trái pháp luật ra thị trường

quốc tế. Tuy nhiên, trong vài thập kỷ qua, do rừng tự nhiên đã bị tàn phá đến cạn kiệt, nhiều loài động vật hoang dã biến mất hoặc chỉ còn rất ít, dẫn đến sự thiếu hụt nguồn động vật hoang dã trong nước, từ đó Việt Nam dần mất đi vị trí là một trung tâm cung cấp động vật hoang dã bất hợp pháp. Thay vào đó, Việt Nam ngày càng đóng vai trò là quốc gia trung chuyển động vật hoang dã sang nước khác. Trước đây, Việt Nam trung chuyển động vật hoang dã từ các quốc gia Đông Nam Á (ví dụ như tê tê, hổ, một số loài bò sát và linh trưởng từ Lào, Campuchia, Myanmar và Indonesia qua các cửa khẩu như Lao Bảo (Quảng Trị), Cha Lo (Quảng Bình) và Cầu Treo (Hà Tĩnh))¹, song kể từ năm 2004 đến nay, Việt Nam nổi lên là nơi trung chuyển ngà voi và sừng tê giác bất hợp pháp từ các nước châu Phi, đặc biệt là Nam Phi, sang Trung Quốc, chủ yếu qua đường hàng không (sân bay Nội Bài và sân bay Tân Sơn Nhất) và đường biển (cảng Hải Phòng)². Điều này là bởi nhu cầu tiêu thụ động vật hoang dã tại Việt Nam vẫn tồn tại, nhưng khiêm tốn hơn nhiều so với thị trường quốc tế lớn nhất là Trung Quốc³.

Xét về mặt địa lý, theo đánh giá của Cục Kiểm lâm, “các vi phạm về săn bắt, mua bán, vận chuyển trái pháp luật động

¹ Tanya Wyatt và Kelly Johnson & Laura Hunter & Ryan George & Rachel Gunter, tldd, tr.19.

² Tanya Wyatt & Kelly Johnson & Laura Hunter & Ryan George & Rachel Gunter, tldd, tr.19.

³ Tanya Wyatt & Kelly Johnson & Laura Hunter & Ryan George & Rachel Gunter, tldd, tr.19.

vật hoang dã thường xảy ra ở những địa phương còn nhiều rừng tự nhiên và những tỉnh giáp ranh biên giới Việt - Lào, Campuchia, Trung Quốc”¹.

Nếu như chủ thể vi phạm pháp luật về săn bắt và tàng trữ động vật hoang dã với số lượng ít chủ yếu là những thợ săn và người kinh doanh nhỏ ở Việt Nam, thì chủ thể vi phạm pháp luật về tàng trữ với số lượng lớn và vận chuyển động vật hoang dã ra nước ngoài để bán là những cá nhân, doanh nghiệp và băng nhóm buôn lậu, cả ở Việt Nam và nước ngoài. Trong trường hợp vận chuyển động vật hoang dã từ nước ngoài về Việt Nam thì chủ thể còn có thể là cán bộ cơ quan ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài.

Theo pháp luật hiện hành của Việt Nam, cơ quan kiểm lâm giữ vai trò chủ đạo trong kiểm soát việc săn bắt, tàng trữ và vận chuyển động vật hoang dã. Theo quy định tại Điều 104 Luật Lâm nghiệp 2017, cơ quan kiểm lâm có thẩm quyền trong “Tổ chức đấu tranh phòng ngừa, kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm pháp luật trong bảo vệ rừng, khai thác rừng, sử dụng rừng, vận chuyển, kinh doanh, cất giữ, chế biến lâm sản theo quy định của pháp luật”. Bởi vậy, thẩm quyền của kiểm lâm trong quản lý việc săn bắt, tàng trữ, vận chuyển động vật hoang dã là rất lớn. Ngoài kiểm lâm, trên thực tế, chủ thể có liên quan trong giám sát việc vận chuyển tàng trữ động vật hoang dã là các lực

¹ Lưu Hương, “Nâng cao hiệu quả bảo vệ động vật hoang dã ở Việt Nam”, Link: <http://baochinhphu.vn/Phap-luat/Nang-cao-hieu-qua-bao-ve-dong-vat-hoang-da-o-Viet-Nam/371118.vgp>

lượng quản lý thị trường, cảnh sát môi trường, cảnh sát điều tra, công an cửa khẩu, biên phòng, hải quan.

Về rủi ro tham nhũng, tất cả các chủ thể quản lý nhà nước đã nêu ở trên đều có thể thực hiện hành vi tham nhũng trong công tác quản lý, giám sát các hoạt động săn bắt, tàng trữ và vận chuyển động vật hoang dã. Hành vi tham nhũng rất đa dạng, ví dụ như việc cơ quan có thẩm quyền cấp phép tùy tiện cho hoạt động săn bắt, vận chuyển hay tàng trữ động vật hoang dã; cơ quan biên phòng, hải quan “bỏ lơ” hay nhận hối lộ, hoặc bảo kê để cho qua các lô hàng vận chuyển động vật hoang dã; cơ quan cảnh sát không khởi tố hay điều tra các hành vi săn bắt, vận chuyển, tàng trữ động vật hoang dã, hoặc biến thủ động vật hoang dã hoặc sản phẩm từ động vật hoang dã bị thu giữ... Tham nhũng cũng được thực hiện dưới hình thức sử dụng giấy tờ gian lận hoặc giả mạo nhằm hợp pháp hóa một số loài động vật hoang dã thành động vật nuôi sinh sản để có thể được phép vận chuyển mà không bị kiểm tra, ví dụ, như bò sát, rùa. Tình vi hơn, còn có hình thức tham nhũng thông qua việc giả mạo các mô hình “thí điểm” nuôi, trồng động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm núp danh bảo tồn nhưng thực chất là để khai thác động vật hoang dã trái pháp luật (ví dụ như vụ Nguyễn Mậu Chiến giả mạo nuôi thí điểm vì mục đích nghiên cứu bảo tồn 12 cá thể hổ ở Thanh Hoá, bị phát hiện vào tháng 12/2008)¹.

¹ X. Hoa, “Luật “mở” cho nuôi hổ tùy tiện: Bé trai Thanh Hoá bị hổ vồ”, Link: <http://baophapluat.vn/ban-doc/luat-mo-cho-nuoi-ho-tuy-tien-be-trai-thanh-hoa-bi-ho-vo-338779.html>

Thời gian qua, công tác quản lý nhà nước về giết mổ, tàng trữ, vận chuyển động vật hoang dã ở Việt Nam đã được cải thiện, vì vậy đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Đã có nhiều vụ việc vi phạm pháp luật về săn bắt, tàng trữ, vận chuyển động vật hoang dã được phát hiện và xử lý, trong đó có nhiều vụ án lớn đã được đưa ra xét xử. Tính từ ngày 01/01/2018 - 31/5/2019, lực lượng kiểm lâm toàn quốc bắt giữ và xử lý 560 vụ vi phạm chế độ quản lý, bảo vệ động vật rừng, trong đó, lập hồ sơ xử lý hình sự 41 vụ, tịch thu 945 cá thể và 15.761,92 kg động vật rừng các loại; lập hồ sơ xử lý hành chính 519 vụ, tịch thu 6.151 cá thể và 11.196,92 kg động vật rừng các loại, tổng tiền phạt hành chính hơn 4,2 tỷ đồng¹. Năm 2015, Tòa án nhân dân tối cao đã xét xử 36 vụ vận chuyển động vật hoang dã trái pháp luật. Con số tương ứng của các năm 2016, 2017 là 84 và 87².

Trong mấy năm qua, Nhà nước cũng đã có nhiều sửa đổi khung pháp luật để có thể xử lý hiệu quả hơn các hành vi vi phạm pháp luật về săn bắt, tàng trữ, vận chuyển động vật hoang dã. Cụ thể, như đã đề cập ở phần trên, BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã sửa đổi, bổ sung hai Điều 234 và 244, trong đó tách riêng hai nhóm tội phạm về động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm và nhóm động vật hoang dã khác. Một số chuyên gia đánh giá là đây là quy định “cấp tiến” nhất

¹ Lưu Hương, “Nâng cao hiệu quả bảo vệ động vật hoang dã ở Việt Nam”, t.tđd.

² Nguyễn Thương, Kỳ 6: Xử lý tội phạm động vật hoang dã: Luật đã gỡ nhưng thực thi còn “bí”, Link: <https://baovemoitruong.org.vn/ky-6-xu-ly-toi-pham-dong-vat-hoang-da-luat-da-go-nhung-thuc-thi-con-bi/>

từ trước tới nay về xử lý tội phạm về động vật hoang dã¹. Với sự sửa đổi đó, phạm vi điều chỉnh của BLHS 2015 đã được mở rộng và cơ bản đã bao trùm được toàn bộ vi phạm liên quan đến các loài động vật hoang dã trong Công ước CITES. Ngoài ra, theo Điều 234 và 244 của BLHS 2015, cả mức phạt tiền và án phạt mới đều tăng mạnh, phạt tiền tối đa 15 tỉ đồng đối với pháp nhân và án phạt cao nhất 15 năm tù đối với cá nhân – tăng hơn hai lần so với BLHS trước. Đặt trong bối cảnh BLHS 2015 được xây dựng theo hướng giảm nhẹ nhiều hình phạt, trong đó nhiều tội danh bỏ hình phạt tử hình, thì việc các tội phạm liên quan đến động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm được tăng nặng khung hình phạt cho thấy quyết tâm mạnh mẽ của Nhà nước Việt Nam trong việc thực thi cam kết với cộng đồng quốc tế về đấu tranh chống tội phạm về động vật hoang dã.

Bên cạnh việc sửa đổi khuôn khổ pháp luật, sự “vào cuộc” tích cực của các tổ chức xã hội trong phối hợp với các cơ quan nhà nước trong thời gian qua cũng góp phần nâng cao hiệu quả xử lý những vi phạm pháp luật về săn bắt, tàng trữ, vận chuyển động vật hoang dã; cũng như tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan thực thi pháp luật về bảo tồn động vật hoang dã. Ví dụ: Thông qua chương trình hợp tác với WCS, Ủy ban Tư pháp Quốc hội đã tổ chức đoàn khảo sát về tình hình đấu tranh, phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm về bảo vệ động vật hoang dã nguy cấp,

¹ Nguyễn Thương, tldđ.

quý hiếm giai đoạn từ ngày 01/01/2018 - 31/01/2019 tại các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Đắk Nông, Bình Phước, Lâm Đồng nhằm nghiên cứu, tìm hiểu về tình hình đấu tranh phòng ngừa tội phạm, vi phạm pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm; những kết quả đạt được, những hạn chế, vướng mắc và phương hướng khắc phục trong thời gian tới. Viện kiểm sát nhân dân tối cao phối hợp chặt chẽ với WCS để tích cực truyền thông về tình hình xử lý vi phạm đối với các hành vi tàng trữ, giết mổ, vận chuyển động vật hoang dã, cũng như thực hiện hoạt động thống kê số liệu tội phạm về động vật hoang dã đảm bảo tính công khai, minh bạch về số lượng vụ việc vi phạm. Các cơ quan của Chính phủ như Bộ Tư pháp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban Pháp luật Quốc hội đã tích cực rà soát, đánh giá, xây dựng văn bản hướng dẫn và góp ý về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã¹.

Đáng chú ý, từ năm 2010, nhằm tăng cường sự phối hợp liên ngành cũng như nâng cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan liên quan trong quản lý động vật hoang dã và thực thi CITES, mạng lưới thực thi pháp luật phòng chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã (VN-WEN) được thiết

¹ WCS Việt Nam: <https://vietnam.wcs.org/Our-work/Influencing-Government-Stakeholders.aspx>

lập và duy trì hoạt động gồm 13 cơ quan thành viên¹ thuộc 05 Bộ, ngành trong đó Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đóng vai trò chủ trì. Ban chỉ đạo liên ngành VN-WEN đã tích cực đánh giá và đề xuất các chủ trương, chiến lược, kế hoạch về kiểm soát buôn bán các loài động vật hoang dã theo đúng pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế; chỉ đạo phối hợp đấu tranh với các hành vi vi phạm về quản lý động vật hoang dã, tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân, điều phối các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa và đấu tranh với nạn buôn bán động vật hoang dã trái pháp luật

4.2.3. Thực tiễn phòng, chống tham nhũng trong thực thi pháp luật về kinh doanh và tiêu thụ động vật hoang dã

Tương tự như nuôi, nhốt, vận chuyển, tàng trữ..., ở Việt Nam hiện nay vẫn còn tồn tại các hoạt động kinh doanh và tiêu thụ động vật hoang dã bất hợp pháp. Vì lợi nhuận nên nhiều nhà hàng, quán ăn ở nhiều vùng trên cả nước đã bất chấp pháp luật, công khai giết mổ, vô tư bày bán các sản phẩm được chế biến từ động vật hoang dã quý hiếm. Điều đáng nói,

¹ Gồm: Cơ quan quản lý CITES Việt Nam, Cục Kiểm lâm, Cục Thú y, Vụ Bảo tồn và Phát triển nguồn lợi thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Bảo tồn đa dạng sinh học thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Cục Điều tra chống buôn lậu thuộc Bộ Tài chính, Cục Cảnh sát môi trường, Cục An ninh kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp, Cục Đối ngoại thuộc Bộ Công an, Cục phòng, chống tội phạm ma túy thuộc Bộ Quốc phòng, Cục Quản lý thị trường thuộc Bộ Công Thương, Vụ 3 thuộc VKSNDTC, Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học thuộc TANDTC.

những cơ sở này lại được nhiều người biết đến, thậm chí rất nổi tiếng vì có những món đặc sản được coi là đặc trưng của khu vực¹. Ngoài các cửa hàng bán những món ăn từ động vật hoang dã, hiện nay nhiều mặt hàng là sản phẩm được chế biến từ động vật hoang dã cũng được bán trôi nổi trên thị trường, trong đó bao gồm cả sừng tê giác, móng cạp, móng beo, lông đuôi voi, ngà voi... Một số mặt hàng được đồn thổi là có giá trị về tâm linh để bán với giá rất đắt đỏ².

Thực trạng trên cho thấy sự lỏng lẻo trong thực thi pháp luật về kinh doanh và tiêu thụ động vật hoang dã, trong đó trách nhiệm thuộc về một số lực lượng chính là quản lý thị trường, cảnh sát môi trường, cảnh sát điều tra... Hành vi tham nhũng ở đây có thể là việc các lực lượng chức năng nhận hối lộ để bỏ qua những vi phạm, hoặc ở mức độ cao hơn là cấp giấy phép kinh doanh trái pháp luật và/hoặc “bảo kê” cho các nhà hàng và cơ sở khác có hoạt động kinh doanh và tiêu thụ động vật hoang dã trái pháp luật.

Trong thực tế, Việt Nam hiện chưa có khuôn khổ pháp lý đầy đủ trong việc phòng, chống kinh doanh trái phép động vật hoang dã. Việc tiêu thụ sản phẩm từ động vật hoang dã hiện nay chưa được quy định cụ thể. Mặc dù vấn đề tiêu thụ sản phẩm từ động vật hoang dã trước đây đã được đề cập

¹ Mai Cường, “Bí mật bên trong những nhà hàng chuyên “xẻ thịt” động vật hoang dã”, <https://www.thiennhien.net/2017/07/05/bi-mat-ben-trong-nhung-nha-hang-chuyen-xe-thit-dong-vat-hoang-da/>

² Mai Cường, tldd.

trong Luật Bảo vệ và Phát triển rừng 2004, tuy nhiên đến Luật Lâm nghiệp 2017 lại không quy định nội dung này.

Về mặt chính sách, Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 tiếp tục đặt ra nhiệm vụ “Ban hành và tổ chức thực hiện các quy định đặc thù về kiểm tra, xử lý hoạt động vận chuyển, tiêu thụ trái phép các loài được ưu tiên bảo vệ, cấm, hạn chế khai thác ngoài tự nhiên theo hướng tăng cường sự tham gia của cộng đồng, tăng các chế tài xử lý các hành vi vi phạm”. Đây là những định hướng chính sách về kiểm soát và ngăn chặn các hành vi kinh doanh, tiêu thụ trái phép động vật hoang dã, là cơ sở để xây dựng, tổ chức thực hiện các biện pháp cụ thể. Tương tự, trước đó, trong Kế hoạch hành động quốc gia năm 2007 về đa dạng sinh học đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, thực hiện Công ước Đa dạng sinh học (CBD) và Nghị định thư Cartagena về an toàn sinh học, Nhà nước Việt Nam cũng nhấn mạnh: “Xây dựng và phát triển mô hình sử dụng bền vững tài nguyên sinh vật; kiểm soát phòng ngừa, ngăn chặn và loại trừ việc khai thác, kinh doanh, tiêu thụ các động, thực vật hoang dã quý, hiếm, nguy cấp...”.

Hiện tại, xét về mặt hành chính, Nghị định 06/2019/NĐ-CP mới chỉ có một quy định (Điều 29) về điều kiện trong chế biến, kinh doanh, quảng cáo, trưng bày mẫu vật các loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục CITES. Còn về mặt hình sự, BLHS năm 2015 đã bổ sung Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã tại Điều 234 để xử lý các hành vi xâm hại đến các loài thuộc Phụ lục CITES và động vật thông thường,

thay vì chỉ xử lý theo danh mục các loài quý hiếm của Việt Nam như cách quy định của BLHS 1999. Việc cập nhật danh mục động vật hoang dã mới đã giúp tránh được những khoảng trống xảy ra tham nhũng trong quản lí kinh doanh các loài động vật thuộc các Phụ lục CITES nhưng chưa được liệt kê tại BLHS 1999. Tuy nhiên, cả trong hai văn bản pháp luật hành chính và hình sự đã nêu đều chưa quy định cụ thể về việc tiêu thụ sản phẩm từ động vật hoang dã.

Nhìn chung, pháp luật Việt Nam mới chỉ có những quy định gián tiếp tác động đến việc tiêu thụ sản phẩm từ động vật hoang dã. Những quy định trong việc bảo quản và xử lý động vật hoang dã bị tịch thu từ các hành vi buôn bán, vận chuyển, tàng trữ trái pháp luật động vật hoang dã góp phần làm giảm thiểu rủi ro tiêu thụ tang vật và phù hợp với các cam kết và khuyến nghị quốc tế, cụ thể như sau:

- Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 quy định về xử lý vật chứng: trong đó điểm d khoản 3 quy định vật chứng là động vật hoang dã thì ngay sau khi có kết luận giám định phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Điều 7 Nghị quyết 05/2018/NQ-HĐTP ngày 05/11/2018 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 234 về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, Điều 244 về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Bộ luật Hình sự và Điều 106 về xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử của Bộ luật Tố tụng hình sự hướng dẫn như sau:

+ Vật chứng là động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm còn sống thì ngay sau khi có kết luận giám định phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để trả về tự nhiên, giao cho trung tâm cứu hộ, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia hoặc giao cho cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

+ Vật chứng là cá thể động vật chết hoặc sản phẩm động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm thuộc loại mau hỏng, khó bảo quản thì tiêu hủy hoặc giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Vật chứng khác không thuộc các trường hợp trên thì tịch thu hoặc tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

+ Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý vật chứng là động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm hoặc sản phẩm của chúng được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và văn bản hướng dẫn thi hành.

- Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định xử lý động vật rừng là tang vật, vật chứng; động vật rừng do tổ chức, cá nhân tự nguyện giao nộp Nhà nước quy định các hình thức xử lý tang vật:

+ Thả lại động vật rừng về môi trường tự nhiên;

+ Cứu hộ động vật rừng;

+ Chuyển giao động vật rừng cho vườn động vật, cơ sở nghiên cứu khoa học, đào tạo, giáo dục môi trường, bảo tàng chuyên ngành;

+ Bán động vật rừng;

+ Tiêu hủy động vật rừng.

- Điều 32 Nghị định 06/2019/NĐ-CP quy định xử lý mẫu vật bị tịch thu của các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục CITES:

+ Xử lý mẫu vật động vật sống, thực vật sống bị tịch thu theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này¹.

¹ Điều 10. Xử lý mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm sau tịch thu

1. Xử lý mẫu vật sống:

a) Việc xử lý tịch thu phải chăm sóc mẫu vật, tránh rủi ro để mẫu vật bị chết;

b) Ngay sau xử lý mẫu vật theo quy định của pháp luật phải bàn giao cho cơ quan Kiểm lâm sở tại để tổ chức chăm sóc và bảo quản mẫu vật. Đối với mẫu vật sống xử lý theo thứ tự ưu tiên sau: Thả lại môi trường tự nhiên phù hợp với sinh cảnh và phân bố tự nhiên của loài nếu mẫu vật khỏe mạnh; hoặc chuyển giao cho cơ sở cứu hộ động vật, vườn động vật hoặc vườn thực vật nếu mẫu vật yếu cần cứu hộ hoặc tiêu hủy.

2. Mẫu thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm không thuộc các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này xử lý như sau:

a) Mẫu vật các loài Nhóm IA, IB thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài sản công;

b) Mẫu vật các loài Nhóm IIA, IIB chuyển giao cho tổ chức khoa học, đào tạo, giáo dục môi trường, bảo tàng chuyên ngành để trưng bày vì mục đích giáo dục bảo tồn; bán đấu giá cho tổ chức, cá nhân nuôi, trồng, chế biến, kinh doanh theo quy định của pháp luật; hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể thực hiện các biện pháp xử lý khác.

+ Xử lý mẫu vật bị tịch thu và có kết luận của cơ quan kiểm dịch xác nhận là mang dịch bệnh truyền nhiễm thì thực hiện việc tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

+ Mẫu vật bị tịch thu có nguồn gốc nước ngoài thì Giám đốc Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam xem xét, quyết định việc trả lại mẫu vật cho nước xuất xứ đối với mẫu vật quy định tại các Phụ lục CITES xác định được nước xuất xứ. Đối với các mẫu vật bị tịch thu trong trường hợp không có nơi cất giữ đảm bảo thì cơ quan bắt giữ lập biên bản, chuyển giao cho cơ quan Kiểm lâm sở tại đối với mẫu vật thực vật rừng, động vật rừng; cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản cấp tỉnh đối với mẫu vật các loài thủy sản; cơ sở có khả năng cứu hộ đối với mẫu vật sống hoặc cơ quan kiểm dịch động vật, thực vật gần nhất để xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, phù hợp với Công ước CITES.

Ngoài quy định cụ thể hơn về tiêu thụ sản phẩm từ động vật hoang dã cần được bổ sung, vẫn còn có một số quy định khác có liên quan cần tiếp tục được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, cụ thể như sau:

- Thứ nhất, theo điểm b khoản 2 Điều 29 Nghị định 06/2019/NĐ-CP, việc chế biến, kinh doanh, quảng cáo, trưng bày mẫu vật cũng được cho phép nhưng không gắn kèm với quy định phù hợp về cơ chế kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng trước khi tiến hành chế biến, kinh doanh. Mặc dù khoản 3 Điều 29 có quy định về việc kiểm tra, quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm chế biến nhưng quy định này vẫn chưa đảm bảo được quá trình kiểm tra trước khi tiến hành giết mổ/chế biến.

Thứ hai, điểm c khoản 2 Điều 29 Nghị định 06/2019/NĐ-CP cho phép chế biến, kinh doanh, quảng cáo, trưng bày mẫu vật các loài thuộc Phụ lục II CITES sau xử lý tịch thu, nhưng không quy định rõ việc này chỉ được thực hiện sau khi có xác nhận về tình trạng không thể duy trì sự sống của động vật bị tịch thu hay không. Đây cũng là một trong những nội dung cần sửa đổi, bổ sung để tạo cơ sở pháp lý vững chắc hơn trong quá trình thực thi và qua đó hạn chế khả năng tham nhũng trong các hoạt động kinh doanh, buôn bán này.

Thứ ba, trong bối cảnh phát triển rất mạnh mẽ của các nền tảng thương mại điện tử và kinh doanh trực tuyến, việc buôn bán và tiêu thụ động vật hoang dã trên không gian mạng đang là một thách thức lớn với các quốc gia trong đó có Việt Nam. Điều này đòi hỏi phải quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý không gian mạng trong việc rà soát và kiểm chế các hình thức buôn bán trực tuyến động vật hoang dã trái pháp luật. Mặc dù vậy, Việt Nam hiện chưa có đầy đủ quy định pháp luật phù hợp, đặc biệt liên quan đến cấp giấy phép kinh doanh trực tuyến, tẩy rửa tài sản do phạm tội mà có và cơ chế kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh động vật hoang dã trên không gian mạng.

Thứ tư, trong thực tế, quá trình bảo quản và xử lý động vật hoang dã bị tịch thu thường rất phức tạp do các quy định nằm trong nhiều văn bản khác nhau và chủ thể thực hiện cũng đa dạng dẫn đến rủi ro tham nhũng cao¹. Ví dụ điển hình trong

¹ Thực hiện một trong số các giải pháp theo khuyến nghị của CITES đối với động vật hoang dã còn sống, các giải pháp khác đối với động vật hoang dã đã chết và các giải pháp đối với bộ phận cơ thể, sản phẩm từ động vật hoang dã.

việc này là vụ việc xảy ra tại Cục Hải quan Hà Nội tháng 4 năm 2017, trong đó Phạm Minh Hoàng (thủ kho quản lý tang vật thuộc bộ phận phòng, chống buôn lậu và xử lý vi phạm của Cục Hải quan Hà Nội) đã cấu kết cùng Trần Trọng Cường lấy 240 kg ngà voi, 6 kg sừng tê giác thật trong kho đem bán và đánh tráo bằng ngà voi giả, sừng tê giác giả làm bằng gỗ và bằng nhựa. Vụ việc nêu trên cho thấy cơ chế quản lý, giám sát của nhà nước đối với quá trình bảo quản tang vật là động vật hoang dã còn thiếu chặt chẽ, cần được rà soát để củng cố.

4.2.4. Huy động sự tham gia của xã hội vào phòng, chống tham nhũng trong thực thi pháp luật về bảo tồn động vật hoang dã ở Việt Nam

Huy động sự tham gia của xã hội là một yêu cầu không thể thiếu trong phòng, chống tham nhũng. Vấn đề này đã được quy định cả trong Công ước chống tham nhũng của Liên hợp quốc và Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 của Việt Nam. Dù ở lĩnh vực hay trạng thái nào thì tham nhũng đều có cùng bản chất, vì vậy việc huy động sự tham gia của xã hội cũng cần thiết cho việc phòng, chống tham nhũng trong thực thi pháp luật về buôn bán động vật hoang dã.

Sự tham gia của xã hội là một khái niệm mang tính chất khái quát. Theo nghĩa cụ thể, khái niệm này chỉ sự tham gia của người dân, các tổ chức xã hội (ở đây được hiểu bao gồm cả các tổ chức xã hội do Nhà nước lập ra và các tổ chức phi chính phủ, các nhóm cộng đồng..), cơ quan báo chí trong phòng, chống tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã, trong đó sự tham gia của các tổ chức xã hội có ý nghĩa quan trọng nhất.

Ở Việt Nam hiện nay, sự tham gia của xã hội trong phòng chống tham nhũng nói chung, trong phòng chống tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã nói riêng đều còn khá khiêm tốn, do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan. Sự tham gia đó hiện mới chỉ được thực hiện thông qua sự phản ánh của các cơ quan báo chí, và một phần thông qua một vài hoạt động của một số tổ chức xã hội. Việt Nam chưa có một diễn đàn hay tổ chức xã hội nào hoạt động chuyên về phòng, chống tham nhũng nói chung, phòng, chống tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã nói riêng. Một khi chưa hình thành các diễn đàn và tổ chức xã hội như vậy, sự tham gia của xã hội sẽ chưa thể toàn diện, liên tục, bền vững và chuyên sâu.

Nguyên nhân của thực trạng trên bao gồm: truyền thống hoạt động hội đoàn chưa được chú trọng; khuôn khổ pháp lý cho hoạt động hội đoàn chưa thuận lợi (pháp luật về hội chưa hoàn thiện và chưa thực sự khuyến khích sinh hoạt hội đoàn); vấn đề bảo tồn động vật hoang dã còn khá mới mẻ ở Việt Nam, chưa thu hút được sự quan tâm lớn của công chúng so với các chủ đề khác (cứu tế, hội nghề nghiệp...); nguồn lực của các hiệp hội còn hạn chế...

Xét chung, sự tham gia xã hội vào phòng, chống tham nhũng trong thực thi pháp luật về buôn bán động vật hoang dã ở Việt Nam còn rất hạn chế so với nhiều quốc gia khác, và chưa tương xứng với tầm quan trọng của vấn đề này ở nước ta hiện nay.

Vai trò khiêm tốn của các tổ chức xã hội trong nước được bù đắp phần nào bởi sự tham gia tích cực của các tổ chức phi chính phủ quốc tế hoạt động trong lĩnh vực bảo tồn động vật hoang dã tại Việt Nam. Với nguồn lực về tài chính cũng như nhân lực, chuyên môn cao, các tổ chức phi chính phủ quốc tế đã và đang hỗ trợ đắc lực cho chính quyền trong việc bảo tồn động vật hoang dã, nâng cao ý thức của người dân và kể cả phòng chống tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã. Đặc biệt, các tổ chức này còn hỗ trợ các cơ quan chức năng của Việt Nam ký các biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác, tổ chức các cuộc họp song phương và đa phương nhằm tăng cường hợp tác đấu tranh chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã. Một số ví dụ tiêu biểu là Tổ chức WCS, WWF, ENV.

Hoạt động tại Việt Nam từ năm 2006, Tổ chức WCS đã phối hợp với các đối tác chính phủ, tổ chức phi chính phủ, các cơ quan quốc tế, truyền thông và cộng đồng nhằm tăng cường năng lực và cam kết của các cơ quan thực thi pháp luật và cơ quan quản lý nhà nước trong cuộc đấu tranh chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã. Đồng thời thông qua các chiến dịch dài hạn, WCS hướng tới thay đổi thái độ và hành vi của chính đội ngũ cán bộ thực thi pháp luật trong quá trình tiến hành điều tra, truy tố, xét xử tội phạm về động vật hoang dã. Ngoài ra, WCS cũng góp phần thúc đẩy hoàn thiện môi trường chính sách, pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã, pháp luật về PCTN thông qua việc góp ý vào dự thảo văn bản pháp luật, tổ chức hội thảo tham vấn với sự tham gia của các cơ quan thực

thi pháp luật, tham gia hoạt động giám sát xã hội... WCS cũng tham gia tích cực vào việc đẩy mạnh hợp tác liên ngành và quốc tế nhằm đấu tranh với các đường dây tội phạm buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã xuyên quốc gia.

Tổ chức WWF được biết đến là một trong những tổ chức phi chính phủ quốc tế đầu tiên làm việc tại Việt Nam. Từ những năm của thập niên 1990, Tổ chức này đã hợp tác với Chính phủ Việt Nam trong các chương trình bảo tồn và phát triển bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên vì lợi ích của các thế hệ hiện tại cũng như tương lai. Thông qua việc tài trợ và thực hiện các chương trình với mục đích duy trì, bảo vệ và phát triển bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam, WWF đã đóng góp tích cực và hiệu quả trong việc bảo tồn động vật hoang dã và đa dạng sinh học, đặc biệt là trong việc quy hoạch sử dụng đất đai hợp lý, xây dựng các chính sách về kiểm soát, ngăn chặn buôn bán động vật hoang dã và thúc đẩy sản xuất bền vững đối với cả thị trường trong nước và quốc tế.

Dù chưa có các hiệp hội hùng mạnh chuyên về bảo tồn động vật hoang dã như các nước phát triển, nhưng gần đây, ở Việt Nam đã dần hình thành các tổ chức phi chính phủ trong nước hoạt động trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và bảo vệ môi trường... Được thành lập năm 2000, ENV là một trong những tổ chức đầu tiên tại Việt Nam chuyên sâu về lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã. Bằng các chiến lược mang tính đổi mới và sáng tạo cao, ENV góp phần từng bước thay đổi thái độ và hành vi của cộng đồng, giảm thiểu nhu cầu tiêu thụ các

sản phẩm từ động vật hoang dã. Bên cạnh đó, ENV cũng phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng nhằm tăng cường thể chế, chính sách và trực tiếp tham gia hỗ trợ các nỗ lực thực thi pháp luật trong công cuộc bảo vệ các loài động vật hoang dã đang bị đe dọa tại Việt Nam.

4.3. TĂNG CƯỜNG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG GẮN VỚI BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở VIỆT NAM

Về mặt vĩ mô, để tăng cường phòng, chống tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã ở Việt Nam, cần áp dụng những giải pháp chung mang tính chiến lược đã được đề cập ở Chương II. Bên cạnh đó, cần đồng thời áp dụng một số giải pháp phù hợp với hoàn cảnh đặc thù, cơ cấu tổ chức của các cơ quan thực thi pháp luật về bảo tồn động vật hoang dã và PCTN ở Việt Nam, cụ thể như sau:

4.3.1. Nâng cao năng lực quản trị của Nhà nước và thúc đẩy thực hành các nguyên tắc pháp quyền trong xã hội

Nâng cao năng lực quản trị cho bộ máy nhà nước là yêu cầu đặt ra với mọi lĩnh vực, nhưng đặc biệt quan trọng với việc phòng, chống tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã ở Việt Nam hiện nay. Điều đó là bởi hiệu quả quản trị nhà nước trong lĩnh vực này ở Việt Nam còn thấp. Mặc dù khung pháp luật ngày càng hoàn thiện, song việc thực thi pháp luật chưa nghiêm, các nguyên tắc pháp quyền chưa được tôn trọng đầy đủ, làm hạn chế khả năng kiểm soát tình trạng buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã và nạn tham nhũng đi kèm.

Việc nâng cao năng lực quản trị của Nhà nước và thúc đẩy thực hành các nguyên tắc pháp quyền cũng sẽ giúp giải quyết nhiều trở ngại, trong đó có trở ngại về văn hoá. Theo nghiên cứu của tác giả Tanya, “Điều quan trọng cần lưu ý là mối quan hệ gia đình và các mạng lưới quan hệ xã hội rộng lớn hơn cũng là một yếu tố để tham nhũng xảy ra trong hoạt động buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã ở Việt Nam”¹. Vì mối quan hệ này, cán bộ hoặc người lãnh đạo có thể hỗ trợ ở mức độ nhất định cho đối tượng buôn lậu động vật hoang dã². Thêm vào đó, người Việt Nam có truyền thống tặng quà và hành vi tặng quà đôi khi được sử dụng nhằm mục tiêu tham nhũng. Thực tế cho thấy, bên cạnh một khoản tiền, việc biếu các sản phẩm làm từ động vật hoang dã là cách mà các đối tượng buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã có thể thực hiện để hối lộ các quan chức. Đối diện với các nguyên nhân đó, cần tăng cường năng lực quản trị nhà nước và xây dựng thể chế pháp quyền.

4.3.2. Cải cách chính sách, pháp luật nhằm ngăn ngừa rủi ro tham nhũng liên quan tới buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã

Như đã đề cập ở trên, pháp luật về xử lý đối với hành vi săn bắt, nuôi, nhốt, giết mổ, tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái pháp luật động vật hoang dã ở Việt Nam gần đây đã được cập nhật, theo hướng nâng cao khung hình phạt đối với các hành vi vi phạm và mở rộng phạm vi chủ thể chịu trách nhiệm pháp lý

¹ Tanya Wyatt và Cao Ngọc Anh (2015), tldđ, tr. 22-23.

² Tanya Wyatt và Cao Ngọc Anh (2015), tldđ, tr. 22-23.

(cá nhân và các pháp nhân thương mại), từ đó tạo ra hiệu ứng cũng như áp lực đối với các hành vi đã thực hiện và tăng cường ý thức pháp luật trong xã hội về bảo tồn động vật hoang dã. Tuy nhiên vẫn còn một số hành vi cần được xử lý nghiêm khắc hơn, ví dụ hành vi lạm quyền trong cấp phép về nuôi, nhốt động vật hoang dã đối với các loài không được phép nuôi, nhốt. Các chuyên gia cũng khuyến nghị Việt Nam nên chấm dứt việc cho phép thí điểm nuôi, nhốt động vật hoang dã như hổ, vì các cơ sở nuôi, nhốt hổ hiện hành không có đóng góp đáng kể vào hoạt động bảo tồn loài hổ hoang dã tại Việt Nam, và hoạt động nuôi, nhốt hổ trái với Công ước CITES¹.

Trước mắt, một số vấn đề pháp lí cần được nghiên cứu bổ sung như sau:

- Bổ sung các quy định nhằm tăng cường vai trò của cơ quan thẩm quyền khoa học CITES, ít nhất là bắt buộc mọi thủ tục cấp phép của Cơ quan thẩm quyền quản lí CITES đều phải dựa trên sự sẵn có của một bản xác nhận cấp bởi cơ quan thẩm quyền khoa học CITES. Trong đó, giấy phép đối với việc nhập khẩu động vật hoặc nhập nội từ biển phải có xác nhận về khả năng không đe dọa đến *các loài có liên quan*. Việc bổ sung này không chỉ giúp tiệm cận hơn với các quy định của CITES mà còn giúp giảm bớt khả năng thao túng quá mức của một đơn vị quản lí cấp phép;

¹ UNODC, *Bộ công cụ phân tích Tội phạm về động, thực vật hoang dã và vi phạm lâm luật*, Báo cáo của đoàn công tác UNODC tại Việt Nam, tr.41, tại: https://www.unodc.org/documents/southeastasiaandpacific/Publications/wildlife/Vietnam_Toolkit_Report_VN_-_final.pdf

- Cùng cố các quy định pháp luật về kiểm soát xung đột lợi ích trong thực thi công vụ, trong đó chỉ rõ một số phương thức, biểu hiện xung đột lợi ích trong quản lý hoạt động kinh doanh, tiêu thụ động vật hoang dã. Đồng thời, cần tích cực thúc đẩy việc xây dựng và đưa vào thực tiễn các bộ quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong phòng, chống tham nhũng dành riêng cho lực lượng công vụ ở các ngành, lĩnh vực.

- Chú trọng hoạt động kiểm tra, phát hiện và xử lý các hành vi buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã và tẩy rửa tài sản có được từ kinh doanh trái phép động vật hoang dã trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật hình sự đối với tội phạm nguồn của tội phạm rửa tiền và khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm tài chính (FATF) về phòng, ngừa nguy cơ rửa tiền từ các hoạt động buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã.

- Cần xây dựng thêm các cơ chế tham gia của khu vực tư nhân và cơ chế giám sát xã hội đối với các hoạt động quản lý và thực thi pháp luật về phòng, chống buôn bán và tiêu thụ trái phép động vật hoang dã. Việc tham gia của khu vực tư nhân sẽ giúp hiệu quả giám sát được nâng cao và giảm được nguy cơ tham nhũng trong lĩnh vực này.

4.3.3. Nâng cao vai trò của các tổ chức xã hội và sử dụng truyền thông xã hội trong bảo tồn động vật hoang dã và phòng, chống tham nhũng

Đa dạng sinh học và bảo tồn động vật hoang dã có vai trò ngày càng quan trọng trong đời sống con người. Đối với những quốc gia đang phát triển như Việt Nam, bảo tồn động vật

hoang dã gặp nhiều thách thức do hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện, nguồn lực hạn chế, ý thức người dân chưa cao. Do đó, để bảo vệ đa dạng sinh học và bảo tồn động vật hoang dã có hiệu quả, cần phải thu hút sự quan tâm, ủng hộ và sự tham gia của mọi tổ chức, cá nhân trong xã hội trong quá trình giám sát quyền lực nhà nước, hỗ trợ quản trị quốc gia và thực hiện trách nhiệm công dân. Các chương trình truyền thông về phòng, chống tham nhũng trong lĩnh vực bảo vệ đa dạng sinh học cần được thiết kế phù hợp cho các nhóm đối tượng khác nhau như cộng đồng doanh nghiệp, đội ngũ cán bộ thực thi pháp luật, giới trẻ hoặc những người là nạn nhân của tình trạng tham nhũng...

Các tổ chức xã hội cần được tham gia giám sát tính công khai, minh bạch và hiệu quả hoạt động của các cơ quan chịu trách nhiệm quản lý và thực thi pháp luật về bảo tồn động vật hoang dã. Đồng thời, các tổ chức xã hội cũng cần được tham gia cơ chế đánh thực thi UNCAC và CITES tại Việt Nam để đảm bảo những rủi ro tham nhũng liên quan đến buôn bán trái phép động vật hoang dã được phản ánh trong báo cáo quốc gia về thực thi hai Công ước này tương tự như việc các nguy cơ rửa tiền từ tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã đã được phản ánh trong Báo cáo đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền 2012- 2017.

Thực tế cho thấy, báo chí đóng vai trò chủ chốt trong việc đảm bảo sự thành công của các hoạt động phòng, chống tham nhũng nói chung và chống tham nhũng trong buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã nói riêng. Nhà báo có vai trò

định hướng dư luận và tác động thay đổi hành vi về sử dụng và buôn bán các sản phẩm từ động vật hoang dã; đồng thời các kênh báo chí và truyền thông xã hội góp phần nâng cao ý thức của người dân trong công tác bảo tồn động vật hoang dã, thông qua việc khơi gợi tình yêu thiên nhiên hoang dã, phổ biến các quy định pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã, đưa tin, bài về các vụ bắt giữ buôn bán động vật hoang dã... Ngoài ra, báo chí và các kênh truyền thông xã hội giúp cho lực lượng chức năng khám phá, phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã; cũng như thúc đẩy việc phơi bày các hành vi tham nhũng, vận động công chúng tham gia phòng, chống tham nhũng thông qua các hoạt động cụ thể như sau:

- Phân tích, tham gia góp ý và điều tra cung cấp bằng chứng về các kẽ hở pháp luật liên quan đến bảo vệ động vật hoang dã; giám sát và vận động xử lý triệt để các hành vi buôn bán động vật hoang dã trái phép.

- Phân tích, định hướng và vận động cho các hoạt động tăng cường công khai, minh bạch, liêm chính và trách nhiệm giải trình của các cơ quan chức năng và đội ngũ cán bộ thực thi pháp luật.

4.3.4. Tăng cường hợp tác quốc tế trong xử lý tội phạm buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã xuyên quốc gia và thu hồi tài sản tham nhũng

Buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã hiện nay thường mang tính chất xuyên biên giới. Hành vi tham nhũng và việc che giấu tài sản tham nhũng có được từ các

hoạt động buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã cũng có thể được thực hiện ở phạm vi xuyên quốc gia. Chính vì vậy, rất cần có sự kết nối, hợp tác chặt chẽ giữa các quốc gia trong lĩnh vực này.

Hiện tại ở khu vực Đông Nam Á đã có một cơ chế có liên quan, đó là Hội nghị cấp Bộ trưởng ASEAN về buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã bất hợp pháp. Tuy nhiên, hiện nay Việt Nam và các nước Đông Nam Á đang đóng vai trò là điểm tiêu thụ hoặc trung chuyển động vật hoang dã bị buôn bán trái phép từ các nước châu Phi về. Để phát hiện, điều tra và xử lý nhanh chóng, kịp thời những hành vi buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã xuyên quốc gia và những hành vi tham nhũng đi kèm, Việt Nam cần tăng cường đàm phán và ký kết thêm các hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự với các quốc gia khác, đặc biệt là những quốc gia mà là nơi xuất phát hoặc nơi đến của động vật hoang dã bị buôn bán trái pháp luật. Trong các hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự đã hoặc sẽ ký kết với các nước, cần bổ sung nội dung mang tính đặc thù như tương trợ tư pháp trong việc giám định nguồn gốc động vật, sản phẩm động vật được buôn bán từ nước ngoài về Việt Nam. Đây được coi là một công cụ giúp giảm thiểu nguy cơ các vụ việc buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã có yếu tố nước ngoài bị đi vào ngõ cụt do thiếu thông tin, căn cứ để các cơ quan chức năng có cơ sở tiếp tục xử lý.

Bên cạnh đó, Nhà nước cũng cần tiếp tục tăng cường nâng cao năng lực cho các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử các

tội phạm về động vật vật hoang dã xuyên quốc gia, trong đó bao gồm các kỹ năng điều tra đặc biệt, cách thức phát hiện, thu giữ, bảo quản, xử lý vật chứng là động vật hoang dã; cách thức trưng cầu giám định và đánh giá kết quả giám định nhận dạng loài; và những nội dung khác liên quan đến hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp hình sự nhằm hạn chế những rủi ro tiêu cực do năng lực có hạn, ngại xử lý các vụ việc có yếu tố nước ngoài, “bắt tay” giữa cán bộ thực thi pháp luật và các băng nhóm tội phạm trong quá trình xử lý vật chứng... Nhà nước cũng cần phối hợp với các quốc gia khác (đặc biệt là các nước có mẫu vật bị buôn bán trái phép) xây dựng cơ sở dữ liệu ADN cho tất cả các loài động vật để giám sát các hoạt động buôn bán và giám định xác định nguồn gốc mẫu vật bị buôn bán trái phép một cách thuận lợi¹. Nhà nước cũng cần tăng cường hợp tác, liên hệ trao đổi thông tin giữa cơ quan tư pháp hình sự của Việt Nam và của các nước nhằm giúp các bên trao đổi thông tin trước về những yêu cầu tương trợ mới phát sinh, những vướng mắc trong quá trình thực hiện và những vấn đề cần làm rõ về quy trình tố tụng có liên quan trước khi gửi hồ sơ qua kênh chính thức².

¹ Duc Hanh Nguyen (2020), *International cooperation and mutual legal assistance in criminal matters in handling with transnational wildlife trafficking crimes in Vietnam*. E3S Web of Conferences 164, 11006.

² Nguyễn Cẩm Tú (2019), “Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự trong giải quyết các vụ án liên quan đến động vật hoang dã”, Tạp chí *Kiểm sát*, số 16, tr. 62-64.

Trong khi khuôn khổ pháp lý quốc tế về phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã chưa quy định cụ thể về định chế hợp tác quốc tế, hiệu quả của các hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự đối với công tác phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã giữa các quốc gia còn hạn chế, và trong bối cảnh phần lớn các quốc gia là thành viên của CITES cũng đồng thời là thành viên của UNCAC, UNCAC có thể được coi như cơ sở pháp lý để yêu cầu tương trợ tư pháp, dẫn độ tội phạm đối với nhóm tội phạm liên quan đến động vật hoang dã và thu hồi tài sản tham nhũng¹. Nếu xem xét hợp tác quốc tế trong phòng, chống buôn bán động vật hoang dã là việc các cơ quan có thẩm quyền ở các quốc gia hợp tác, hỗ trợ nhau để thực hiện các hoạt động phục vụ quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án nhằm thu thập chứng cứ, chứng minh tội phạm và thu hồi tài sản bất chính bị tẩu tán ra nước ngoài; thì UNCAC cung cấp những công cụ pháp lý và hỗ trợ kỹ thuật toàn diện cho những vấn đề trên. Ngoài ra, ở cấp độ quốc gia, UNCAC với cách tiếp cận toàn diện về phòng ngừa và thực thi luật PCTN hiệu quả, những nỗ lực nội luật hoá hệ thống pháp luật nội địa theo quy định của UNCAC sẽ loại trừ các tác nhân hỗ trợ, tạo điều kiện cho các hành vi tội phạm có liên quan đến động vật hoang dã.

¹ Đỗ Thu Huyền (2020), “Hợp tác quốc tế trong phòng, chống tham nhũng theo công ước LHQ và mức độ tương thích của pháp luật Việt Nam”. Tạp chí *Nội chính*, số 84, tr. 55-61.

Thu hồi và xử lý tài sản tham nhũng có liên quan đến việc buôn bán trái phép động vật hoang dã được hiểu là một quá trình mà trong đó các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện, truy tìm, phong toả, tạm giữ, tịch thu những tài sản do tham nhũng mà có liên quan đến buôn bán trái phép động vật hoang dã. Việc xác định dạng thức tồn tại của tài sản do tham nhũng có liên quan đến buôn bán trái phép động vật hoang dã như sau¹:

(i) Đối với tài sản tham nhũng có liên quan đến việc buôn bán trái phép động vật hoang dã là *bất cứ tài sản hoặc lợi ích nào có được trực tiếp hoặc gián tiếp từ hành vi tham nhũng* có liên quan đến buôn bán trái phép động vật hoang dã, căn cứ vào dạng thức tồn tại cụ thể của tài sản, các cơ quan chức năng tiến hành thu hồi trực tiếp tài sản hay giá trị tương đương của tài sản.

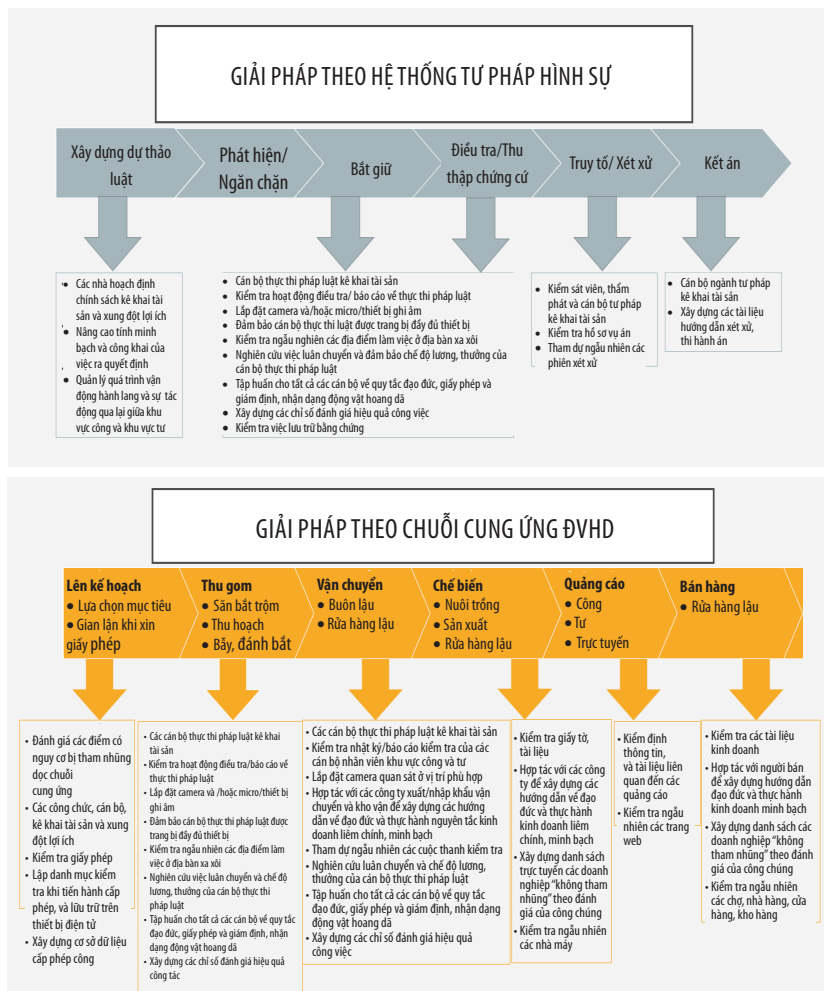
(ii) Đối với tài sản tham nhũng có liên quan đến việc buôn bán trái phép động vật hoang dã là *tài sản được sử dụng để thực hiện hành vi tham nhũng*. Khi vật phẩm hối lộ là các cá thể động vật hoang dã, các cơ quan chức năng có thể thực hiện thu hồi dựa trên tài sản và tiến hành tái thả động vật hoang dã được thu hồi về với tự nhiên trong thời gian nhanh nhất. Khi vật phẩm hối lộ là các sản phẩm từ động vật hoang dã, có

¹ Đỗ Thu Huyền (2020), “Kinh nghiệm quốc tế trong thu hồi, xử lý tài sản tham nhũng liên quan đến buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã và gợi mở cho Việt Nam”, Tạp chí *Nội chính*, số 82, tr. 51-56.

thể tiến hành thu hồi dựa trên tài sản hoặc thu hồi dựa trên giá trị tương đương của tài sản nếu hành vi tội phạm được xác định mà tài sản đã bị tẩu tán hoặc không thể xác định được.

Cũng cần lưu ý rằng, việc thu hồi và xử lý tài sản tham nhũng có liên quan đến động vật hoang dã là các cá thể động vật hoang dã còn sống rất phức tạp bởi nếu không được tái thả về tự nhiên kịp thời do bị nuôi nhốt lâu khiến sức khoẻ suy giảm, đặc biệt trong khi các trung tâm cứu hộ không đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất khiến động vật hoang dã bị chết hoặc khó hoà nhập với môi trường sau khi được tái thả thì việc thu hồi tài sản khi đó không còn nhiều ý nghĩa. Tuy nhiên, ngoài một số ít quy định trực tiếp đề cập đến thu hồi tài sản tham nhũng trong BLHS và Luật PCTN, các quy phạm pháp luật về thu hồi tài sản tham nhũng ở Việt Nam hiện nằm tản mạn, rải rác và chủ yếu được quy định gián tiếp trong các văn bản pháp luật khác nhau. Các quy định về thu hồi tài sản tham nhũng chủ yếu chỉ dừng ở mức độ khái lược, ghi nhận về mặt nguyên tắc; ngay cả Luật Tương trợ tư pháp 2007 cũng chưa có các quy định cụ thể về thu hồi tài sản tham nhũng, mà chỉ có những quy định để áp dụng gián tiếp cho thu hồi tài sản tham nhũng trên cơ sở nguyên tắc tương trợ tư pháp.

Tổng thể các biện pháp can thiệp nhằm phòng, chống tham nhũng thúc đẩy buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã được tóm tắt như sau:



Hình 3 & 4: Giải pháp phòng, chống tham nhũng theo hệ thống tư pháp hình sự và chuỗi cung ứng động vật hoang dã¹

¹ Tanya Wyatt (2020), *Tham nhũng tiếp tay cho nạn buôn bán động vật, thực vật hoang dã trái pháp luật như thế nào.*

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích những rủi ro tham nhũng trong thực thi pháp luật về buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã ở Việt Nam.
2. Phân tích thực tiễn phòng, chống tham nhũng trong thực thi pháp luật về nuôi, nhốt động vật hoang dã ở Việt Nam
3. Phân tích thực tiễn phòng, chống tham nhũng trong thực thi pháp luật về săn bắt, tàng trữ và vận chuyển động vật hoang dã ở Việt Nam.
4. Phân tích thực tiễn phòng, chống tham nhũng trong thực thi pháp luật về kinh doanh và tiêu thụ động vật hoang dã ở Việt Nam.
5. Phân tích thực trạng sự tham gia của xã hội vào phòng, chống tham nhũng trong thực thi pháp luật về buôn bán động vật hoang dã ở Việt Nam.
6. Phân tích những giải pháp chính nhằm tăng cường phòng, chống tham nhũng gắn với buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Văn kiện, văn bản pháp luật

1. Bộ luật Hình sự các năm 1985, 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009), 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).
2. Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2003 (sửa đổi năm 2011), năm 2015.
3. Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.
4. Chỉ thị số 130-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 27/3/1993.
5. Chỉ thị số 359-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 29/5/1996.
6. Chỉ thị 03/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 20/02/2014.
7. Chỉ thị số 28/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 17/9/2016.
8. Công ước về Buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã bị đe dọa.
9. Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng.
10. Công ước của OECD về chống hối lộ các quan chức công quyền nước ngoài.

11. Công ước chống tham nhũng của Tổ chức các nước châu Mỹ.
12. Công ước chống tham nhũng của Liên minh châu Phi.
13. Công ước luật hình sự về tham nhũng của Hội đồng châu Âu.
14. Công ước luật dân sự về tham nhũng của Hội đồng châu Âu.
15. Công ước về đa dạng sinh học.
16. Công ước về các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế đặc biệt là nơi cư trú của các loài chim nước (RAMSAR), 1971.
17. Công ước về Bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, 1972.
18. Công ước Bonn năm 1979 về Bảo tồn các loài động vật hoang dã di cư.
19. Công ước Chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên Hợp Quốc, 2000.
20. Công ước về tiếp cận thông tin, tham gia của người dân vào hoạt động ra quyết định và tiếp cận bình đẳng đối với các vấn đề về môi trường (*Công ước Aarhus*).
21. Hiệp định ASEAN về bảo tồn thiên nhiên và các nguồn tài nguyên thiên nhiên (Kuala Lumpur, năm 1985).
22. Hiệp định Gổ nhiệt đới quốc tế năm 2006.
23. Luật Bảo vệ và Phát triển Rừng năm 1991, 2004.
24. Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.
25. Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014.

26. Luật Lâm nghiệp năm 2017.
27. Luật Thủy sản năm 2017.
28. Luật Đa dạng sinh học năm 2018.
29. Luật Tổ cáo năm 2018.
30. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 (sửa đổi các năm 2007, 2012), năm 2018.
31. Nghị định số 39/CP ngày 05/4/1963 ban hành “Điều lệ tạm thời về săn bắt chim, thú rừng”
32. Nghị định 18-HĐBT ngày 17/01/1992 quy định danh mục thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm và chế độ quản lý, bảo vệ thuộc 2 nhóm (nhóm I và II).
33. Nghị định 11/1999/NĐ-CP ngày 03/3/1999 của Chính phủ về hàng hóa cấm lưu thông, dịch vụ thương mại cấm thực hiện; hàng hóa, dịch vụ thương mại hạn chế kinh doanh hoặc kinh doanh có điều kiện.
34. Nghị định số 11/2002/NĐ-CP ngày 22/01/2002 của Chính phủ về việc quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và quá cảnh các loài động vật, thực vật hoang dã.
35. Nghị định số 48/2002/NĐ-CP ngày 22/4/2002 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung danh mục thực vật, động vật hoang dã quý hiếm ban hành theo Nghị định 18/HĐBT ngày 17/01/1992 của Hội đồng Bộ trưởng quy định danh mục thực vật, động vật hoang dã quý hiếm và chế độ quản lý, bảo vệ.

36. Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/3/2006 về quản lý động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm (thay thế hai Nghị định 18-HĐBT và 48/2002/NĐ-CP).
37. Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 10/8/2006 của Chính phủ về quản lý hoạt động xuất nhập khẩu, nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm.
38. Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.
39. Nghị định 103/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2013 Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản.
40. Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.
41. Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo.
42. Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

43. Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
44. Nghị định số 40/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 157/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý, phát triển, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.
45. Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
46. Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.
47. Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.
48. Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tổ tụng hình sự.
49. Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp,

- quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.
50. Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.
 51. Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp.
 52. Nghị định số 42/2019/NĐ-CP ngày 16/5/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Thủy sản.
 53. Nghị định số 64/2019/NĐ-CP sửa đổi Điều 7 nghị định 160/2013/NĐ-CP về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.
 54. Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 234 về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã và Điều 244 về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của BLHS năm 2015 và Điều 106 về xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử của BLTTHS.
 55. Pháp lệnh quy định việc bảo vệ rừng ngày 11/9/1972
 56. Quyết định số 256/2003/QĐ-Ttg ngày 02/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ ban hành *Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020*.
 57. Quyết định số 79/2007/QĐ-TTg ngày 31/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành *Kế hoạch hành động quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020*,

thực hiện Công ước Đa dạng Sinh học (CBD) và Nghị định thư Cartagena về an toàn sinh học.

58. Quyết định số 1250/QĐ-TTg ngày 31/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ) ban hành *Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.*
59. Thông tư số 90/2008/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về hướng dẫn xử lý tang vật là động vật rừng sau khi xử lý tịch thu.
60. Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường.
61. Thông tư số 04/2017/TT-BNNPTNT ngày 24/2/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.
62. Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.
63. Thông tư số 35/2018/TT-BTNMT ngày 28/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chí xác định và ban hành Danh mục loài ngoại lai xâm hại.
64. Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định xử lý động vật rừng là tang vật, vật chứng; động vật rừng do tổ chức, cá nhân tự nguyện giao nộp Nhà nước.

Tài liệu khoa học

65. Aled Williams, U4/CMI, Rob Parry-Jones, World Wide Fund for Nature, WWF, Dilys Roe Viện Nghiên cứu quốc tế về môi trường và phát triển, IIED, *Thiên nhiên đáp trả: Điểm khởi đầu xử lý tham nhũng trong tội phạm về động thực vật hoang dã*.
66. Ayling (2013), "What Sustains Wildlife Crime? Rhino Horn Trading and the Resilience of Criminal Networks", *Journal of International Wildlife Law & Policy*, Vol 16 (1), 2013.
67. Cao Ngoc Anh and Wyatt, T. (2012), "The Illegal Wildlife Trade in Vietnam", *Asian Journal of Criminology*. DOI: 10.1007/s11417-012-9154-y.
68. CRES/FPD/UNEP/CITES/IUED (2007), *Báo cáo đánh giá một số tác động về môi trường, kinh tế và xã hội của các chính sách quốc gia về buôn bán động vật, thực vật hoang dã ở Việt Nam*. Hà Nội, Việt Nam.
69. Mai Cường, *Bí mật bên trong những nhà hàng chuyên "xẻ thịt" động vật hoang dã*, dẫn theo <https://www.thiennhien.net/2017/07/05/bi-mat-ben-trong-nhung-nha-hang-chuyen-xe-thit-dong-vat-hoang-da/>
70. Trần Văn Bằng (2020), "Đa dạng sinh học ở Việt Nam: Thực trạng và thách thức bảo tồn", *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*: <https://vjst.vn/vn/tin-tuc/3184/da-dang-sinh-hoc-o-viet-nam--thuc-trang-va-thach-thuc-bao-ton.aspx>

71. BBC, *Lần theo dòng tiền “chảy” từ buôn lậu động vật hoang dã*, tại <https://www.bbc.com/vietnamese/world-45807054>.
72. Brack, D. and Hayman, G. (2002), *International Environmental Crime: the nature and control of environmental black markets*. London: Royal Institute of International Affairs, tại <https://www.chathamhouse.org/sites/files/chathamhouse/public/Research>.
73. Environmental Investigation Agency (2019), *Running out of time: Wildlife crime justice failures in Vietnam*.
74. Environmental Investigation Agency (2020), *Smoke and Mirrors: China’s complicity in the global illegal pangolin trade*.
75. Europol (2013), *Threat Assessment 2013. Environmental Crime in the EU*, tại <https://www.europol.europa.eu/publications-documents/threat-assessment-2013-environmental-crime-in-eu>.
76. Fison, M. (2011), “The £6bn trade in animal smuggling”. The Independent, at <http://www.independent.co.uk/environment/nature/the-1636bn-trade-in-animal-smuggling-2233608.html> #IUCN (2021), The IUCN Red List of Threatened Species.
77. Gary S. Becker (1998), *The Causes and Cures of Corruption*, at <https://www.project-syndicate.org/commentary/bec6/English>.
78. Bùi Bá Hân (2012), *Góp tiếng nói bảo vệ động vật hoang dã*, VnExpress: <https://vnexpress.net/gop-tieng-noi-bao-ve-dong-vat-hoang-da-2394447.html>, 4/8/2012.

79. Lưu Hương, *Nâng cao hiệu quả bảo vệ động vật hoang dã ở Việt Nam*, tại: <http://baochinhphu.vn/Phap-luat/Nang-cao-hieu-qua-bao-ve-dong-vat-hoang-da-o-Viet-Nam/371118.vgp>.
80. X. Hoa, *Luật “mở” cho nuôi hổ tùy tiện: Bé trai Thanh Hoá bị hổ vồ*, tại: <http://baophapluat.vn/ban-doc/luat-mo-cho-nuoi-ho-tuy-tien-be-trai-thanh-hoa-bi-ho-vo-338779.html>
81. Duc Hanh Nguyen (2020), “International cooperation and mutual legal assistance in criminal matters in handling with transnational wildlife trafficking crimes in Vietnam”, *E3S Web of Conferences* 164, 11006.
82. Đỗ Thu Huyền (2020), “Hợp tác quốc tế trong phòng, chống tham nhũng theo công ước LHQ và mức độ tương thích của pháp luật Việt Nam”, *Tạp chí Nội chính*, số 84, tr. 55-61.
83. Đỗ Thu Huyền (2020), “Kinh nghiệm quốc tế trong thu hồi, xử lý tài sản tham nhũng liên quan đến buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã và gợi mở cho Việt Nam”, *Tạp chí Nội chính*, số 82, tr. 51-56.
84. Janssen J. & Indenbaum R. A. (2019), “Endemic Vietnamese reptiles in commercial trade”, *Journal of Asia-Pacific Biodiversity*, 12(2019): 45–48.
85. INTERPOL and UNEP (2012), *Green Carbon, Black Trade: Illegal Logging, Tax Fraud and Laundering in the Worlds Tropical Forests*, tại <http://www.grida.no/publications/126>.
86. Klitgaard, Robert et al (2000), *Corrupt Cities: A Practical Guide to Cure and Prevention* (ISC Press, 2000).

87. Krishnasamy K. & Zavagli M. (2020), *Southeast Asia: At the heart of wildlife trade*. Traffic, Southeast Asia Regional Office.
88. Lord Acton, *Letter to Bishop Mandell Creighton*, 1887, at http://www.quotationspage.com/quotes/Lord_Acton.
89. Marshall B. M., Strine C., Hughes A. C. (2020), *Thousands of reptile species threatened by under-regulated global trade*. Nature communications: 1–12.
90. Monastersky, R. (2014), *Biodiversity: Life - a status report*. Nature, 516: 159-161.
91. Marceil Yeater, *Corruption and Illegal Wildlife Trafficking*. In: United Nations Office on Drugs and Crime, Corruption, Environment and the United Nations Convention Against Corruption, 2012.
92. Milman, O. (2014), “Rhino horn demand in Vietnam drops by more than 33% in one year”, The Guardian, tại <http://www.theguardian.com/environment/2014/oct/16/rhino-horn-demand-in-vietnam-drops-by-more-than-33-in-one-year>.
93. Xuân Mai, *Chặn đứng “tiền máu”*, tại <https://nld.com.vn/thoi-su-quoc-te/chan-dung-tien-mau-20171012212450652.htm>.
94. Monika Böhm et al. (2013), “The Conservation Status of the World’s Reptiles”, *Biological Conservation* 157, tr. 372–385.
95. Naylor, R. (2004), “The Underworld of Ivory”, *Crime, Law & Social Change*. 42: 261–295.

96. National Park Service (2012), *The National Parks: Index 2012-2016*, https://www.nps.gov/aboutus/upload/NPIndex_2012-2016.pdf
97. Thiên Ngọc, *Báo động nạn buôn bán động vật hoang dã*, Báo Công an Tp. HCM, tại http://congan.com.vn/vu-an/phong-su/bao-dong-nan-buon-ban-dong-vat-hoang-da_102668.html
98. OECD (2019), *The illegal wildlife trade in Southeast Asia: institutional capacities in Indonesia, Singapore, Thailand and Vietnam*.
99. Bạch Ngọc Bảo Quang, *Hướng dẫn xử lý các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã*, tại <https://snnptnt.thuathienhue.gov.vn/?gd=7&cn=210&tc=21968>
100. Đinh Văn Quế, “Bình luận tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã”, Tạp chí *Kiểm sát*, số 08/2019.
101. Đinh Văn Quế, *Bàn về các tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm*, đăng trên Luật sư Việt Nam Online, ngày 14/10/2018, tại <http://lsvn.vn/nghien-cuu-trao-doi/phan-tich-nghien-cuu/ban-ve-cac-toi-vi-pham-quy-dinh-ve-bao-ve-dong-vat-hoang-da-nguy-cap-quy-hiem-29183.html>.
102. Rosen, G., and Smith, K. (2010), “Summarizing the Evidence on the International Trade in Illegal Wildlife”, *Eco Health*. 7: 24–32.
103. Spevack B. (2020), *Animal Smuggling in Air Transport and Preventing Zoonotic Spillover. Report*.

104. Shana M. Sundstrom and Craig R. Allen (2014), *Complexity versus certainty in understanding species' declines*, Journal of Diversity and Distributions, First published: 03 January 2014 <https://doi.org/10.1111/ddi.12166>
105. Transparency International (1996), *The TI Sourcebook*, edited by Jeremy Pope. Berlin: TI.
106. Tanzi, Vito (1998), "Corruption Around the World: Causes, Consequences, Scope and Cures", Đặng Ngọc Thanh, Trần Kiên, Đặng Huy Huỳnh, Nguyễn Nhật Thi, Đặng Thị Đáp (Biên tập) (2007), *Sách Đỏ Việt Nam - phần 1. Động vật*, NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
107. Nguyễn Quảng Trường, Ngô Đắc Chứng, Lê Hùng Anh, Phạm Thị Nhị, Nguyễn Trường Sơn (2020), *Giáo trình phương pháp điều tra và giám sát đa dạng sinh học động vật*, NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
108. Nguyễn Thương, Kỳ 6: Xử lý tội phạm động vật hoang dã: Luật đã gỡ nhưng thực thi còn "bí", tại <https://baovemoitruong.org.vn/ky-6-xu-ly-toi-pham-dong-vat-hoang-da-luat-da-go-nhung-thuc-thi-con-bi/>
109. Nguyễn Cẩm Tú (2019), "Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự trong giải quyết các vụ án liên quan đến động vật hoang dã", Tạp chí *Kiểm sát*, số 16, tr. 62-64.
110. Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (2017), *Báo cáo Nhiệm vụ độc lập cấp Quốc gia "Dự án Báo cáo Dự án Tu chỉnh Sách Đỏ Việt Nam"*.

111. Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao (2016), *Tài liệu tập huấn Bộ luật Hình sự năm 2015*.
112. UNDP (2004), *Anti-corruption- Practice Note*, final version, tr.2, at http://intra.undp.org/b dp/anticorruption/sourcebook_ati.htm
113. UN General Assembly, *Tackling illicit trafficking in wildlife*, Resolution A/RES/73/343, tại <https://digitallibrary.un.org/record/3828828?ln=en>
114. UNODC (2019), *Scaling back corruption: a guide on addressing corruption for wildlife management authorities*.
115. UNODC, *Bộ công cụ phân tích Tội phạm về động, thực vật hoang dã và vi phạm lâm luật*, Báo cáo của Đoàn công tác UNODC tại Việt Nam, tại https://www.unodc.org/documents/southeastasiaandpacific/Publications/wildlife/Vietnam_Toolkit_Report_VN_-_final.pdf
116. United For Wildlife (2014), *London Conference on the Illegal Wildlife Trade: Declaration*, tại https://www.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment_data/file/281289/london-wildlife-conference-declaration-140213.pdf.
117. Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội (2020), Báo cáo số 1617/BC-UBKHCNMT14 ngày 8 tháng 1 năm 2020, tại <https://vanphong.langson.gov.vn/sites/vanphong.langson.gov.vn/files/2020-02/1617-BCgiamsat%20thuchienlucphapluatthihanhconguoc.pdf>

118. Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội (2021), *Tài liệu Hội thảo khắc phục tồn tại, bất cập trong thực hiện chính sách pháp luật về thực thi Công ước CITES*. Nha Trang, 16/4/2021.
119. Ủy ban Tư pháp của Quốc hội (2019), *Báo cáo số 2229/BC-UBTP14 ngày 22/12/2019*.
120. Warchol (2004), *The Transnational Illegal Wildlife Trade*, Journal on Criminal Justice Studies, Volume 17 (1).
121. WCS (2012), *Trong tầm mắt: Phân tích buôn bán động vật hoang dã xuyên quốc gia tại tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*.
122. WCS, “Hãy cùng nhau bảo vệ động vật hoang dã!”, Tạp chí Điện tử của Chương trình Thông tin Quốc tế Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, tháng 12/2012, tại <https://photos.state.gov/libraries/vietnam/8621/translations/ej0113-gowild.pdf>
123. World Bank (1997), *Helping Countries Combat Corruption: The Role of the World Bank*, Washington DC.
124. Wyatt, T, *Tham nhũng tiếp tay cho nạn buôn bán động vật, thực vật hoang dã trái pháp luật như thế nào* (tài liệu do WCS Việt Nam cung cấp).
125. Wyatt T. & Kelly Johnson & Laura Hunter & Ryan George & Rachel Gunter (2018), “Tham nhũng và buôn bán động vật, thực vật hoang dã trái pháp luật: Ba nghiên cứu trường hợp tại châu Á”, Tạp chí Tội phạm học châu Á, số 13, tr. 35-55.
126. Wyatt, T. and Kushner, A. (2014), “Global Illicit Wildlife Product Trafficking: Actors, Activities, and Assessment”. *A Report for the National Consortium for the Study of Terrorism*

and Responses to Terrorism (START), College Park, MD: University of Maryland.

127. Wyatt, T. and Anh Ngoc Cao (2015), *Corruption and wildlife trafficking*, U4 Issue, May 2015, No. 11, tại <https://www.u4.no/publications/corruption-and-wildlife-trafficking.pdf>.

Website

1. <https://www.cites.org>
2. <http://www.kiemplam.org.vn>
3. <https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/wildlife>
4. <https://www.iucn.org/resources/conservation-tools/iucn-red-list-threatened-species>
5. <https://eia-global.org/campaigns/wildlife>
6. <http://www.ohchr.org/EN/Issues/Development/GoodGovernance/Pages/GoodGovernanceIndex.aspx>
7. <https://www.thiennhien.net/2017/06/19/du-thao-luat-bao-ve-va-phat-trien-rung-sua-doi-van-chua-quy-dinh-ro-trach-nhiem-bao-ve-rung-cua-ca>
8. <https://www.unodc.org/unodc/en/corruption/ratification-status.html>
9. <https://vietnamforestry.org.vn/bao-ve-dong-vat-hoang-da/>
10. <http://www.adb.org/Documents/Policies/Anticorruption>
11. <https://wildleaks.org/>
12. <https://luathoangsa.vn/toi-vi-pham-quy-dinh-ve-bao-ve-dong-vat-nguy-cap-quy-hiem-dieu-244-nd60388.html>

